

Hòa Bình, ngày 13 tháng 05 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Quản lý văn hóa

Tên tiếng anh: Cultural management

Mã ngành: 6340436

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian đào tạo: 03 năm

(Ban hành kèm theo Quyết định số 312/QĐ-CDNTTB ngày 13 tháng 05 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức về Quản lý văn hóa để có năng lực tổ chức, điều hành các hoạt động văn hóa, nghệ thuật đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển văn hóa xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, tư cách đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh yêu nghề, nắm vững đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

1.2.2. Kiến thức

Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, nghiệp vụ về tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

1.2.3. Kỹ năng

Có kỹ năng tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trong lĩnh vực văn hóa, có khả năng tổ chức, hướng dẫn, điều khiển, duy trì và quản lý các hoạt động văn hóa ở các cơ quan, trường học, các cơ quan văn hóa xã phường, quản lý các thiết chế văn hóa. Có thể học tiếp lên trình độ cao hơn.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học: 36
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2970 giờ (135 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành: 2505 giờ
- Khối lượng các môn tự chọn: 30 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 938 giờ; Thực hành, Bài tập, thực tập: 1915 giờ;

Kiểm tra: 117 giờ.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Stt	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành bài tập thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	29	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	75	36	35	4
MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng anh)	8	120	42	72	6
II	Các môn học, chuyên môn ngành: 2505					
<i>II.1</i>	<i>Môn học, cơ sở ngành</i>	57	1125	528	540	57
MH 07	Thường thức mỹ thuật	2	30	28	0	3
MH 08	Thường thức âm nhạc	3	45	42	0	3
MH 09	Múa cơ bản	4	90	26	60	4
MH 10	Thanh nhạc cơ bản	4	90	26	60	4
MH 11	Trang trí khánh tiết	3	60	27	30	3

Stt	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành bài tập thảo luận	Kiểm tra
MH 12	Mĩ học đại cương	3	45	42	0	3
MH 13	Tâm lý học đại cương	3	45	42	0	3
MH 14	Xã hội học đại cương	2	45	13	30	2
MH 15	Tiếng anh giao tiếp	3	60	27	30	3
MH 16	Văn hóa giao tiếp	3	60	27	30	3
MH 17	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	42	0	3
MH 18	Đại cương khoa học quản lý	3	60	27	30	3
MH 19	Tôn giáo tín ngưỡng	3	60	27	30	3
MH 20	Dàn dựng chương trình nghệ thuật	5	120	25	90	5
MH 21	Văn hóa gia đình	3	60	27	30	3
MH 22	Soạn thảo văn bản hành chính	3	60	27	30	3
MH 23	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	90	26	60	4
MH 24	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	60	27	30	3
II.2.	Môn học chuyên môn ngành	47	1380	239	1106	35
MH 25	Chính sách văn hóa	3	60	27	30	3
MH 26	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	3	60	27	30	3
MH 27	Quản lý nhà nước về văn hóa	3	60	27	30	3
MH 28	Quan hệ công chúng	2	45	13	30	2
MH 29	Tổ chức sự kiện	4	90	26	60	4
MH 30	Quản lý di sản văn hóa	3	60	27	30	3
MH 31	Tổ chức hoạt động VH TT cơ sở	4	90	26	60	4
MH 32	Lễ hội dân gian Việt Nam	3	60	27	30	3
MH 33	Truyền thông đại chúng	2	45	13	30	2
MH 34	Quản lý các thiết chế văn hóa	4	90	26	60	4
MH 35	Thực tập nghề nghiệp	16	720	0	716	4
III.	Môn học tự chọn	2	30	14	14	2
MH 36	Nghệ thuật tạo hình một số dân tộc vùng TB	2	30	14	14	2
	Đàn Organ					
	Cộng	135	2970	938	1915	117

* Các môn thi tốt nghiệp	
1	Giáo dục Chính trị
2	Quản lý các thiết chế văn hóa
3	Dàn dựng chương trình nghệ thuật

*** Kế hoạch đào tạo chi tiết:**

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Số tiết	Học kỳ I	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6
I.	Các môn học chung	29	435						
1	Giáo dục Chính trị	5	75			75			
2	Pháp luật	2	30	30					
3	Giáo dục thể chất	4	60	30	30				
4	Giáo dục Quốc phòng và AN	5	75		75				
5	Tin học	5	75	75					
6	Ngoại ngữ (Tiếng anh)	8	120	60	60				
II.	Các môn học chuyên ngành								
II.1	Môn học cơ sở ngành	57	1125						
7	Thường thức mỹ thuật	2	30	30					
8	Thường thức âm nhạc	2	45	45					
9	Múa cơ bản	4	90			45	45		
10	Thanh nhạc cơ bản	4	90			45	45		
11	Trang trí khánh tiết	3	60					60	
12	Mĩ học đại cương	3	45	45					
13	Tâm lý học đại cương	3	45	45					
14	Xã hội học đại cương	2	45		45				
15	Tiếng anh giao tiếp	3	60				60		
16	Văn hóa giao tiếp	3	60				60		
17	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	45					
18	Đại cương khoa học quản lý	3	60		60				
19	Tôn giáo tín ngưỡng	3	60		60				
20	Dàn dựng chương trình nghệ thuật	5	120					60	60
21	Văn hóa gia đình	3	60				60		
22	Soạn thảo văn bản hành chính	3	60			60			
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	90					90	
II.2	Môn học chuyên ngành	47	1380						
24	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	60	60					
25	Chính sách văn hóa	3	60						60
26	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	3	60		60				

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Số tiết	Học kỳ I	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6
27	Quản lý nhà nước về văn hoá	3	60				60		
28	Quan hệ công chúng	2	45						45
29	Tổ chức sự kiện	4	90					90	
30	Quản lý di sản văn hóa	3	60			60			
31	Tổ chức hoạt động VH TT cơ sở	4	90						90
32	Lễ hội dân gian Việt Nam	3	60		60				
33	Truyền thông đại chúng	2	45		45				
34	Quản lý các thiết chế văn hoá	4	90					90	
35	Thực tập nghề nghiệp	16	720			180	180	180	180
<i>II.3</i>	<i>Môn học tự chọn</i>								
36	Nghệ thuật tạo hình một số dân tộc vùng TB	2	30						30
	Đàn Organ								
Cộng:		134	2970	465	495	465	510	570	465
* Các môn thi tốt nghiệp									
1	Giáo dục Chính trị								
2	Quản lý các thiết chế văn hóa								
3	Đàn dựng chương trình nghệ thuật								

Tổng số giờ toàn khoá: 3000 giờ (134 tín chỉ).

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường tổ chức, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khoá tại các Đoàn nghệ thuật; Nhà hát ca múa nhạc; Địa danh văn hóa lịch sử hoặc tham gia các hoạt động đoàn thể, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện và các đợt sinh hoạt chính trị.

- Thời gian cho hoạt động giáo dục ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Sinh hoạt văn hoá, văn nghệ	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện để đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 12 của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Thi kết thúc môn học được thực hiện bằng các hình thức thi: Viết; Vấn đáp; Trắc nghiệm; Thực hành.

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 25 phút/sinh viên

- Lịch thi của kỳ thi chính được thực hiện theo kế hoạch đào tạo trong năm học và được thông báo cho sinh viên trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần. Quá trình thi, chấm và thông báo kết quả được thực hiện đúng theo các quy định của Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên phải hoàn thành các môn học trong chương trình đào tạo của ngành học và điểm tổng kết mỗi môn học phải đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

- Điểm rèn luyện: Sinh viên đạt điểm xếp loại rèn luyện toàn khóa học từ loại Trung bình trở lên.

- Hồ sơ sinh viên: Đầy đủ theo quy định

- Có điểm Giáo dục quốc phòng, an ninh và Giáo dục thể chất.

- Hoàn thành chương trình thực tập nghề nghiệp của nhà trường.

* Để tốt nghiệp ra trường sinh viên phải thi tốt nghiệp các môn sau:

Stt	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Giáo dục chính trị	Viết	120 phút
2	Quản lý các thiết chế văn hóa	Viết	120 phút
3	Dàn dựng chương trình nghệ thuật	Thực hành	30 phút/sinh viên

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và tiến hành cấp bằng Cử nhân thực hành cho người học theo đúng quy định.

4.5. Các chú ý khác (Nếu có)

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các phòng, ban, khoa (để thực hiện)
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Minh Cường

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC
CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm
2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (lý thuyết: 41 giờ; thảo luận: 29 giờ; kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

- 2.1.3. Quá trình hình thành
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại
 - 2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân
 - 2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân
 - 2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân
 - 2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
 - 2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau
- 2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
- 2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay
 - 2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
 - 2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

- 2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam
 - 2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4

ĐẶC TRUNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8

PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phần đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy

trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC PHÁP LUẬT THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm
2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	Cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

- 2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật
 - 2.2.1.1. Quy phạm pháp luật
 - 2.2.1.2. Chế định pháp luật
 - 2.2.1.3. Ngành luật
- 2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

- 2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
 - 2.1.1. Khái niệm hiến pháp
 - 2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
 - 2.2.1. Chế độ chính trị
 - 2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
 - 2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: PHÁP LUẬT DÂN SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự
 - 2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
 - 2.3.2. Hợp đồng

Bài 4: **PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG**

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động
 - 2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
 - 2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
 - 2.3.3. Hợp đồng lao động
 - 2.3.4. Tiền lương
 - 2.3.5. Bảo hiểm xã hội
 - 2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
 - 2.3.7. Kỷ luật lao động
 - 2.3.8. Tranh chấp lao động
 - 2.3.9. Công đoàn

Bài 5: **PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH**

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

- 2.2.1. Vi phạm hành chính
- 2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
 - 2.2.1. Tội phạm
 - 2.2.2. Hình phạt

Bài 7: PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8: PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH .

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.

8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC
CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm
2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 60 giờ (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí: Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2

III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	30	2	26	2
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	2	26	2
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	2	26	2
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	2	26	2
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	2	26	2
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	2	26	2
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	2	26	2
	Cộng	60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I

GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II

CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỢI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay

- 2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
- 2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực
- 2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng
 - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân
 - 2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
 - 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gạt bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 75 giờ (lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:

NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2:

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hoà bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

- 2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay
- 2.3. Thảo luận

Bài 4:

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

- 2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
 - 2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia
 - 2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia
- 2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.5. Thảo luận

Bài 5:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6:

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7:

ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 9:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 10:

KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 12:

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
 - 2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm
 - 2.1.4. Súng diệt tăng B41
 - 2.1.5. Lựu đạn càn 97 Việt Nam, lựu đạn F-1
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
 - 2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn càn 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1
- 2.3. Thực hành

Bài 13:
KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

- 2.1. Chăm máu tạm thời
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Nguyên tắc chăm máu tạm thời
 - 2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu
 - 2.1.4. Các biện pháp chăm máu tạm thời
- 2.2. Cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy
- 2.3. Hô hấp nhân tạo
 - 2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở
 - 2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu
 - 2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPD, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biền tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;

- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
30. Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC TIN HỌC THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm
2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 75 giờ, (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức: Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết

Chương I

HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Bảng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

- 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
- 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
- 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

2.8.1. Lựa chọn máy in

2.8.2. In

Chương III XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

- 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
- 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
- 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
- 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
- 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
- 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
- 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
 - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
 - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
 - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV

SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng,

cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

- 2.6.1. Biểu thức số học
 - 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học
 - 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
 - 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp
- 2.6.2. Hàm
 - 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
 - 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
 - 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)
 - 2.6.2.4. Hàm điều kiện IF
 - 2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)
 - 2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)
 - 2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
 - 2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
 - 2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

- 2.7.1. Tạo biểu đồ
- 2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

- 2.8.1. Trình bày trang tính để in
- 2.8.2. Kiểm tra và in
- 2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.1.2. Thiết đặt (setting)

2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.1.4. Đánh dấu

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy).

Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC TIẾNG ANH
THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 120 giờ, (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 72 giờ; Kiểm tra và ôn tập: 6 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức: Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các

hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chôn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra Ôn tập
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
11	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
12	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
13	Bài 11: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
14	Bài 12: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
Tổng cộng		120	42	72	6

2. Nội dung chi tiết như sau

Bài 1

GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2

THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3

ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bằng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4

CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

- Hỏi về số lượng;

- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5

CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6 KỠ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7

CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;
- 2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8

SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play*, *go* và *do*;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;
- 2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 9

CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Lễ hội;
- 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
- 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10

NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11

CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 12

MUA SẮM (SHOPPING)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;

- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn

học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm

giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thường thức Mỹ thuật

Mã môn học: MH 07

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thảo luận, bài tập: 0 giờ và kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Giáo dục khái quát về khả năng cảm thụ cái đẹp và vận dụng những hiểu biết về cái đẹp vào học tập và sinh hoạt hàng ngày.

II. Mục tiêu môn học:

- Về Kiến thức: Cung cấp kiến thức về ngôn ngữ mỹ thuật và phương pháp đánh giá một tác phẩm mỹ thuật.

- Về Kỹ năng: Sinh viên biết đánh giá, phân tích các yếu tố tạo hình bằng ngôn ngữ mỹ thuật và vận dụng vào thực tiễn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học chủ động sáng tạo khi tham gia vào hoạt động Mỹ thuật, làm quen với cái đẹp của thiên nhiên và các tác phẩm Mỹ thuật, áp dụng vào cuộc sống, góp phần xây dựng môi trường thẩm mỹ cho xã hội.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, Bài tập	Kiểm tra
1	Ngôn ngữ mỹ thuật	12	12	0	2
2	Thể loại và chất liệu mỹ thuật	8	8	0	
3	Tác giả, tác phẩm tiêu biểu	10	10	0	
	Cộng	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Ngôn ngữ Mỹ thuật

(Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu

- Hiểu được đặc trưng ngôn ngữ của Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa;
- Phân biệt được sự đồng nhất và khác biệt giữa ngôn ngữ Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa;

- Vận dụng sự biểu hiện ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật thông qua việc phân tích một số tác phẩm Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa.

2. Nội dung

2.1. Vấn đề chung

2.2. Ngôn ngữ mỹ thuật

Chương 2: Thể loại và chất liệu mỹ thuật

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

- Nắm được khái niệm, thể loại, chất liệu của Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa

- Tác giả, tác phẩm tiêu biểu

2. Nội dung

2.1. Thể loại và chất liệu Hội họa

2.2. Thể loại và chất liệu Điêu khắc

2.3. Thể loại và chất liệu Đồ họa

Chương 3: Phân tích tác phẩm

(Thời gian: 10 giờ)

1. Mục tiêu

- Quy trình viết bài phân tích tác phẩm;

- Vận dụng tổng hợp ngôn ngữ mỹ thuật, thể loại, chất liệu để phân tích tác phẩm;

- Nêu giá trị một tác phẩm mỹ thuật tự chọn về nội dung/hình thức;

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Kiến thức liên quan tới phân tích tác phẩm

2.3. Quy trình viết phân tích tác phẩm

2.4. Thực hành phân tích tác phẩm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính + Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Hình ảnh trực quan

4. Các điều kiện khác: Đi thực tế

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Phân biệt được đặc điểm, ngôn ngữ tạo hình, thể loại và chất liệu của Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa.

- Kỹ năng: Tổng hợp và phân tích bằng ngôn ngữ mỹ thuật về nội dung và hình thức của tác phẩm mỹ thuật.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết vận dụng những kiến thức lý luận về mỹ thuật để giới thiệu cho công chúng thấy được cái hay cái đẹp từ hình thức tới nội dung của tác phẩm mỹ thuật.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm .

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Thường thức mỹ thuật thuộc các môn học cơ sở ngành Cao đẳng Quản lý Văn hóa.

- Kết thúc học kỳ giảng viên thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả của từng học phần theo quy định.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình; Vấn đáp; Gọi mở; Đánh giá.

- Đối với người học: Tiếp thu, ghi nhớ kiến thức và vận dụng vào bài tập các môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Phạm Thị Chinh, *Giáo trình Lịch sử mỹ thuật Thế giới*, Nxb Đại học Sư phạm, 2006.

- Phạm Thị Chinh, *Giáo trình Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, 2006.

- Phạm Đức Cường, *Kỹ thuật sơn mài*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2004

- E.H. Gombric (Lê Sĩ Tuấn biên dịch), *Câu chuyện nghệ thuật*, Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1998.

- Đặng Bích Ngân (Chủ biên), *Từ điển mỹ thuật phổ thông*, Nxb Giáo dục, 2002.

- Nguyễn Trân, *Nghệ thuật Đồ họa*, Nxb Mỹ thuật, 1995.

- Nguyễn Thụy, *Nghệ thuật tranh lụa*, Nxb Mỹ thuật, 2004.

- Nguyễn Quân, *Con mắt nhìn cái đẹp*, Nxb Mỹ thuật, 2004.

- *Tác giả - tác phẩm Mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.

- Trần Tiểu Lâm, Phạm Thị Chinh, *Giáo trình Mỹ thuật học*, Nxb Đại học Sư phạm, in lần thứ hai, 2008.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn

- Hình thức thi: Lý thuyết (có thể viết hoặc vấn đáp)

- Thời gian thi: 90 phút

- Điều kiện thi: Thực hiện theo quy chế

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thường thức Âm nhạc

Mã môn học: MH 08

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 42 giờ; thực hành, bài tập, thảo luận 0 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thường thức âm nhạc là Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Đây là học phần mang tính chất bắt buộc, được bố trí học vào kỳ I của năm thứ nhất.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm về âm nhạc, sự hình thành cách ghi nhạc trên không nhạc, Bấy âm cơ bản của âm nhạc và các bậc chuyển hóa trong âm nhạc. Nhận biết được một vài nhạc cụ thông dụng trên thế giới, Phân biệt để từ đó có thể thường thức và dần tiến tới việc tự thể hiện được một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu trong nền âm nhạc Việt Nam. Sinh viên biết được một số loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam.

- Về kỹ năng: nắm vững được khái niệm về âm nhạc, cách ghi cơ bản về âm nhạc; phân tích được một số đặc trưng cơ bản của nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam, phân biệt được đặc điểm, tính năng của một số nhạc cụ tiêu biểu của thế giới và Việt Nam để từ đó vận dụng trong công việc Quản lý nền văn hóa ở môi trường công tác của sinh viên.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hứng thú, say mê với môn học và vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1. Những kiến thức cơ bản về âm nhạc 1. Khái niệm về âm nhạc. 2. Bối cảnh lịch sử và sự ra đời nghệ thuật âm nhạc; lối ghi chép âm nhạc trên khuông nhạc với 5 dòng kẻ, 7 nốt nhạc cơ bản; Các bậc chuyển hóa.	8	8	0	

2	<p>Bài 2. Sơ lược giới thiệu về một số nhạc cụ thông dụng của thể giới và nhạc cụ truyền thống Việt Nam</p> <p>1. Sơ lược về các nhạc cụ thông dụng: đàn Piano; Guitarett; Trống nhạc nhẹ (trống jazz)</p> <p>2. Sơ lược một số nhạc cụ dân tộc Việt Nam: Trống đồng, Cồng chiêng, Thanh la Não bát, Trống, Phách, Sáo, Tiêu, Nhị, Hồ, Tam, Tứ, Tranh, Tam thập lục, Đàn Bầu.v.v...</p>	12	11	0	1
3	<p>Bài 3: Một số loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống tiêu biểu của Việt Nam</p> <p>1. Khái quát về nghệ thuật âm nhạc Việt Nam.</p> <p>2. Nghệ thuật sân khấu Cải Lương</p> <p>3. Nghệ thuật sân khấu Chèo</p> <p>4. Nghệ thuật sân khấu Tuồng</p> <p>5. Nghệ thuật Múa rối nước</p>	12	12	0	
4	<p>Bài 4: Sơ lược một số loại hình nghệ thuật truyền tiêu biểu khác của Việt Nam</p> <p>1. Nhạc Cung đình</p> <p>2. Nghệ thuật Hát bội</p> <p>3. Ca trù</p> <p>4. Hát Vãn; Hát xẩm</p> <p>* Ôn tập, Kiểm tra</p>	13	11	0	2
Cộng		45	42	0	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1

Những kiến thức cơ bản về âm nhạc

(Thời gian: 08 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm và bối cảnh ra đời của âm nhạc; lối ghi chép nhạc, khuôn nhạc, khóa nhạc (khóa xon), 5 dòng kẻ, 7 nốt nhạc cơ bản, các âm chuyển hóa.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về âm nhạc.

2.2. Bối cảnh lịch sử và sự ra đời, lối ghi chép âm nhạc trên khuông nhạc, khóa nhạc (khóa xon), 5 dòng kẻ, 7 nốt nhạc cơ bản, các âm chuyển hóa.

Bài 2

Sơ lược giới thiệu về một số nhạc cụ thông dụng của thế giới và nhạc cụ truyền thống Việt Nam (Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được về một số nhạc cụ thông dụng trên thế giới như: đàn Piano; Guitarett; Trống nhạc nhẹ (trống jazz); Nhận biết được một số nhạc cụ dân tộc Việt Nam như: Trống đồng, Công chiêng, Thanh la Náo bạt, Trống, Phách, Sáo, Tiêu, Nhị, Hồ, Tam, Tứ, Tranh, Tam thập lục, Đàn Bầu.v.v...

2. Nội dung

2.1. Một số nhạc cụ thông dụng trên thế giới

2.1.1. Đàn Piano

2.1.2. Đàn Guitarett

2.1.3. Trống nhạc nhẹ (trống Jazz)

2.2. Một số nhạc cụ dân tộc Việt Nam

2.2.1. Trống đồng, Công chiêng, Thanh la Náo bạt

2.2.2. Trống, Phách

2.2.3. Sáo, Tiêu, Nhị, Hồ

2.2.4. Tam, Tứ, Tranh, Tam thập lục, Đàn Bầu.v.v...

Bài 3

Một số loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống tiêu biểu của Việt Nam (Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên biết được một số loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về nghệ thuật truyền thống Việt Nam.

2.1.1. Nghệ thuật Việt Nam là một nền Nghệ thuật ra đời sớm

2.1.2. Nghệ thuật Việt Nam là một nền Nghệ thuật đa sắc tộc

2.1.3. Nghệ thuật Việt Nam là sản phẩm của nền văn hóa vật chất và văn hóa tâm linh của các cư dân trên đất nước ta

a/ Nghệ thuật Việt Nam là sản phẩm của nền văn hóa vật chất

b/ Nghệ thuật Việt Nam là sản phẩm của nền văn hóa tâm linh

2.1.4. Nghệ thuật Việt Nam có cơ sở là một nền nghệ thuật bản địa mang truyền thống văn hóa Đông Nam Á

3. Nghệ thuật Cải Lương

3.1. Vài nét về lịch sử

3.2. Đặc điểm của sân khấu Cải lương

3.3. Âm nhạc trong nghệ thuật Cải lương

3.4. Âm điệu trong nghệ thuật Cải lương

4. Nghệ thuật sân khấu Chèo

4.1. Khái niệm

4.2. Vài nét về lịch sử

4.3. Nội dung

4.4. Tính chất chính của nghệ thuật sân khấu Chèo

4.5. Nhân vật trong Chèo

4.6. Kỹ thuật kịch (kịch tính trong Chèo)

4.7. Nhạc cụ

4.8. Giai điệu

4.9. Phân loại trong nghệ thuật sân khấu Chèo

5. Nghệ thuật sân khấu Tuồng

5.1. Vài nét về lịch sử

5.2. Diễn xuất

5.3. Hóa trang

5.4. Kịch bản

6. Nghệ thuật Múa rối nước

6.1. Vài nét về lịch sử

6.2. Sân khấu, con rối trong Múa rối nước

6.3. Nghệ thuật diễn xuất trong Múa rối nước

6.4. Âm nhạc trong nghệ thuật Múa rối nước

Bài 4

Sơ lược một số loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu khác của Việt Nam

(Thời gian: 13 giờ)

1. Nhạc Cung đình

1.1. Đặc điểm và vai trò

1.2. Vài nét về lịch sử

- 1.3. Nhạc cụ
- 1.4. Phân loại
- 1.5. Thể loại trong nhạc cung đình
- 2. Nghệ thuật Hát bội
 - 2.1. Vài nét về lịch sử
 - 2.2. Hát Bội – Nghệ thuật sân khấu Miền Trung
 - 2.3. Nhạc vũ trong hát Bội Bình Định
- 3. Ca trù
 - 3.1. Tên gọi và nguồn gốc
 - 3.2. Loại hình
- 4. Hát Văn; Hát xẩm
 - 4.1. Hát Văn
 - 4.2. Hát Xẩm
- * Ôn tập, Kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn:** 01 phòng học lý thuyết
- 2. Trang thiết bị máy móc:** Đàn Piano; Bảng có dòng kẻ khuông nhạc; Máy trình chiếu, máy tính, tăng âm, loa đài (nếu có)
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- 1. Nội dung
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm về âm nhạc. Nhận biết được một vài nhạc cụ thông dụng trên thế giới và các nhạc cụ tiêu biểu của Việt Nam. Cơ bản nắm được quá trình ra đời và phát triển của một số loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam.
 - Kỹ năng: Đánh giá sinh viên thông qua các bài tập thực hành, thảo luận trên lớp, bài tập về nhà. Có kỹ năng hoạt động độc lập, năng lực hoạt động nhóm
 - Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình đào tạo dành cho ngành Cao đẳng Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Hướng dẫn theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: tăng cường học nhóm, làm bài tập trực tiếp trên lớp nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học. Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý: Nội dung trong cả 4 bài đều là những kiến thức cơ bản quan trọng với đối tượng người học.

4. Tài liệu tham khảo:

- Vũ Tự Lân biên dịch và V.A.VA-KH'RA-MÊ-ÉP - Lý thuyết âm nhạc cơ bản - Nxb Văn Hóa, Hà Nội (1982).

- Thụy Loan - Lịch sử âm nhạc Việt Nam - Nhạc Viện Hà Nội - Nxb Âm nhạc (1993).

- Trần Thế Bảo - Lịch sử Âm nhạc Việt Nam - NXB Thanh niên (2017).

- Tô Vũ - Âm nhạc Việt Nam truyền thống và hiện đại - Viện Âm nhạc (2002).

- Tiến trình và thành tựu Âm nhạc Việt Nam - Nhiều tác giả - Nxb âm nhạc (2000).

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học:

- Hình thức thi: Thi Viết hoặc thi Vấn đáp

1/ Thi viết:

- Thời gian thi: 90 phút

2/ Thi vấn đáp: Sinh viên bốc đề bài và trả lời nội dung yêu cầu của đề bài
(*thời gian thi: theo Quy định*)

- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa cơ bản

Mã môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết 26 giờ; thực hành: 60 giờ, Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí tính chất môn học.

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Nhằm nâng cao sự linh hoạt và vận dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt các động tác vào tác phẩm nghệ thuật bằng những kiến thức đã được học với tính thẩm mỹ cao.

II. Mục tiêu môn học.

1. Về kiến thức.

Chuẩn bị chung cho cả hệ thống múa cơ bản dân gian Việt Nam, giải quyết độ mềm, khả năng dùng sức từng bộ phận (đầu gối, cổ chân, bàn chân, cổ tay, cánh tay, ngón tay) đến sự phối hợp hài hòa toàn thân, bước đầu tạo nên phong cách dáng nét trong múa dân tộc.

Giúp sinh viên hiểu biết về phong tục tập quán, luật động tác múa cơ bản của các dân tộc.

2. Về kỹ năng.

Vận dụng vào môn học và thực hành mô đun múa dân gian dân tộc và các tác phẩm biểu diễn để có những hiểu biết đúng đắn, sâu sắc về nghề nghiệp.

Giúp cho sinh viên có kỹ năng thực hiện tốt những kỹ thuật, kỹ xảo của múa dân gian.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Đủ sức khỏe, tham gia hết khóa học.

Tham gia đầy đủ các giờ học tập trên lớp, tiếp thu và nắm vững yêu cầu giáo viên. Thái độ học tập nghiêm túc, sáng tạo.

Tự ôn ngoài giờ

Chuẩn bị đầy đủ quần áo, giày tập, đạo cụ theo yêu cầu của môn học.

Tham dự kiểm tra và thi.

III. Nội dung môn học.

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Stt	Tên bài	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Dân tộc Kinh * Phần tay không 1. Hái đào 1 tay, 2 tay 2. Guộn đèn 3. Vuốt guộn đuôi a-b-c 4. Xiển thế 1 5. Đi lướt 6. Nhún mềm bằng	22	6	15	1
2	Bài 2: Dân tộc Thái(quả nhạc + đàn tính) 1. Nhún mừng lay a-b 2. Tò bó a-b 3. Đi phong thổ	16	6	10	
3	Bài 3: Dân tộc H'Mông (khăn + khèn) 1. Đi xúng xính 2. Vẽ vòng khăn 3. Đi ngang tung khăn 4. Quay ngang đổi chỗ 5. Chọi gà a 6. Quay mèo hoa di động	21	5	15	1
4	Bài 4. Dân tộc Mường 1. Guộn hoa a,b 2. Đọ hoa 3. Đi nâng bông	15	4	10	1
5	Bài 5: Dân tộc Khơ mú Tây Bắc 1. Nhún đánh hươn mạy tại chỗ 2. Giáp lưng giáp mặt 3. Đi đánh hươn mạy 4. Au eo	16	5	10	1
Cộng		90	26	60	4

2. Nội dung chi tiết:

1. Mục tiêu

Trang bị cho học sinh những kiến thức chung về các điệu múa cơ bản của dân tộc Kinh, Thái, H'Mông, Mường, Khơ mú. Giải quyết độ mềm (đầu gối, cổ chân, bàn chân, cổ tay, cánh tay, bàn tay), nắm được luật động tác cơ bản.

2. Nội dung

Bài 1. Dân tộc Kinh (tay không)

(Thời gian: 22 giờ)

- 2.1. Hái đào 1 tay, 2 tay
- 2.2. Guộn đèn
- 2.3. Vuốt guộn đuôi a-b-c
- 2.4. Xiển thế 1
- 2.5. Đi lướt
- 2.6. Nhún mềm bằng

Bài 2. Dân tộc Thái (quả nhạc + đàn tính)

(Thời gian: 16 giờ)

- 2.1. Nhún mừng lay a-b
- 2.2. Tó bó a-b
- 2.3. Đi phong thổ

Bài 3: Dân tộc H'Mông (khăn + khèn)

(Thời gian: 21 giờ)

- 2.1. Đi xúng xính
- 2.2. Vẽ vòng khăn
- 2.3. Đi ngang tung khăn
- 2.4. Quay ngang đổi chỗ
- 2.5. Chọi gà a
- 2.6. Quay mèo hoa di động

Bài 4. Dân tộc Mường

(Thời gian: 15 giờ)

- 2.1 Guộn hoa a,b
- 2.2. Đọ hoa
- 2.3. Đi nâng bông

Bài 5. Dân tộc Khơ mú Tây Bắc

(Thời gian: 16 giờ)

- 2.1. Nhún đánh hươn mạy tại chỗ
- 2.2. Giáp lưng giáp mặt
- 2.3. Đi đánh hươn mạy
- 2.4. Au eo

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học chuyên ngành múa (sàn gỗ).

2. Trang thiết bị máy móc: Gương soi. Quạt điện. Nhạc cụ dân tộc (đàn tam thập lục). Trang thiết bị nghe nhìn (Loa, Đài, Màn hình, Míc trợ giảng) đài đĩa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ học tập. Đạo cụ đầy đủ theo từng học phần, trang phục lên lớp theo yêu cầu của môn học.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Khả năng tiếp thu và vận dụng vào bài học. Nắm chắc các luật động tác cơ bản về các thế tay, thế chân và một số động tác cơ bản.

- Kỹ năng: Thực hiện đúng kỹ thuật luật động, động tác, khả năng dùng sức từng bộ phận đến sự phối hợp toàn thân. Bước đầu tạo nên phong cách, dáng nét trong múa dân gian dân tộc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức ,tự giác trong học tập, tự rèn luyện ngoài giờ. Đảm bảo đủ số giờ lên lớp theo đúng quy định. Thái độ học tập nghiêm túc, sáng tạo. Tham gia tích cực vào giờ giảng.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm theo các nội dung học, được thực hiện thông qua việc huấn luyện động tác nhuần nhuyễn điều luyện, việc kết hợp hài hòa trong các loại bài tập, tổ hợp.

- Hình thức thi: Thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Dùng cho giảng dạy ngành Cao đẳng Quản lý văn hóa. (hệ đào tạo 3 năm)*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.* (Phương pháp dạy chủ động, nghĩa là phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, chủ yếu tập trung vào tính phát huy tính tích cực chủ động của người học chứ không phải tập chung vào tính phát huy tính tích chủ động của người dạy).

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giáo viên đã hướng dẫn.*

- Nắm được trọng tâm, trọng điểm bài học.

- Tự tin và hứng thú khi đi học.

- Tập trung theo dõi bài giảng,

- Tập trung nghe, hiểu vấn đề rồi thực hiện theo bài giảng.

- Tập trung vào những nội dung chính, những điểm quan trọng nhất mà giảng viên thường nhấn mạnh qua ngữ điệu, qua việc nhắc lại nhiều lần.

3. Những trọng tâm cần chú ý: giải quyết độ mềm dẻo của thân trên, ngón tay, bàn tay, cổ tay, cánh tay, bàn chân, cổ chân, đầu gối.

4. Tài liệu tham khảo:

- Chương trình múa dân gian hệ 6 năm do tổ dân gian Trường CĐ múa Việt Nam biên soạn.

- Chương trình múa dân gian hệ 4 năm do tổ dân gian Trường CĐ múa Việt Nam biên soạn.

- Chương trình múa dân gian hệ 3-4 năm do tổ dân gian Trường ĐHVH Quân Đội biên soạn.

- Chương trình múa dân gian hệ 4 năm do tổ dân gian Trường CĐ Văn hóa dân gian biên soạn.

- Giáo trình múa các dân tộc Việt Nam do tổ dân gian các thế hệ, giáo viên trường CĐ VHNT Tây Bắc sưu tầm và biên soạn.

- Các tài liệu sách, băng đĩa hình liên quan đến đời sống văn hóa và kỹ thuật múa các dân tộc Việt Nam.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thanh nhạc cơ bản

Mã môn học: MH 10

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, Bài tập: 60 giờ; Kiểm tra 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng..

- Tính chất: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật hát, bao gồm:

+ Phần lý thuyết: Thanh nhạc cơ bản.

+ Thực hành hát ca khúc (các ca khúc đơn giản).

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Nắm bắt được những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực thanh nhạc và hát được các ca khúc ở trình độ đơn giản.

- Về kỹ năng: Có kỹ thuật cơ bản về Hơi thở, khẩu hình, vị trí âm thanh... Cảm thụ và đánh giá được người hát thông qua kỹ thuật thanh nhạc (*hát legato, staccato, hát khu trầm, âm khu trung và hát chuyển giọng, hát có vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau*).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết phân biệt được sự thống nhất trong kỹ thuật Thanh nhạc, biết áp dụng hơi thở, âm thanh... vào hát ca khúc ở các mức độ dễ, khó được xác định theo âm vực, tiết tấu, cấu trúc, giọng điệu và sắc thái, tình cảm nghệ thuật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Stt	Tên bài	Tổng số	Thời gian		
			Lý thuyết	Thực hành Bài tập	Kiểm tra
Học kỳ I		45	13	30	2
1	Bài 1: Giới thiệu cơ quan phát âm của con người	45	4		1
2	Bài 2: Hơi thở thanh nhạc		4		
3	Bài 3: Phân loại giọng hát		2		
4	Bài 4: Âm khu của giọng hát		2		
5	Bài 5: Tiêu chuẩn của âm thanh		1		

6	Bài 6: Thực hành thanh nhạc giai đoạn một			1	
7	Bài 7: Luyện tập hơi thở thanh nhạc			1	
8	Bài 8: Các hình thức phát âm			1	
9	Bài 9: Phương pháp phát âm			1	
10	Bài 10: Kiểm tra định kỳ				
11	Bài 11: Phương pháp lấy hơi trong câu hát			1	1
12	Bài 12: Xử lý ngôn ngữ thanh nhạc			1	
13	Bài 13: Tập hát trên âm khu tự nhiên (giai đoạn 1)			23	
14	Bài 14: Ghép hát với phần đệm Piano			1	
15	Bài 15: Kiểm tra học phần 1				
Học kỳ 2		45	13	30	2
1	Thực hành thanh nhạc giai đoạn 2 Bài 1: Củng cố âm khu tự nhiên	45	1		1
2	Bài 2: Mở rộng âm khu tự nhiên		2		
3	Bài 3: Sửa chữa sai lệch về âm sắc		2		
4	Bài 4: Hát liền giọng (Cantilena)		2		
5	Bài 5: Hát lướt nhanh (Pasage)		2		
6	Bài 6: Kiểm tra định kỳ				
7	Bài 7: Hát âm nảy (Staccato)		2		
8	Bài 8: Hát sắc thái to nhỏ		2		1
9	Bài 9: Thực hành thanh nhạc			26	
10	Bài 10: Ghép hát và nhạc đệm			4	
11	Bài 11: Kiểm tra học phần 2				

2. Nội dung chi tiết

Học kỳ I

Mục tiêu

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lý thuyết thanh nhạc, bao gồm những nội dung sau:

- Giới thiệu cơ quan phát âm của con người (Phổi, Thanh quản, cuống họng, Miệng); Hơi thở thanh nhạc; Phân loại giọng hát; Âm khu của giọng hát; Tiêu chuẩn của âm thanh.

- Tập các bài tập về hơi thở, khẩu hình; luyện thanh và tập hát các bài hát trong âm khu tự nhiên.

Bài 1

Giới thiệu cơ quan phát âm của con người

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên nhận thức rõ về lý thuyết của các cơ quan phát âm của con người, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

Giới thiệu cơ quan phát âm của con người; cấu tạo phổi của con người; cấu tạo thanh quản của con người; cấu tạo cuống họng của con người; cấu tạo miệng của con người;

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 2

Hơi thở thanh nhạc

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên có kiến thức về hơi thở thanh nhạc từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Học sinh - sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

1. Chương II: Hơi thở thanh nhạc:

Những quan điểm khác nhau về hơi thở; vị trí hơi thở trong kỹ thuật thanh nhạc; quá trình phát triển của hơi thở thanh nhạc; luyện tập hơi thở thanh nhạc:

- Hơi thở ngực
- Hơi thở ngực kết hợp với bụng

- Hơi thở ngực dưới và bụng
- Hơi thở bụng

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 3

Phân loại giọng hát

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên có kiến thức xác định phân loại giọng hát, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

1. Chương III: Phân loại giọng hát:

Ý nghĩa quan trọng của việc xác định phân loại giọng hát; những cách xác định phân loại giọng hát:

- Xác định, phân loại giọng hát thông qua âm vực của giọng
- Xác định, phân loại giọng hát thông qua đặc tính về âm sắc của giọng
- Xác định, phân loại giọng hát thông qua vị trí các nốt chuyển giọng
- Xác định, phân loại giọng hát thông qua âm tầm cũ cao thấp (tessitura)

của tác phẩm phù hợp với từng loại giọng

- Xác định, phân loại giọng hát bằng cách đo thanh đới

Đặc điểm của từng loại giọng hát

- Giọng nữ cao (soparano)
- Giọng nữ trung (mezzo soprano)
- Giọng nữ trầm (contralto hoặc alto)
- Giọng nam cao (tenore)
- Giọng nam trung (baritone)
- Giọng nam trầm (base)

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 4

Âm khu của giọng hát

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên có kiến thức về âm khu của giọng hát, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

1. Chương IV: Âm khu của giọng hát:

Định nghĩa âm khu và sự phân chia âm khu của giọng hát; âm khu các giọng nam; âm thanh mở và âm thanh đóng; giọng giả; âm khu các giọng nữ;

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 5

Tiêu chuẩn của âm thanh

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên các kiến thức về tiêu chuẩn của âm thanh, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

1. Chương V: Tiêu chuẩn của âm thanh:

Hình dáng của mồm khi hát; hoạt động của môi khi hát; hoạt động của lưỡi khi hát; hoạt động của hàm khi hát; hoạt động của hàm ếch khi hát.

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 6

Thực hành thanh nhạc giai đoạn một

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên áp dụng những kiến thức cơ bản đã học từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ

- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học: Thực hành thanh nhạc giai đoạn một

- Tư thế của ca hát.
- + Tư thế khi luyện thanh
- + Tư thế khi hát

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 7

Luyện tập hơi thở thanh nhạc

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên có kiến thức để luyện tập hơi thở thanh nhạc, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

1. Luyện tập hơi thở thanh nhạc

- Điểm tựa của hơi thở thanh nhạc.
- Rèn luyện hơi thở thanh nhạc

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 8

Các hình thức phát âm

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên nhận thức rõ về lý thuyết về các hình thức phát âm, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

1. Các hình thức phát âm

- Ba hình thức phát âm.
- + Phát âm thông thường

- + Phát âm không bình thường
- + Phát âm có khống chế hơi thở

2. Những thói quen của người mới tập hát

- Người mới tập hát dễ mắc phải
- Vị trí và hoạt động của 2 dây thanh

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 9

Phương pháp phát âm

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên luyện tập phương pháp phát âm, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

1. Phương pháp phát âm

- Phương pháp.
- Cách mở khẩu hình trong thanh nhạc
- Rèn luyện các khí quản phát âm
- Âm thanh được phóng ra phía trước

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 10

Kiểm tra định kỳ

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm đánh giá sinh viên sau một thời gian học tập, từ đó nắm bắt và kịp thời điều chỉnh lượng kiến thức cho phù hợp với nhận thức của sinh viên.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

Bài 11

Phương pháp lấy hơi trong câu hát

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên nhận thức rõ về lý thuyết phương pháp lấy hơi trong câu hát, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

- Phương pháp lấy hơi trong câu hát

- + Những điều cần lưu ý
- + Quy định lấy hơi trong bài hát

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 12

Xử lý ngôn ngữ thanh nhạc

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên nhận thức rõ về lý thuyết xử lý ngôn ngữ thanh nhạc, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

- Xử lý ngôn ngữ thanh nhạc

- + Sự quan trọng của việc hát rõ lời
- + Đặc điểm ngôn ngữ Việt Nam

2. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 13

Tập hát trên âm khu tự nhiên (giai đoạn 1)

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên tập hát trên âm khu tự nhiên, từ đó áp dụng kỹ thuật vào thực hành thanh nhạc.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ

- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

II. Nội dung bài học

1. Những yêu cầu luyện thanh trên âm khu tự nhiên

1.1. Kỹ thuật thanh nhạc cơ bản

1.2. Phương châm luyện tập kỹ thuật thanh nhạc

1.3. Tiến độ của luyện tập thanh nhạc

1.4. Thời gian luyện tập

1.5. Yêu cầu trong khi luyện thanh

2. Thực hành luyện thanh trên âm khu tự nhiên

2.1. Hướng dẫn luyện thanh

2.2. Thang âm dịch giọng từng nửa cung đi lên

2.3. Tập hát bài Vocalise (phạm vi từ 01 đến 05 trong tuyển tập 30 bài Vocalise)

2.4. Tập hát bài hát Việt Nam

3. Bài tập về nhà.

- Ôn tập lại nội dung bài học

Bài 14

Ghép hát với phần đệm Piano

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Sinh viên được hát trên phần đệm của đàn Piano, nhằm chuẩn bị cho chương trình kiểm tra hết học phần I.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ

- Có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập

3. Nội dung

- Ghép đàn bài Vocalise được ấn định trong phạm vi từ số 01 đến số 05 đã được học, hoặc bài Vacca.

- Ghép đàn bài hát Việt Nam đã được học

Bài 15

Kiểm tra học kỳ I

1. Hình thức: Thực hành biểu

2. Nội dung thi: Nằm trong chương trình môn học

- Học sinh thi gồm:

+ 1 bài Vocalise hoặc bài Vacca (trong phạm vi từ 01 đến 05)

+ 1 bài hát Việt Nam

3. Yêu cầu

- Trước khi vào thi, giảng viên có thời gian đầu giờ hướng dẫn các bài tập về hơi thở; Luyện thanh cho sinh viên; chuẩn bị thật tốt tâm thế cho sinh viên tự tin bước vào phần thi của mình.

Học kỳ II Thực hành thanh nhạc giai đoạn 2

Mục tiêu:

Nhằm mục đích củng cố âm thanh âm khu tự nhiên và tiến hành luyện thanh mở rộng âm khu tự nhiên, nhằm phát triển âm vực giọng hát rộng hơn.

Luyện thanh các mẫu âm khó dần; hát các bài Vocalise khó dần; hát các bài Việt Nam ở âm vực rộng hơn.

Bài 1 Củng cố âm khu tự nhiên

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

- Nhằm củng cố thật tốt phần âm thanh ở âm khu tự nhiên.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

II. Thực hành

1. Hướng dẫn luyện thanh (theo mẫu)

2. Học bài mới:

2.1. Tập bài Vocalise số 06, 07 hoặc

2.2. Ca khúc Việt nam

- Theo gợi ý trong giáo trình

2.3. Ca khúc nước ngoài (hát lời Việt)

- Theo gợi ý trong giáo trình

3. Bài tập về nhà.

3.1. Học bài Vocalise hoặc bài Vacca số 06.

3.2. Bài ca khúc Việt Nam

3.3. Ca khúc nước ngoài (hát lời Việt)

Bài 2 Mở rộng âm khu tự nhiên

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

- Sinh viên đã làm tốt phần âm thanh âm khu tự nhiên, chúng ta cần luyện tập cho sinh viên tập mở rộng âm vực giọng hát.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

II. Thực hành

1. Hướng dẫn luyện thanh (theo mẫu)

2. Học bài mới:

2.1. Tập bài Vocalise số 08, 09, 10 (Trong tuyển tập 30 bài Vocalise)

2.2. Tập bài hát Việt nam

Theo gợi ý trong giáo trình

2.3. Tập bài hát nước ngoài (hát lời Việt)

Theo gợi ý trong giáo trình

3. Bài tập về nhà.

3.1. Ôn bài Vocalise số 08, 09, 10 (Trong tuyển tập 30 bài Vocalise)

3.2. Ôn bài hát Việt nam

Theo gợi ý trong giáo trình

3.3. Tập bài hát nước ngoài (hát lời Việt)

Theo gợi ý trong giáo trình

Bài 3

Sửa chữa sai lệch về âm sắc

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm sửa chữa những sai lệch về âm sắc của giọng hát cho sinh viên.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

II. Thực hành

1. Hướng dẫn luyện thanh (theo mẫu)

2. Học bài mới:

- Sửa chữa sai lệch về âm sắc:

+ Cửa giọng hát

+ Cửa giọng cổ

+ Cửa giọng mũi

+ Hát không chuẩn xác cao độ

3. Bài tập về nhà.

- Ôn tập bài đã học

Bài 4: Hát liền giọng (Cantilena)

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm hướng dẫn cho sinh viên, nắm bắt được thế nào là cách hát liền giọng (Cantilena).

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

II. Thực hành

1. Hướng dẫn luyện thanh (theo mẫu)

2. Học bài mới:

- Hát liền giọng (Cantilena)

3. Bài tập về nhà.

- Ôn tập bài đã học

Bài 5

Hát lướt nhanh (Pasage)

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm hướng dẫn cho sinh viên, nắm bắt được thế nào là cách hát lướt nhanh (Pasage).

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

II. Thực hành

1. Hướng dẫn luyện thanh (theo mẫu)

2. Học bài mới:

- Hát lướt nhanh (Pasage)

3. Bài tập về nhà.

- Ôn tập bài đã học

Bài 6

Kiểm tra định kỳ

1. Mục đích

- Nhằm đánh giá năng lực của sinh viên sau một thời gian học.

- Sinh viên thể hiện năng lực bằng cách trình bày các ca khúc đã được học.

2. Yêu cầu

Hát đúng tác phẩm, đúng kỹ thuật, xử lý sắc thái tình cảm đúng yêu cầu.

Bài 7

Hát âm nảy (Staccato)

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm sửa chữa những sai lệch về âm sắc của giọng hát cho sinh viên

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

II. Thực hành

1. Hướng dẫn luyện thanh (theo mẫu)

2. Học bài mới:

- Hát âm nảy (Staccato)

3. Bài tập về nhà.

- Ôn tập bài đã học

Bài 8

Hát sắc thái to nhỏ

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm hướng dẫn cho sinh viên, nắm bắt được thế nào là cách hát sắc thái to nhỏ.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

II. Thực hành

1. Hướng dẫn luyện thanh (theo mẫu)

2. Học bài mới:

- Hát sắc thái to nhỏ

3. Bài tập về nhà.

- Ôn tập bài đã học

Bài 9

Thực hành thanh nhạc

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm giúp sinh viên tập hát đúng kỹ thuật, xử lý bài hát một cách cho nhuần nhuyễn cùng phần nhạc đệm Piano.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

Bài 10

Ghép hát và nhạc đệm

1. Mục đích

Nhằm củng cố toàn bộ kiến thức cho sinh viên, ghép hát với phần nhạc đệm Piano, chuẩn bị cho thi kết học phần 2.

2. Yêu cầu

- Sinh viên dự lớp đầy đủ
- Giảng viên lên lớp thực hiện theo giáo trình

3. Ghép đàn giữa hát và nhạc đệm

- 1 bài Vocalise hoặc bài Vacca (trong phạm vi từ 06 đến 10)
- 1 bài hát Việt Nam
- 1 bài nước ngoài

Bài 11

Kiểm tra học phần 2

1. Hình thức: Thực hành biểu

2. Nội dung thi: Nằm trong chương trình môn học

- Học sinh thi gồm:

- 1 bài Vocalise hoặc bài Vacca (trong phạm vi từ 06 đến 10)
- 1 bài hát Việt Nam
- 1 bài nước ngoài

3. Yêu cầu

- Trước khi vào thi, giảng viên có thời gian đầu giờ hướng dẫn các bài tập về hơi thở; Luyện thanh cho sinh viên; chuẩn bị thật tốt tâm thế cho sinh viên tự tin bước vào phần thi của mình.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Phòng học đạt chuẩn, có cách âm. Gương soi, ánh sáng, thoáng mát.

2. Trang thiết bị máy móc: Đàn Piano. Máy nghe nhạc.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu, bản nhạc bài hát, trang phục cho thi và biểu diễn.

4. Các điều kiện khác: Amply, ánh sáng v.v...

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: giúp cho học sinh được học về kỹ thuật Thanh nhạc như: Kỹ thuật hơi thở, kỹ thuật âm thanh, kỹ thuật nhả chữ, ca từ...Biết hát đúng cao độ, trường độ, xử lý được sắc thái các bài hát trong chương trình đào tạo chuyên ngành 6.

- Kỹ năng: Học kỹ thuật thanh nhạc để rèn luyện, làm chủ giọng hát của mình. Nghiên cứu và thể hiện thành công các tác phẩm âm nhạc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện các phương pháp học tập sao cho đạt hiệu quả tốt nhất của giọng hát và kỹ năng biểu diễn chuyên ngành thanh nhạc.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình độ đào tạo Cao đẳng ngành thanh nhạc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: giảng dạy với tinh thần tận tâm, bám sát nội dung chương trình, giáo trình; giảng lý thuyết đầy đủ; Hát Thị phạm; Gợi mở cho sinh viên dễ nắm bắt được kiến thức.

- Giảng dạy mỗi tuần 2 tiết/sinh viên.

- Đặc thù môn học: môn tích hợp, giảng viên lồng ghép giữa lý thuyết và song song với thực hành.

- Đối với người học: Rèn luyện và học theo hướng người học chủ động và sáng tạo.

3. Tài liệu tham khảo:

- Mai Khanh (1987) , *Phương pháp học thanh nhạc*, Nxb Thanh Niên

- Trung Kiên (2001), *Phương pháp sư phạm thanh nhạc*, Nxb Nhạc viện Hà Nội.

4. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học:

- Hình thức: Thực hành biểu diễn

- Thời gian thi: Tối đa 15 phút/hs

- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Trang trí khánh tiết

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thảo luận, bài tập: 30 giờ và kiểm tra 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Cung cấp kiến thức cơ bản về trang trí khánh tiết.

II. Mục tiêu môn học:

- Về Kiến thức: Sinh viên nắm được khái niệm, nguyên tắc trang trí cơ bản và ứng dụng của môn học.

- Về Kỹ năng: Biết cách quan sát, nghiên cứu, khả năng thực hành, sáng tạo theo yêu cầu của thực tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên thực hành và sáng tạo, ứng dụng vào các bài tập trang trí, hiểu được tầm quan trọng của môn học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, Bài tập	Kiểm tra
1	Kiến thức chung	8	8	0	
2	Nghệ thuật ứng dụng	16	6	9	1
3	Trang trí ứng dụng	16	6	9	1
4	Trang trí sự kiện	20	7	12	1
	Cộng	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Kiến thức chung

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được khái niệm, nguồn gốc cơ bản về nghệ thuật trang trí, các loại hình trang trí, trang trí khánh tiết;

- Nguyên tắc sử dụng màu sắc, bố cục trong trang trí, để từ đó biết cách vận dụng phù hợp làm tốt và đúng yêu cầu bài thực hành;

- Sinh viên hiểu được khái niệm, phương pháp về trang trí ứng dụng;

- Biết cách vận dụng phù hợp làm tốt và đúng yêu cầu bài thực hành.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về nghệ thuật trang trí và trang trí khánh tiết
- 2.2. Bố cục trong trang trí
- 2.3. Màu sắc trong trang trí
- 2.4. Phương pháp trang trí cơ bản và ứng dụng

Chương 2: Nghệ thuật ứng dụng

(Thời gian: 16 giờ)

1. Mục tiêu

- Nắm được khái quát chung về nghệ thuật ứng dụng, và mỹ thuật trong nghệ thuật ứng dụng;

- Nắm được khái niệm, nguyên lý và thể loại của nghệ thuật ứng dụng;

2. Nội dung

- 2.1. Khái quát chung
- 2.2. Nghệ thuật ứng dụng
- 2.3. Các thể loại nghệ thuật ứng dụng
- 2.4. Bài tập thực hành

Chương 3: Trang trí ứng dụng

(Thời gian: 16 giờ)

1. Mục tiêu

- Nắm được kiến thức chung về Trang trí ứng dụng;

- Biết cách vẽ hình, cách điệu và sử dụng các nguyên liệu màu;

- Vận dụng sáng tạo làm tốt và đúng yêu cầu bài thực hành, sử dụng đúng

kỹ thuật, thủ pháp các chất liệu như: chì, bột màu...

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm chung
- 2.2. Trang trí cơ bản
- 2.3. Trang trí ứng dụng
- 2.4. Bài tập thực hành

Chương 3: Trang trí sự kiện

(Thời gian: 20 giờ)

1. Mục tiêu

- Thể hiện sức sáng tạo, phù hợp với mong muốn của khách hàng.

- Đảm bảo yếu tố trang trí trong một không gian đồng bộ, sử dụng kỹ thuật phong phú với các chất liệu liên quan đến trang trí, phát huy cho người học biết sử dụng đồ dùng tái chế;

- Rèn luyện khả năng làm việc nhóm.

2. Nội dung

2.1. Khái quát chung về sự kiện và trang trí sự kiện

2.2. Cách bước tiến hành trang trí một sự kiện

1.3. Bài tập thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính + Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Đồ dùng, vật dụng có yếu tố trang trí để vận dụng vào bài tập thực hành trang trí sự kiện.

4. Các điều kiện khác: Đi thực tế

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Biết lập kế hoạch để trang trí thích hợp cho một sự kiện bất kỳ, chủ động chọn lựa ra những đồ vật trang trí cần thiết cùng với chất liệu của đồ trang trí sự kiện.

- Kỹ năng: Sắp xếp bố cục và phối hợp màu sắc phù hợp với chủ đề.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết vận dụng những kiến thức về trang trí cơ bản và vận dụng vào trang trí sự kiện.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm .

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Ứng dụng Trang trí khánh tiết thuộc các môn học chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng .

- Kết thúc học kỳ giảng viên thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả của từng học phần theo quy định.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình; Vấn đáp; Gọi mở; Đánh giá.

- Đối với người học: Tiếp thu, ghi nhớ kiến thức và vận dụng bài tập vào thực tiễn.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Tạ Phương Thảo, *Giáo trình trang trí* - Nxb Đại Học Sư phạm, 2004.

- Tạ Phương Thảo, *Giáo trình trang trí 1, Giáo trình cao đẳng* - Nxb Đại Học Sư phạm, 2004.

- Phạm Ngọc Tới, *Giáo trình trang trí cơ bản: Phần 2, Giáo trình cao đẳng*, Nxb Đại Học Sư phạm, 2013.

- Trịnh Ngọc Lâm, *Giáo trình trang trí cơ bản - Trường CĐMT Công nghiệp - Giáo trình trang trí ứng dụng*, Nxb Giáo dục, 1977.

- Vương Tử Lâm (Phạm Long dịch) *Hình, Không gian và cách nhìn*, Nxb Mỹ thuật, 2017.

- Tài liệu tìm kiếm trên internet...

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 240 phút

- Điều kiện thi: Thực hiện theo quy chế

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Mỹ học đại cương

2. Mã môn học: MH 12

3. Thời gian thực hiện môn học: 45 tiết (lý thuyết: 42 tiết; Kiểm tra: 3 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí : Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

2. Tính chất: Môn học Mỹ học đại cương là môn học bắt buộc được xếp vào kỳ II năm thứ Nhất

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức: Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản của Mỹ học đại cương

2. Kỹ năng: Giúp người học hình thành các kỹ năng học nghiên cứu Mỹ học, có thể tự nghiên cứu các lĩnh vực khác của Mỹ học.

3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn Mỹ học đại cương trong thường thức nghệ thuật và thực tiễn cuộc sống.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương bài	Tổng số	Lý thuyết	K.Tra
1	Chương 1: Nhập môn Mỹ học đại cương	4	4	
2	Chương 2: Sơ lược sự phát triển tư tưởng Mỹ học	4	4	
3	Chương 3: Cái thẩm mỹ	7	6	1
4	Chương 5: Hoạt động thẩm mỹ	6	6	
5	Chương: 4: Ý thức thẩm mỹ	6	6	
6	Chương 6: Các phạm trù thẩm mỹ	10	9	1
7	Chương 7: Đặc trưng thẩm mỹ, Bản chất xã hội và chức năng của nghệ thuật	8	7	1
Tổng		45	42	3

2. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1

NHẬP MÔN MỸ HỌC ĐẠI CƯƠNG

(*ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA MỸ HỌC ĐẠI CƯƠNG*)

(*Thời gian: 4 giờ*)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản của tâm lý học.

2. Nội dung

2.1. Đối tượng nghiên cứu của Mỹ học đại cương (Mỹ học Mác – Lênin)

2.1.1. Những quan niệm khác nhau về đối tượng nghiên cứu của Mỹ học

2.1.2. Đối tượng nghiên cứu của Mỹ học Mác – Lênin

2.1.3. Cơ cấu của Mỹ học Mác – Lênin

2.1.4. Các vấn đề của mỹ học hiện nay

2.2. Đặc điểm của Mỹ học Mác - Lênin

2.2.1. Tính khoa học và tính sáng tạo của Mỹ học Mác - Lênin

2.2.2. Tính thực tiễn của Mỹ học Mác - Lênin

2.2.3. Tính Đảng của Mỹ học Mác - Lênin

CHƯƠNG 2

SƠ LƯỢC VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỸ HỌC

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về nguồn gốc các quan điểm, trường phái của mỹ học.

2. Nội dung

2.1. Vài về các quan điểm Mỹ học của Phương Đông

2.1.1. Quan điểm của Ai cập- Babilon

2.1.2. Quan điểm ở Ấn Độ

2.1.3. Quan điểm của Trung Hoa cổ đại

2.1.4. Quan điểm Mỹ học ở Việt Nam.

2.2. Quan điểm Mỹ học ở Phương Tây

2.2.1. Hy Lạp cổ đại

2.2.2. Quan điểm Mỹ học ở Phương Tây thời kỳ Trung cổ

2.2.3. Thời kỳ Phục Hưng và giai đoạn trước Mác

2.2.4. Giai đoạn Mác - Enghen.

2.2.5. Giai đoạn Lênin.

2.2.6. Thời đại Hồ Chí Minh

2.3. Sự hình thành và phát triển của Mỹ học Mác - Lênin

CHƯƠNG 3. CÁI THẨM MỸ

(Thời gian: 7 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các những nội dung cơ bản về Bản chất của đời sống thẩm mỹ.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về “Cái thẩm mỹ” (Bản chất của đời sống thẩm mỹ)

- 2.1.1. Khái niệm về “ Cái thẩm mỹ”
- 2.1.2. Nguồn gốc và cơ sở khách quan của “ Cái thẩm mỹ”
- 2.1.3. Giá trị thẩm mỹ
- 2.2. Bản chất và nội dung của “ Cái thẩm mỹ”**
- 2.2.1. Mối quan hệ giữa chủ thể thẩm mỹ và khách thể thẩm mỹ
- 2.2.2. Nhu cầu thẩm mỹ, lợi ích thẩm mỹ và mục đích thẩm mỹ
- 2.2.3. Tính chất xã hội của cái thẩm mỹ.
- 2.3. Các hình thức thể hiện của Cái thẩm mỹ.**
- 2.3.1. Cái thẩm mỹ tự nhiên
- 2.3.2. Cái thẩm mỹ xã hội.
- 2.3.3. Cái thẩm mỹ chủ quan.
- 2.3.4. Cái thẩm mỹ nghệ thuật.

CHƯƠNG 4. HOẠT ĐỘNG THẨM MỸ (Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được vai trò của đời sống xã hội đối với sự hình thành và hoạt động của đời sống thẩm mỹ.

2. Nội dung

2.1. Đời sống xã hội và đời sống thẩm mỹ của con người

- 2.1.1. Đời sống xã hội
- 2.1.2. Đời sống thẩm mỹ
- 2.1.3. Vị trí của con người trong đời sống xã hội và đời sống thẩm mỹ

2.2. Hoạt động thẩm mỹ của con người

- 2.2.1. Khái niệm Hoạt động thẩm mỹ
- 2.2.2. Nguồn gốc của hoạt động thẩm mỹ
- 2.2.3. Đặc điểm của hoạt động thẩm mỹ

2.3. Các hình thức cơ bản của hoạt động thẩm mỹ.

- 2.3.1. Hoạt động thẩm mỹ trong sản xuất vật chất
- 2.3.2. Hoạt động thẩm mỹ trong sản xuất tinh thần
- 2.3.3. Hoạt động thẩm mỹ trong sinh hoạt - đời thường
- 2.3.4. Hoạt động thẩm mỹ nghệ thuật

2.4. Vai trò của Hoạt động thẩm mỹ trong đời sống xã hội

- 2.3.1. Vai trò của đời sống thẩm mỹ trong đời sống xã hội
- 2.3.2. Chức năng của hoạt động thẩm mỹ.
- 2.3.3. Hoạt động thẩm mỹ và sự nghiệp xây dựng XHCN ở nước ta.

CHƯƠNG 5. Ý THỨC THẨM MỸ (Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các yếu tố để hình thành ý thức thẩm mỹ và các đặc trưng của ý thức thẩm mỹ.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở khách quan và chủ quan của ý thức thẩm mỹ

2.1.1. Những yếu tố khách quan của ý thức thẩm mỹ

2.1.2. Những yếu tố chủ quan của ý thức thẩm mỹ

2.1.3. Mối quan hệ giữa yếu tố chủ quan và khách quan của ý thức thẩm mỹ

2.2. Đặc trưng của ý thức thẩm mỹ

2.2.1. Khái niệm: Ý thức thẩm mỹ

2.2.2. Các yếu tố cơ bản của ý thức thẩm mỹ

2.2.3. Ý nghĩa thực tiễn của ý thức thẩm mỹ

2.3. Ý thức thẩm mỹ cá nhân và ý thức thẩm mỹ xã hội

2.3.1. Ý thức thẩm mỹ cá nhân

2.3.2. Ý thức thẩm mỹ xã hội

2.3.3. Mối quan hệ giữa ý thức thẩm mỹ cá nhân và ý thức thẩm mỹ xã hội

CHƯƠNG 6. CÁC PHẠM TRÙ CỦA CÁI THẨM MỸ

(Thời gian: 10 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các những nội dung cơ bản của các cặp phạm trù (ba cặp phạm trù của Cái thẩm mỹ)

2. Nội dung

A. CÁI ĐẸP – CÁI XẤU

I. CÁI ĐẸP

2.1. Khái niệm “Cái đẹp”

2.1.1. Khái niệm về “Cái đẹp”

2.1.2. Vấn đề “Cái đẹp” trong lịch sử tư tưởng Mỹ học

2.1.3. Cơ sở khách quan và chủ quan của “Cái đẹp”

2.2. Nội dung của “Cái đẹp”

2.2.1. Sự thống nhất giữa chủ thẩm mỹ và thể và khách thể thẩm mỹ.

2.2.2. Sự hài hòa thẩm mỹ và hoàn thiện thẩm mỹ.

2.2.3. Giá trị thẩm mỹ tích cực

2.3. Các hình thức biểu hiện của cái đẹp

2.3.1. Cái đẹp tự nhiên

2.3.2. Cái đẹp thực tiễn sản xuất

2.3.3. Cái đẹp xã hội

2.3.4. Cái đẹp nghệ thuật

2.4. Bản sắc dân tộc của cái đẹp

2.4.1. Cái đẹp truyền thống dân tộc và cái đẹp hiện đại

2.4.2. Cái đẹp của con người Việt nam hiện đại

2.4.3. Đưa cái đẹp vào cuộc sống hôm nay

II. CÁI XẤU

2.1. Khái niệm “Cái xấu”

2.1.1. Khái niệm về “Cái xấu”

2.1.2. Cơ sở khách quan và chủ quan của “Cái xấu”

2.2. Nội dung của “Cái xấu xa”

2.2.1. Sự đối lập giữa chủ thẩm mỹ và thể và khách thể thẩm mỹ.

2.2.2. Sự không hài hòa thẩm mỹ và hoàn thiện thẩm mỹ.

2.2.3. Giá trị tiêu cực của “Cái xấu”

2.3. Các hình thức biểu hiện của “Cái xấu”

2.3.1 “Cái xấu” tự nhiên

2.3.2. “Cái xấu” xã hội

2.3.3. Cái xấu trong lao động sản xuất vật chất

2.3.4. “Cái xấu” trong nghệ thuật

B. CÁI CAO CẢ - CÁI THẤP HÈN

I. CÁI CAO CẢ

2.1. Khái niệm “Cái cao cả”

2.2. Nội dung của “Cái cao cả”

2.2.1. Sự thống nhất giữa chủ thẩm mỹ và thể và khách thể thẩm mỹ trong “Cái cao cả”

2.2.2. Sự hài hòa và hoàn thiện thẩm mỹ trong “Cái cao cả”

2.2.3. Giá trị thẩm mỹ tích cực

2.3. Các hình thức biểu hiện của “Cái cao cả”

2.3.1. Cái cao cả tự nhiên

2.3.2. Cái cao cả xã hội

2.3.3. Cái cao cả trong nghệ thuật.

II. CÁI THẤP HÈN

2.1. Khái niệm “Cái thấp hèn”

2.2. Nội dung của “Cái thấp hèn”

2.2.1. Sự đối lập giữa chủ thẩm mỹ và thể và khách thể thẩm mỹ

2.2.2. Phản hài hòa và phản hoàn thiện thẩm mỹ

2.2.3. Giá trị thẩm mỹ tiêu cực

2.3. Các hình thức biểu hiện của “Cái thấp hèn”

2.3.1. Cái thấp hèn tự nhiên

2.3.2. Cái thấp hèn trong xã hội

2.3.3. Cái thấp hèn trong nghệ thuật.

2.4. Cái cao cả của con người Việt nam hiện đại

C. CÁI BI - CÁI HÀI

I. CÁI BI

2.1. Khái niệm “ Cái bi”

2.2. Nội dung của “ Cái bi”

2.2.1. Sự thống nhất giữa chủ thẩm mỹ và thể và khách thể thẩm mỹ

2.2.2. Tính mâu thuẫn trong “Cái bi”

2.2.3. Giá trị thẩm mỹ tích cực

2.3. Các hình thức biểu hiện của “Cái bi”

2.3.1. Cái bi cá nhân

2.3.2. Cái bi xã hội

2.3.3. Cái bi nghệ thuật.

II. CÁI HÀI

2.1. Khái niệm “ Cái hài”

2.2. Nội dung của “ Cái hài”

2.2.1. Sự đối lập giữa chủ thẩm mỹ và thể và khách thể thẩm mỹ

2.2.2. Tính không hợp lý trong cái hài.

2.2.3. Giá trị thẩm mỹ tiêu cực

2.3. Các hình thức biểu hiện của “Cái bi”

2.3.1. Cái hài lịch sử - xã hội

2.3.2. Cái hài đời thường

2.3.3. Cái hài trái tự nhiên

2.4. Cái bi và cái hài trong xã hội ta hiện nay

2.4.1. Cái bi trong xã hội hiện nay

2.4.2. Cái hài trong xã hội hiện nay

2.4.3. Con đường khắc phục cái bi và cái hài hiện nay

CHƯƠNG 7. ĐẶC TRƯNG THẨM MỸ, BẢN CHẤT XÃ HỘI VÀ CHỨC NĂNG CỦA NGHỆ THUẬT (Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên nắm được các nội dung cơ bản thuộc về đặc trưng, bản chất và chức năng của nghệ thuật.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng thẩm mỹ của nghệ thuật

2.1.1. Thực chất của hoạt động thẩm mỹ nghệ thuật

2.1.2. Đối tượng của nghệ thuật

2.1.3. Hình tượng nghệ thuật và tác phẩm nghệ thuật

2.2. bản chất xã hội của nghệ thuật

2.2.1. Hình thái ý thức của nghệ thuật.

2.2.2. Bản tính người của nghệ thuật

2.2.3. Cơ sở tư tưởng xã hội – thẩm mỹ của nghệ thuật

2.3. Chức năng xã hội thẩm mỹ của nghệ thuật

2.3.1. Chức năng nhận thức của nghệ thuật

2.3.2. Chức năng cảm hóa con người của nghệ thuật.

2.3.3. Chức năng thẩm mỹ của nghệ thuật

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa và nhà xưởng: 0

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên liệu: Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức : Học sinh hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về Mỹ học đại cương, Hình thành được những kỹ năng học và nghiên cứu các lĩnh vực Mỹ học

- Kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng tri thức mỹ học vào rèn luyện bản thân, vào việc nhận thức các hiện tượng thẩm mỹ theo quan điểm khoa học.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học tập, thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên về bài thảo luận, cũng như các nhiệm vụ khác do giảng viên giao theo đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình quản lý văn hóa.

2. Hướng dẫn về phương pháp, giảng dạy, học tập môn học.

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, định hướng, hướng dẫn, chỉnh sửa

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực, tự học hỏi, tham khảo và cách đưa ra sáng kiến.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đối tượng của mỹ học, Bản chất của “ Cái thẩm mỹ”

- Hoạt động thẩm mỹ . Ý thức thẩm mỹ. Các phạm trù cơ bản của Cái thẩm mỹ. Đặc trưng thẩm mỹ của nghệ thuật

4. Tài liệu tham khảo

1. Ăng Ghen (2004), Biện chứng của tự nhiên, NXB chính trị Quốc gia.
2. Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ (2017), NXB Giáo dục.
3. Hồ Chí Minh (2004), Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, NXB Chính trị Quốc gia.
4. Hoàng Vinh (2000), Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta, NXB Bộ Văn hóa - Thông tin.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. **Tên môn học:** Tâm lý học đại cương

2. **Mã môn học:** MH13

3. **Thời gian thực hiện môn học: 45 tiết** (Lý thuyết: 42 tiết, Kiểm tra: 3 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

2. Tính chất: Môn học Tâm lý học đại cương là môn học bắt buộc.

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống và tâm lý học đại cương

2. Kỹ năng: giúp người học hình thành các kỹ năng học nghiên cứu tâm lý học, có thể tự nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học.

3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn tâm lý học đại cương trong thực tiễn cuộc sống.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương	Tổng số	Lý thuyết	T. luận	KTra
1	Chương 1: Tâm lý học là một khoa học	3	3		
2	Chương 2: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người	6	6		
3	Chương 3: Sự hình thành và phát triển tâm lý ý thức	6	5		1
4	Chương: 4: Hoạt động nhận thức	12	11		1
5	Chương 5: Trí nhớ	4	4		
6	Chương 6: Sự học và nhận thức	4	4		
7	Chương 7: Nhân cách – sự hình thành và phát triển nhân cách	10	9		1
Tổng		45	42	0	3

2. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1 TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC (Thời gian: 3 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản của tâm lý học.

2. Nội dung

2.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

2.1.1. Tâm lý là gì?

2.1.2 Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển của khoa học tâm lý

2.1.3 Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.

2.2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý

2.2.1 Bản chất tâm lý người

2.2.2 Chức năng của tâm lý

2.2.3 Phân loại các hiện tượng tâm lý

2.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ TỰ NHIÊN VÀ CƠ SỞ XÃ HỘI CỦA TÂM LÝ NGƯỜI

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của tâm lý người.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người

2.1.1 Di truyền và tâm lý

2.1.2 Não và tâm lý

2.1.3 Phản xạ có điều kiện và tâm lý

2.1.4 Quy luật hoạt động của hệ thần kinh cấp cao

2.1.5 Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý.

2. Cơ sở xã hội của tâm lý người

2.2.1 Quan hệ xã hội, nền văn hóa xã hội và tâm lý người

2.2.2. Hoạt động và tâm lý

2.2.1.1. Khái niệm hoạt động

2.2.1.2. Đặc điểm của hoạt động

2.2.1.3. Cấu trúc của hoạt động

2.2.1.4. Phân loại hoạt động

2.2.3. Giao tiếp

2.2.3.1. Khái niệm giao tiếp

2.2.3.2. Các chức năng của giao tiếp

2.2.3.3. Vai trò của giao tiếp

2.3.4. Các loại giao tiếp

2.3.4.1. Quan hệ giữa hoạt động và giao tiếp

2.3.4.2. Tâm lý là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp

CHƯƠNG 3 **SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ Ý THỨC** *(Thời gian: 6 giờ)*

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các những nội dung cơ bản về các con đường và giai đoạn hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.

2. Nội dung

2.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý

2.1.1. Sự nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý xét về phương diện loài

2.1.2. Sự nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý xét về phương diện cá thể.

2.2. Sự hình thành và phát triển ý thức

2.2.1. Khái niệm chung về ý thức

2.2.1.1 Khái niệm ý thức

2.2.1.2 Các thuộc tính của ý thức

2.2.1.3 Cấu trúc của ý thức

2.2.2 Sự hình thành và phát triển ý thức

2.2.2.1 Sự hình thành và phát triển ý thức của con người (xét về phương diện loài người)

2.2.2.2 Sự hình thành và phát triển ý thức và tự ý thức của các nhân

2.2.3 Các cấp độ của ý thức

2.2.3.1 Cấp độ chưa ý thức

2.2.3.2 Cấp độ ý thức và tự ý thức

2.2.3.3 cấp độ ý thức nhóm và ý thức tập thể

2.2.4. Chú ý – điều kiện của hoạt động có ý thức

2.2.4.1. Chú ý là gì?

2.2.4.2. các loại chú ý

2.2.4.3. Các thuộc tính của chú ý

CHƯƠNG 4 **HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC** *(Thời gian: 12 giờ)*

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các những giai đoạn và nội dung cơ bản của hoạt động nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

2. Nội dung

Nhận thức cảm tính

***. Cảm giác**

- 2.1. Khái niệm về cảm giác
- 2.2. Đặc điểm của cảm giác
- 2.3. Các loại cảm giác
 - 2.3.1. Nhóm cảm giác bên ngoài
 - 2.3.2. Nhóm cảm giác bên trong
 - 2.3.3 Các quy luật của cảm giác
 - 2.3.3.1. Quy luật về ngưỡng cảm giác
 - 2.3.3.2. Quy luật về sự thích ứng của cảm giác
 - 2.3.3.3. Quy luật về sự tác động qua lại của các loại cảm giác
 - 2.3.4. Vai trò của cảm giác

***. Tri giác**

- 2.1. Khái niệm chung về tri giác
 - 2.1.1. Định nghĩa về tri giác
 - 2.1.2. Đặc điểm của tri giác
- 2.2. Các loại tri giác
 - 2.2.1 Tri giác không gian
 - 2.2.2. Tri giác thời gian
 - 2.2.3 Tri giác vận động
 - 2.2.4 Tri giác con người
- 2.3. Quan sát và năng lực quan sát
- 2.4. Vai trò của tri giác
- 2.5. Quy luật của tri giác
 - 2.5.1. Quy luật về tính đối tượng của tri giác.
 - 2.5.2. Quy luật về tính lựa chọn của tri giác
 - 2.5.3. Quy luật về tính có ý nghĩa của tri giác.
 - 2.5.4. Quy luật về tính ổn định của tri giác
 - 2.5.5. Quy luật tổng giác

Nhận thức lý tính

***. Tư duy**

- 2.1. Khái niệm chung về tư duy
 - 2.1.1. Định nghĩa về tư duy
 - 2.1.2. Đặc điểm của tư duy
 - 2.2.3. Vai trò của tư duy

- 2.2. Các giai đoạn của tư duy
 - 2.2.1. Xác định vấn đề và biểu đạt vấn đề
 - 2.2.2. Huy động tri thức và kinh nghiệm
 - 2.2.4. Kiểm tra giả thuyết
 - 2.2.5. Giải quyết nhiệm vụ
- 2.3. Các giai đoạn của tư duy
 - 2.3.1. Phân tích - tổng hợp
 - 2.3.2. So sánh
 - 2.3.3. Trừu tượng hóa - Khái quát hóa
- 2.4. Các loại tư duy và vai trò của tư duy

***. Tưởng tượng**

- 2.1. Khái niệm tưởng tượng
 - 2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng
 - 2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng
 - 2.1.3. Vai trò của tưởng tượng.
- 2.2. Các loại tưởng tượng
- 2.3. Các cách sáng tạo hình ảnh trong tưởng tượng
 - 2.3.1. Thay đổi kích thước số lượng
 - 2.3.2. Nhấn mạnh
 - 2.3.3. Chắp ghép
 - 2.3.4. Liên hợp
 - 2.3.5. Điện hình hóa
 - 2.3.6. Loại suy mô phỏng.

Ngôn ngữ

2.1. Khái niệm chung về ngôn ngữ và hoạt động lời nói

- 2.2.1. Ngôn ngữ
- 2.2.2. Các chức năng của ngôn ngữ
 - 2.2.2.1. Chức năng chỉ nghĩa
 - 2.2.2.2. Chức năng thông báo
 - 2.2.2.3. Chức năng khái quát hóa

2.2. Hoạt động lời nói

- 2.2.1. Các loại lời nói
 - 2.2.1.1. Lời nói bên ngoài
 - 2.2.1.2. Lời nói bên trong

2.3. Cơ chế của lời nói

2.3.1. Khái niệm về cơ chế lời nói

2.3.2. Cơ chế sản sinh lời nói

2.3.3. Cơ chế tiếp nhận lời nói

2.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức

2.4.1. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức cảm tính

2.4.2. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức lý tính

CHƯƠNG 5 - TRÍ NHỚ

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các những nội dung cơ bản của quá trình ghi nhớ

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chung về trí nhớ

2.1.1. Định nghĩa về trí nhớ

2.1.2. Cơ sở sinh lý của trí nhớ

2.1.3. Các loại trí nhớ

2.1.3.1. Trí nhớ vận động, trí nhớ cảm xúc, trí nhớ hình ảnh, trí nhớ từ ngữ lô gic...

2.1.3.2. Trí nhớ không chủ định và trí nhớ có chủ định

2.1.3.3. Trí nhớ ngắn hạn và trí nhớ dài hạn

2.1.3.4. Mối quan hệ giữa các loại trí nhớ

2.1.3.5. Mối quan hệ giữa các loại trí nhớ

2.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ

2.2.1. Quá trình ghi nhớ

2.2.1.1. Ghi nhớ không chủ định và ghi nhớ có chủ định

2.2.1.2. Ghi nhớ máy móc và ghi nhớ có ý nghĩa

2.2.2.3. Học thuộc lòng và thuật ghi nhớ

2.2.2. Quá trình gìn giữ

2.2.3. Quá trình tái hiện

2.2.3.1. Nhận lại

2.2.3.2. Nhớ lại

2.2.3.3. Hồi tưởng

2.3. Sự quên

2.4. Rèn luyện trí nhớ

CHƯƠNG 6

SỰ HỌC VÀ NHẬN THỨC

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được các những nội dung cơ bản của sự học và vai trò của sự học đối với nhận thức

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chung về sự học

2.1.1 Định nghĩa về sự học

2.1.2 Đặc điểm của sự học

2.2. Sự học ở động vật và ở người

2.2.1. Nội dung sự học ở động vật và ở người

2.2.2. Phương tiện của sự học ở động vật và ở người

2.2.3 Bản chất sự học ở người và động vật

2.2.4 Cơ chế sự học ở người và động vật

2.2.5 Nguyên tắc sự học ở người và động vật

2.3. Các loại và mức độ học tập ở người.

2.3.1. Các loại học tập ở người

2.3.1.1. Học tập không chủ định

2.3.1.2. Học có chủ định hay hoạt động học

2.3.2. Các mức độ học tập ở người

2.3.2.1. Mức độ cảm giác vận động

2.3.2.2. Mức độ nhận thức trí tuệ

2.4. Vai trò của sự học đối với nhận thức và sự phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách của con người.

2.4.1. Đối với nhận thức

2.4.2. Đối với sự hình thành và phát triển tâm lý ý thức nhân cách của con người.

CHƯƠNG 7

NHÂN CÁCH SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

(Thời gian: 10 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên nắm được các nội dung cơ bản liên quan đến nhân cách con người.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chung về nhân cách

- 2.1.1. Nhân cách là gì?
 - 2.1.1.1 Khái niệm cơ bản về con người, cá nhân cá tính và nhân cách
 - 2.1.1.2 Khái niệm nhân cách trong tâm lý học
- 2.1.2. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách
 - 2.1.2.1. Tính thống nhất của nhân cách
 - 2.1.2.2. Tính ổn định của nhân cách
 - 2.1.2.3 Tính tích cực của nhân cách
 - 2.1.2.4 Tính giao lưu của nhân cách
- 2.2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách**
- 2.3. Các kiểu nhân cách**
- 2.4. Các phẩm chất tâm lý của nhân cách**
 - 2.4.1. Tình cảm
 - 2.4.1.1. Khái niệm tình cảm
 - 2.4.1.2. Các mức độ của đời sống tình cảm
 - 2.4.1.3. Vai trò của tình cảm
 - 2.4.1.4. Quy luật của tình cảm
 - 2.4.2. Mặt ý chí của nhân cách
 - 2.4.2.1. Ý chí là gì?
 - 2.4.2.2. Hành động ý chí
 - 2.4.2.3. Hành động tự động hóa, kỹ xảo, thói quen.
- 2.5. Những thuộc tính điển hình của nhân cách**
 - 2.5.1 Xu hướng
 - 2.5.1.1. Nhu cầu
 - 2.5.1.2. Hứng thú
 - 2.5.1.3. Lý tưởng
 - 2.5.1.4. Niềm tin
 - 2.5.1.6. Hệ thống động cơ của nhân cách
 - 2.5.2. Tính cách
 - 2.5.2.1. Tính cách là gì?
 - 2.5.2.2. Cấu trúc của tính cách
 - 2.5.3. Khí chất
 - 2.5.3.1. Khí chất là gì?
 - 2.5.3.2. Các kiểu khí chất.
 - 2.5.4. Năng lực
 - 2.5.4.1. Năng lực là gì?

2.5.4.2. Các mức độ của năng lực

2.5.4.3. Phân loại năng lực

2.5.4.4. Mối quan hệ giữa khí chất, năng lực và tư chất, năng lực và thiên hướng, năng lực và tri thức, kỹ năng và kỹ xảo.

2.6. Sự hình thành và phát triển nhân cách.

2.6.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.

2.6.1.1. Giáo dục và nhân cách

2.6.1.2. Hoạt động và nhân cách

2.6.1.3. Giao tiếp và nhân cách

2.6.1.4. tập thể và nhân cách.

2.6.2. Sự hoàn thiện nhân cách.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa và nhà xưởng: 0

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên liệu: Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Học sinh trình bày được những kiến thức cơ bản về Tâm lý học đại cương, Hình thành được những kỹ năng học và nghiên cứu các lĩnh vực trong tâm lý người .

- Kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng tri thức tâm lý học vào rèn luyện bản thân, vào việc phân tích lý giải các hiện tượng tâm lý theo quan điểm khoa học.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học tập, thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên về bài thảo luận, bài tập thực hành cũng như các nhiệm vụ khác do giảng viên giao theo đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình Quản lý văn hóa.

2. Hướng dẫn về phương pháp, giảng dạy, học tập môn học.

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn chỉnh sửa, góp ý, định hướng...

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực, tự học hỏi, tham khảo và cách đưa ra quan điểm cá nhân trên cơ sở luận cứ khoa học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Tâm lý và tâm lý học. Bản chất của tâm lý người.
- Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách.
- Nhận thức, các giai đoạn của hoạt động nhận thức,

4. Tài liệu tham khảo:

1. Ăng Ghen (2004), Biện chứng của tự nhiên, NXB CTQG.
 2. Lê Thị Bùng (2010), Tâm lý học tình cảm, NXB ĐHQG.
 3. Lê Thị Bùng (2007), Những điều kỳ diệu về tâm lý con người, NXB ĐHSP.
 4. Nguyễn Ngọc Bích (1998), Tâm lý học nhân cách, NXB GD.
 5. Hồ Chí Minh (2004), Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, NXB CTQG.
 6. Trần Quốc Thành (2017), Tâm Lý học đại cương, NXBGD.
 7. Lê Xuân Thúc (2012), Tâm lý học nhận thức, NXB GD.
 8. Tâm lý học xã hội (2015), NXB GD.
- ### **5. Ghi chú và giảng giải (nếu có)**

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Xã hội học đại cương

Mã môn học: MH 14

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; thảo luận: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

* Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

* Tính chất: là môn học chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của ngành xã hội học; các quan điểm của một số trường phái xã hội học; hệ thống các khái niệm cơ bản như: Cơ cấu xã hội, nhóm xã hội, vị thế xã hội, thiết chế xã hội, xã hội hóa...

II. Mục tiêu môn học:

* **Về kiến thức:** Trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của ngành xã hội học, các quan điểm của một số trường phái xã hội học và một số nhà xã hội học tiêu biểu.

- Phân biệt được khoa học xã hội học với các ngành khoa học xã hội khác.

- Mô tả (*So sánh, phân tích*) được hệ thống các khái niệm cơ bản của khoa học xã hội học như: Cơ cấu xã hội, hệ thống xã hội, nhóm xã hội, vị thế xã hội, thiết chế xã hội, xã hội hóa.

- Trình bày được qui trình (*Các bước*) tiến hành một cuộc điều tra xã hội học.

- Xây dựng được bảng câu hỏi (*Phiếu điều tra*) và hiểu được nội dung, bản chất các phương pháp thu thập thông tin (*Phân tích tài liệu có sẵn, quan sát, phỏng vấn, ankét, thực nghiệm*).

- Giải thích được nguồn gốc, nguyên nhân, thực trạng và bản chất của các sự kiện, hiện tượng xã hội, quá trình xã hội như phân tầng xã hội, tính cơ động xã hội, hiện tượng tội phạm, hành vi sai lệch, dư luận xã hội, các đặc trưng cơ bản của cộng đồng xã hội đô thị và cộng đồng xã hội nông thôn...

* **Về kỹ năng:** Hình thành thói quen chú ý, quan sát, ghi nhận các sự kiện, hiện tượng diễn ra trong cuộc sống.

- Rèn luyện kỹ năng vận dụng tri thức xã hội học để lý giải tình hình, thực trạng và bản chất của các sự kiện, hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội.

- Kỹ năng sử dụng linh hoạt các công cụ xã hội học (*Quy trình tiến hành một cuộc điều tra, các phương pháp thu thập thông tin...*) để điều tra, nghiên cứu, làm sáng tỏ một vấn đề xã hội nói chung hay một vấn đề pháp luật nói riêng.

- Rèn luyện khả năng nghiêm túc, độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

* **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Hình thành sự say mê, hứng thú trong quá trình học tập, nghiên cứu xã hội học.

- Chủ động, tự tin trong lý giải, phân tích một vấn đề xã hội.

- Tôn trọng và biết lắng nghe ý kiến, quan điểm của người cung cấp thông tin và những người cùng làm việc trong nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1: Đối tượng - Chức năng nhiệm vụ của xã hội học	6	2	4	
2	Chương 2: Sự ra đời và phát triển của Xã hội học	6	2	4	
3	Chương 3: Cơ cấu của Xã hội học	6	2	4	
4	Chương 4: Một số khái niệm của Xã hội học	7	2	4	1
5	Chương 5: Một số lĩnh vực nghiên cứu Xã hội học	6	2	4	
6	Chương 6: Một số phương pháp nghiên cứu XHH	5	1	4	
7	Chương 7: Cá nhân và xã hội. Quá trình xã hội hoá.	5	1	4	
8	Chương 8: Cơ cấu xã hội	4	1	2	1
	Tổng	45	13	30	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đối tượng - Chức năng nhiệm vụ của xã hội học

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của bộ môn xã hội học đại cương

- Hiểu được mối quan hệ giữa xã hội học với các khoa học khác.

2. Nội dung

2.1. Xã hội học là gì.

2.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

2.3. Mối quan hệ giữa xã hội học với các khoa học khác

2.4. Chức năng của xã hội học

2.5. Nhiệm vụ của xã hội học.

Chương 2: Sự ra đời và phát triển của Xã hội học

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được lịch sử ra đời của xã hội học, đóng góp của các nhà sáng lập ra xã hội học, lịch sử ra đời và phát triển của xã hội học Mác - Lênin

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời của xã hội học là nhu cầu khách quan.

2.2. Những điều kiện và tiền đề của sự ra đời của xã hội học.

2.3. Một số đóng góp của các nhà sáng lập ra xã hội học.

2.4. Sự ra đời và phát triển của xã hội học Mác Lênin.

Chương 3: Cơ cấu của Xã hội học

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được cơ cấu của xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học.

2. Nội dung

2.1. Về cơ cấu của xã hội học

2.2. Các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học

Chương 4: Một số khái niệm của Xã hội học

(Thời gian: 7 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm xã hđược một số khái niệm của xã hội học: quan hệ xã hội, tương tác xã hội; vị thế xã hội; địa vị xã hội; vai trò xã hội.

2. Nội dung

2.1. Quan hệ xã hội.

2.2. Tương tác xã hội.

2.3. Vị thế xã hội.

2.4. Địa vị xã hội.

2.5. Vai trò xã hội

Chương 5: Một số lĩnh vực nghiên cứu Xã hội học

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm bắt được một số lĩnh vực nghiên cứu xã hội học: Xã hội học nông thôn; Xã hội học đô thị; Xã hội học gia đình; Xã hội học về chính sách xã hội; Xã hội học về pháp luật và tội phạm; Xã hội học về giáo dục.

2. Nội dung

- 2.1. Xã hội học nông thôn
- 2.2. Xã hội học đô thị
- 2.3. Xã hội học gia đình
- 2.4. Xã hội học về chính sách xã hội
- 2.5. Xã hội học về pháp luật và tội phạm
- 2.6. Xã hội học về giáo dục

Chương 6: Một số phương pháp nghiên cứu Xã Hội Học

(Thời gian: 5 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm bắt được một số phương pháp nghiên cứu cơ bản của Xã hội học.

2. Nội dung

1. Phương pháp phân tích tài liệu
2. Phương pháp phỏng vấn
3. Phương pháp quan sát
4. Xử lý thông tin và đánh giá kết quả

Chương 7: Cá nhân và xã hội. Quá trình xã hội

(Thời gian: 5 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được bản chất xã hội của con người và quá trình xã hội hóa cá nhân.

2. Nội dung

- 2.1. Con người và xã hội
- 2.2. Bản chất xã hội của con người
- 2.3. Quá trình xã hội hoá cá nhân

Chương 8: Cơ cấu xã hội

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên được các vấn đề về cơ cấu xã hội: khái niệm; địa vị, vai trò, quyền lực; bất bình đẳng - phân tầng xã hội; Giai cấp xã hội.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về cơ cấu xã hội
- 2.2. Địa vị, vai trò, quyền lực
- 2.3. Bất bình đẳng - phân tầng xã hội
- 2.4. Giai cấp xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Phòng tập thể
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu
3. Giáo trình, học liệu:

- Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), Xã hội học, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Xã hội học đại cương, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2004.

- Tạ Minh chủ biên, Nhập môn Xã hội học, NXB Thống kê, Hà Nội, 2004.

- Trần Thị Kim Xuyên chủ biên, Nhập môn Xã hội học, NXB Đại học Quốc Gia

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

*** Kiến thức:**

- Giúp học sinh nắm được những kiến thức cơ bản về môn Xã hội học để khảo sát, phân tích dự đoán tình hình thực tiễn xã hội, các hiện tượng xã hội có liên quan đến nghề nghiệp, đề xuất những giải pháp phục vụ cho xã hội.

- Từ những kiến thức đại cương sẽ áp dụng để nghiên cứu trong các lĩnh vực chuyên ngành đặc biệt như: Xã hội học quản lý.

*** Kỹ năng:**

- Sau khi học xong môn học này học sinh cần phải có cái nhìn tổng quan, biện chứng về xã hội và có khả năng tự khảo sát vị trí và hoạt động của chính mình để có thể tự giáo dục, tự điều chỉnh và thích ứng với mọi sự diễn biến của đời sống xã hội, làm chủ bản thân mình trong mọi hoạt động.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Sinh viên có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình đào tạo dành cho ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tham gia đầy đủ các giờ học, chú ý nghe giảng, tích cực tự học hỏi và đưa ra các sáng kiến.

4. Tài liệu tham khảo:

E. A. Capitonov, Xã hội học thế kỷ XX: lịch sử và công nghệ, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2000.

Hà Ngân Dung, Các nhà xã hội học thế kỷ XX, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001.

Nguyễn Khắc Viện (chủ biên), Từ điển xã hội học, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1994.

Phạm Tất Dong, Nguyễn Sinh Huy, Đỗ Nguyên Phương, Xã hội học đại cương, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2004.

5. *Ghi chú và giải thích (nếu có)*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh giao tiếp/ English Communication

Mã môn học: MH 15

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, thực tập, bài tập, thảo luận: 30 giờ, kiểm tra 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh giao tiếp bao gồm các kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng năng ngôn ngữ sử dụng tiếng Anh giao tiếp trong đời sống hàng ngày và hoạt động nghề nghiệp phù hợp xu thế hội nhập quốc tế với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực giao tiếp tiếng Anh Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nắm được các hình thức giao tiếp trong tiếng Anh, sự khác nhau giữa các hình thức giao tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt.

Nắm được được các phương pháp nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh hiệu quả.

Được cung cấp vốn từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp thông dụng sử dụng trong tiếng Anh như: giao tiếp trao đổi thông tin về bản thân, về người, dựng hội thoại ngắn giao về đời sống hàng ngày, đặt câu hỏi trong giao tiếp, giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp hành chính công sở và phương pháp thuyết trình.

Được cung cấp từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp cho giao tiếp ứng dụng công nghệ thông tin viết thư điện tử (emails) trao đổi thông tin về công việc.

2. Về kỹ năng

a) *Kỹ năng nghe:* Nghe và hiểu được thông tin về bản thân, thông tin cá nhân về người khác, những đàm thoại ngắn trực tiếp hàng ngày về đời sống, hiểu câu hỏi trong giao tiếp, giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp hành chính công sở và những bài thuyết trình ngắn. Hiểu được ý chính trong giao tiếp khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) *Kỹ năng nói*: Xây dựng và giao tiếp một cách đơn giản, trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, thông tin cá nhân về người khác, những đàm thoại ngắn hàng ngày về đời sống, phát triển hội thoại kéo dài hơn thông qua việc đặt câu hỏi trong giao tiếp, giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp hành chính công sở và những bài thuyết trình ngắn; Truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) *Kỹ năng đọc*: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến thông tin cá nhân, các hội thoại giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống và công sở, trên điện thoại, giao tiếp hành chính công sở và những bài thuyết trình ngắn, Đọc hiểu một số thư điện tử (emails) liên quan đến các dạng emails trong chương trình đào tạo.

d) *Kỹ năng viết*: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, bài thuyết trình ngắn, viết một số dạng thư điện tử (emails), v.v.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Unit 1. Manners of English communication	4	2	2	
2	Unit 2. Speaking techniques	4	2	2	
3	Unit 3. Introduction	4	2	2	
4	Unit 4. Making everyday conversations	4	2	2	
5	Unit 5. Making official conversations	4	2	2	
6	Unit 6. Reading and listening techniques	4	2	2	
7	Unit 7. Making a speech	6	2	4	

8	Unit 8. Speaking on the phone	4	2	2	
9	Unit 9. Making questions	4	2	2	
10	Consolidation & test 1	2			2
11	Unit 10. Writing a paragraph	2	1	1	
12	Unit 11. Writing a basic letter/ an email Writing an informal letter	6	3	3	
13	Unit 12. Writing a letter/ an email Writing a thank-you letter	6	3	3	
14	Unit 13. Writing a basic letter/ an email Writing an application letter	5	2	3	
	Test 2	1			1
	Tổng:	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết như sau

BÀI 1

MANNERS OF ENGLISH COMMUNICATION

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nắm được các hình thức giao tiếp trong tiếng Anh;
- Nhận biết sự khác nhau cơ bản trong tiếng Anh giao tiếp giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành một số tình huống liên quan đến các hình thức giao tiếp trong tiếng Anh và sự khác nhau cơ bản trong tiếng Anh giao tiếp giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.1.1 Manners of English in communication

2.1.2. Basic differences in English communication between Vietnamese and English

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss, do tasks using situations related to manners of English in communication and basic differences in English communication between Vietnamese and English.

BÀI 2

SPEAKING TECHNIQUES

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nhận biết được các phương pháp cơ bản trong giao tiếp kỹ năng nói tiếng Anh;

- Nhận biết bài tập giao tiếp kỹ năng nói tiếng Anh cho vận dụng với các phương pháp kỹ năng nói cơ bản;

- Nhận biết được hai hình thức giao tiếp *formal* và *informal* trong tiếng Anh.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành, thảo luận và làm bài tập về các phương pháp của kỹ năng nói kết hợp với các dạng bài tập trong tình huống giao tiếp *formal* và *informal* trong tiếng Anh.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.1.1. Speaking techniques in English communication

2.1.2. Sample tasks

2.1.3. Formal and informal English in communication

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss, do tasks using situations related to speaking techniques in English communication combining tasks of formal and informal English in communication.

UNIT 3. INTRODUCTION

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nhận biết các từ vựng và cấu trúc câu giới thiệu được các thông tin cá nhân về bản thân;

- Nhận biết các từ vựng và cấu trúc câu giới thiệu được các thông tin cá nhân về người khác;

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành, thảo luận và làm bài tập một số tình huống liên quan đến giới thiệu bản thân và giới thiệu về người khác.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.1.1. Vocabulary and grammar structures used to introduce yourself;

2.1.2. Vocabulary and grammar structures used to introduce other people

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss, do tasks using situations related to introducing yourself and other people.

BÀI 4

MAKING EVERYDAY CONVERSATIONS

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nhận biết các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp dụng hội thoại ngắn giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống;

- Nhận biết các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp dụng hội thoại ngắn về việc lên kế hoạch cho công việc gì đó.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành, thảo luận và làm bài tập về một số tình huống dụng các hội thoại ngắn giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống và lên kế hoạch cho công việc gì đó.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.1.1. Everyday conversations

2.1.2. Making arrangements

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss, do tasks using situations related to everyday conversations and making arrangements.

BÀI 5

MAKING OFFICIAL CONVERSATIONS

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nhận biết các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp dụng hội thoại ngắn giao tiếp ở cơ quan, công sở;

- Nhận biết các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp dựng hội thoại ngắn về việc lên kế hoạch cho công việc gì đó.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành, thảo luận và làm bài tập tình huống dựng các hội thoại ngắn giao tiếp ở cơ quan, công sở và lên kế hoạch cho công việc gì đó.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.1. Official conversations

2.2. Making arrangements

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss, do tasks using situations related to official conversations and making arrangements.

BÀI 6 **READING AND LISTENING TECHNIQUES** *(Thời gian: 4 giờ)*

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nắm được các phương pháp của kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng nghe hiểu ý chính;

- Nhận biết được một số dạng bài tập đọc hiểu và nghe hiểu ý chính.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành, thảo luận và làm bài tập về phương pháp của kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng nghe hiểu ý chính kết hợp với một số dạng bài tập đọc hiểu và nghe hiểu ý chính.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.2 1. Reading and listening techniques

2.1.2. Types of tasks

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss, do tasks related to reading and listening techniques combining types of tasks.

BÀI 7. MAKING A SPEECH *(Thời gian: 6 giờ)*

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nắm được định nghĩa making a speech;
- Nhận biết các từ vựng, cụm từ và cấu trúc ngữ pháp making a speech;
- Nội dung nên và không nên đưa vào bài making a speech.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành, thảo luận và làm bài tập chủ đề making a speech.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.1.1. Definition of making a speech;

2.1.2. Vocabulary/ Expressions and grammatical structures

2.1.3. Tips for making a speech

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss some topics related to making a speech.

BÀI 8. SPEAKING ON THE PHONE

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nhận biết được các từ vựng, cụm từ sử dụng trong giao tiếp điện thoại;
- Nhận biết cấu trúc ngữ pháp dùng cho giao tiếp điện thoại;
- Hội thoại mẫu.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành, thảo luận và làm bài tập dựng các hội thoại giao tiếp trên điện thoại về một số tình huống.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.1.1. Vocabulary/ Expressions using on the phone;

2.1.2. Grammatical structures using on the phone;

2.1.3. Sample conversations.

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss and make conversations on the phone.

BÀI 9. MAKING QUESTIONS

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nhận biết được các loại câu hỏi trong tiếng Anh;

- Nhận biết được các phương pháp thông thường chuyển từ câu khẳng định sang câu hỏi để phát triển kéo dài hội thoại;

- Hiểu được tầm quan trọng của trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu trong câu hỏi.

- Hội thoại mẫu.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Thực hành, thảo luận và đặt các loại câu hỏi, chuyển từ câu khẳng định sang câu hỏi để phát triển kéo dài hội thoại, chú ý kết hợp với ngữ âm trong giao tiếp.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

2.1.1. Types of questions;

2.1.2. Common techniques to make questions, change positive sentences to questions to lengthen conversations;

2.1.3. Master the importance of word stress, sentence stress and intonation in questions;

2.1.4. Sample conversations.

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

Practice, discuss and make questions, change positive sentences to questions to lengthen conversations, focus on pronunciation.

CONSOLIDATION AND TEST 1

(Thời gian: 2 giờ)

1. Mục tiêu

1. Thông qua bài ôn tập:

- Giúp sinh viên hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng đã học từ bài 01 đến bài 09 hiệu quả.

2. Thông qua bài kiểm tra:

- Giúp cho giảng viên giảng dạy biết những được kiến, thức kỹ năng giảng viên đã giảng dạy hiệu quả; Kiến thức, kỹ năng giảng viên còn hạn chế để có giải pháp trong thời gian tới;

- Giúp cho sinh giảng dạy biết được những kiến thức, kỹ năng sinh viên đã lĩnh hội thành công, thực hành giao tiếp hiệu quả; Kiến thức, kỹ năng sinh viên còn tồn tại để có giải pháp ôn tập, củng cố trong thời gian tới.

2. Nội dung

Nội dung ôn tập, củng cố và kiểm tra các nội dung kiến thức, kỹ năng đã được giảng dạy và học tập từ bài 01 đến bài 09 (Thông qua kỹ năng nghe và nói)

BÀI 10. WRITING A PARAGRAPH

(Thời gian: 2 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Định nghĩa đoạn văn;
- Nắm được cấu trúc của một đoạn văn;
- Nhận biết được các phần trong một đoạn văn và cách phát triển đoạn văn;

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

- Thực hành, thảo luận và đọc và phân tích đoạn văn mẫu.
- Viết một đoạn văn ngắn về một chủ đề tự chọn.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

- 2.1.1. Definition of a paragraph;
- 2.1.2. Format of a paragraph;
- 2.1.3. Parts of a paragraph, develop a paragraph.

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

- Practice, discuss, read a sample paragraph analysis.
- Write a paragraph.

BÀI 11. WRITING BASIC FORMAT OF LETTER

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

- Nắm được cấu trúc cơ bản của một bức thư;
- Nhận biết được các phần trong một bức thư cơ bản và cách phát triển nội dung của từng phần;

- Các cụm từ và câu thông dụng dùng trong văn viết thư.

1.2. Kỹ năng ngôn ngữ

- Thực hành, thảo luận và đọc và phân tích thư mẫu.
- Viết một bức thư hoàn chỉnh.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

- 2.1.1. The basic format of a letter;

2.1.2. Parts of a basic format of a letter;

2.1.3. Reading a sample letter.

2.2. *Kỹ năng ngôn ngữ*

- Practice, discuss, read a sample letter analysis;
- Write a thank-you letter.

BÀI 12. WRITING A THANK-YOU LETTER/EMAIL

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. *Kiến thức ngôn ngữ*

- Nắm được cấu trúc của một bức thư cảm ơn;
- Nhận biết được các phần trong một bức thư cảm ơn và cách phát triển nội dung của từng phần;
- Lời khuyên khi viết thư cảm ơn;
- Các cụm từ và câu thông dụng dùng trong văn viết thư cảm ơn.

1.2. *Kỹ năng ngôn ngữ*

- Thực hành, thảo luận và đọc và phân tích thư cảm ơn mẫu.
- Viết một bức thư cảm ơn hoàn chỉnh.

2. Nội dung

2.1. *Kiến thức ngôn ngữ*

2.1.1. The format of a thank-you letter;

2.1.2. Parts of a format of a thank-you letter;

2.1.3. Reading a sample thank-you letter.

2.2. *Kỹ năng ngôn ngữ*

- Practice, discuss, read a sample thank-you letter analysis;
- Write a thank-you letter.

BÀI 13. WRITING AN APPLICATION LETTER/EMAIL

(Thời gian: 5 giờ)

1. Mục tiêu

1.1. *Kiến thức ngôn ngữ*

- Nắm được cấu trúc của một bức thư xin việc;
- Nhận biết được các phần trong một bức thư xin việc và cách phát triển nội dung của từng phần;
- Lời khuyên khi viết thư xin việc;
- Các cụm từ và câu thông dụng dùng trong văn viết thư xin việc.

1.2. *Kỹ năng ngôn ngữ*

- Thực hành, thảo luận và đọc và phân tích thư xin việc mẫu.
- Viết một bức thư xin việc hoàn chỉnh.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

- 2.1.1. The basic format of an application letter;
- 2.1.2. Parts of a format of an application letter;
- 2.1.3. Reading a sample application letter.

2.2. Kỹ năng ngôn ngữ

- Practice, discuss, read a sample application letter analysis;
- Write a application letter.

TEST 2

(Thời gian: 1 giờ)

1. Mục tiêu

Thông qua bài kiểm tra:

- Giúp cho giảng viên giảng dạy biết những được kiến, thức kỹ năng giảng viên đã giảng dạy hiệu quả; Kiến thức, kỹ năng giảng viên còn hạn chế để có giải pháp trong thời gian tới;
- Giúp cho sinh giảng dạy biết được những kiến thức, kỹ năng sinh viên đã lĩnh hội thành công, thực hành giao tiếp hiệu quả; Kiến thức, kỹ năng sinh viên còn tồn tại để có giải pháp ôn tập, củng cố trong thời gian tới.

2. Nội dung

Nội dung kiểm tra các nội dung kiến thức, kỹ năng đã được giảng dạy và học tập từ bài 10 đến bài 13 (Thông qua kỹ năng đọc và viết)

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, mạng Internet, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, phòng nghe - nói tiếng Anh, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng khác.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng, cụm từ và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- *Kỹ năng nghe:* Nghe và xác định thông tin về giới thiệu bản thân, giới thiệu người khác, các hội thoại hàng ngày trong cuộc sống, hội thoại ở cơ quan, công sở, hội thoại trên điện thoại, bài thuyết trình ngắn, v.v.

- *Kỹ năng nói:* Tự giới thiệu về bản thân, giới thiệu về người khác, đàm thoại hàng ngày trong cuộc sống, hội thoại ở cơ quan, công sở, hội thoại trên điện thoại, bài thuyết trình ngắn, v.v. rõ ràng, có trọng âm từ, trọng âm câu, có ngữ điệu câu, trôi chảy, không nói do dự, ngập ngừng.

- *Kỹ năng đọc:* Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các dạng bài bài hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn, đọc hiểu được thư thân mật, thư cảm ơn và thư xin việc.

- *Kỹ năng viết:* Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu và viết hàng ngày trong cuộc sống, hội thoại ở cơ quan, công sở, hội thoại trên điện thoại, bài thuyết trình ngắn, v.v.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập, theo cặp, theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn ngành quản lý văn hóa trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- *Đối với giáo viên:* Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- *Đối với người học:* Quan sát, hoạt động cá nhân, theo cặp, theo nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Bên cạnh việc học 60 giờ trên lớp, giáo viên có thể hướng dẫn sinh viên thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
4. Tim Falla and Paul A. Davies, *Solutions Elementary* (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
5. Tom Hutchinson, *Lifelines Elementary*, Oxford University Press, 2005.
6. Jack C. Richards, *Tactics for Listening* (02nd edition), Oxford University Press, 2015.
7. Luis Ernesto Salmeron, *New Headway Elementary - 4th Edition Student's Book*, New Headway Elementary (4th Edition) Student's Book.
8. Wang Yue Xi, *Basic IELTS Writing*, Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Văn hóa giao tiếp

Mã môn học: MH 16

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, bài tập, thảo luận: 30 giờ, kiểm tra 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng..

- Tính chất: Môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về khái niệm văn hóa giao tiếp, phân loại văn hóa giao tiếp, các hình thức thể hiện trong văn hóa giao tiếp, đặc trưng cơ bản trong văn hóa giao tiếp củ người Việt, giúp người học có một số kĩ năng cơ bản giao tiếp. góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên biết được một số khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp, những nghi thức giao tiếp, kỹ năng giao tiếp cơ bản và những đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam, đặc biệt SV biết thêm được văn hóa giao tiếp của một số dân tộc vùng Tây Bắc.

2. Về kỹ năng: thực hành được các nghi thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: biết vận dụng được những kiến thức đã học được vào quá trình giao tiếp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Cơ sở lý luận về hoạt động giao tiếp 1. Khái niệm về giao tiếp 2. Đặc điểm của giao tiếp 3. Chức năng của giao tiếp 4. Vai trò của giao tiếp 5. Các hình thức giao tiếp	5	4	1	

2	Bài 2: Văn hóa giao tiếp 1. Khái niệm Văn hóa giao tiếp 2. Các hình thức thể hiện của VH giao tiếp 3. Phân loại văn hoá giao tiếp	8	4	4	
3	Bài 3: Một số kĩ năng giao tiếp cơ bản 1. Kỹ năng định hướng, định vị và điều khiển quá trình giao tiếp 2. Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp 3. Kỹ năng lắng nghe và kỹ năng đặt câu hỏi 4. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại 5. Kỹ năng thuyết trình	33	10	20	3
4	Bài 4: Một số đặc trưng cơ bản trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam 1. Một số đặc trưng cơ bản trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam 2. Văn hóa giao tiếp của một số dân tộc vùng Tây Bắc.	5	4	1	
5	Bài 5: Xây dựng văn hóa học đường 1. Đối với nhà trường 2. Đối với giảng viên 3. Đối với học sinh, sinh viên 4. Đối với gia đình	9	4	4	1
	Cộng	60	26	30	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Cơ sở lý luận về hoạt động giao tiếp (thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp: đặc điểm, chức năng, vai trò và các hình thức giao tiếp

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về giao tiếp
- 2.2. Đặc điểm của giao tiếp
- 2.3. Chức năng của giao tiếp
- 2.4. Vai trò của giao tiếp
- 2.5. Các hình thức giao tiếp

Bài 2: Văn hóa giao tiếp (Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được định nghĩa về văn hóa giao tiếp, phân loại văn hóa giao tiếp và các hình thức biểu hiện của văn hóa giao tiếp.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm Văn hóa giao tiếp
- 2.2. Phân loại văn hoá giao tiếp
- 2.3. Các hình thức thể hiện của văn hóa giao tiếp

Bài 3: Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản *(Thời gian: 33 giờ)*

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được một số kỹ năng cơ bản trong giao tiếp và thực hành được các nghi thức trong giao tiếp.

2. Nội dung

- 2.1. Kỹ năng định hướng, định vị và điều khiển quá trình giao tiếp
- 2.2. Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp
- 2.3. Kỹ năng lắng nghe và kỹ năng đặt câu hỏi
- 2.4. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại
- 2.5. Kỹ năng thuyết trình

Bài 4

Một số đặc trưng cơ bản trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam *(Thời gian: 5 giờ)*

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được một số đặc trưng cơ bản trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam và tìm hiểu thêm được văn hóa giao tiếp của một số dân tộc vùng Tây Bắc.

2. Nội dung

- 2.1. Một số đặc trưng cơ bản trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam
- 2.2. Văn hóa giao tiếp của một số dân tộc vùng Tây Bắc

Bài 5: Xây dựng văn hóa học đường *(Thời gian: 9 giờ)*

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa học đường cũng như sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, giảng viên trong việc giáo dục và rèn luyện các kỹ năng trong đó có kỹ năng giao tiếp góp phần phát triển toàn diện nhân cách cho SV.

2. Nội dung

- 2.1. Đối với nhà trường
- 2.2. Đối với giảng viên
- 2.3. Đối với học sinh, sinh viên

2.4. Đối với gia đình

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá qua các bài kiểm tra kiến thức về đặc điểm, chức năng, vai trò của văn hóa giao tiếp.

- Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện công việc qua các bài tập thảo luận nhóm, các bài viết, thuyết trình của SV.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Tài liệu tham khảo:

1. Đinh Văn Đáng (2005), Giáo trình Kỹ năng giao tiếp, Tổng cục Du lịch - Hội đồng biên soạn giáo trình.

2. Nguyễn Văn Đính (chủ biên) (1995), Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch, NXB Thống kê, Hà Nội.

3. Chu Văn Đức (chủ biên) Giáo trình Kỹ năng giao tiếp,, NXB Hà Nội

4. Nguyễn Văn Đồng (2009), Tâm lý học giao tiếp, NXB Chính trị Hành chính

5. Tiêu Thị Minh Hường (2010), Giao tiếp xã hội, NXB Lao động xã hội.

6. Nguyễn Văn Lê (1994) Giao tiếp sư phạm - TP.HCM

7. Nguyễn Ngọc Nam (1995), Ấn tượng trong phút đầu giao tiếp, NXB Thanh Niên.

8. Nguyễn Quang (2008), Giao tiếp phi ngôn ngữ qua các nền văn hóa, NXB Khoa học xã hội.

9. Nguyễn Hữu Thụ (2009), Giáo trình tâm lý học du lịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2007), Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB Sư phạm.

11. Nguyễn Thạc – Hoàng Anh (1991) Luyện giao tiếp sư phạm - Hà Nội.

4. Hướng dẫn thi hết môn học

- Hình thức thi: Tự luận hoặc vấn đáp

- Thời gian thi: 90 phút (đối với tự luận), quy định thời gian thi vấn đáp tùy vào điều kiện cụ thể.

- Điều kiện thi: Thực hiện theo quy chế

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lịch sử văn minh thế giới

Mã môn học: MH 17

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 42 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Khái niệm văn hoá, văn minh, quá trình ra đời, phát triển và những thành tựu chính của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá, phát hiện và phát triển những giá trị văn hoá, văn minh dân tộc biết quý trọng và giữ gìn những sản phẩm vật chất và tinh thần của văn minh nhân loại. Biết vận dụng hữu ích vào việc hoàn thiện nhân cách của người học, nâng cao hiểu biết

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn Lịch sử văn minh thế giới trong thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên chương	Tổng g	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1: Văn minh Bắc phi và Tây Á thời cổ đại	4	4		
2	Chương 2: Văn minh Ấn độ	4	4		
3	Chương 3: Văn minh Trung Quốc	4	4		
4	Chương 4: Văn minh khu vực Đông Nam Á	6	5		1
5	Chương 5: Lịch sử văn minh Hy Lạp - La mã cổ đại	4	4		
6	Chương 6: Lịch sử văn minh Phương tây Trung đại	4	4		
7	Chương 7: Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thế giới thế kỷ thứ XVI	6	5		1
8	Chương 8: Sự xuất hiện văn minh công nghiệp	4	4		
9	Chương 9: Các trào lưu tư tưởng và văn hoá nghệ thuật	4	4		
10	Chương 10: Văn minh thế giới thế kỷ XX	5	4		1
	Tổng	45	42	0	3

CHƯƠNG 1
VĂN MINH BẮC PHI VÀ TÂY Á THỜI CỔ ĐẠI
(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được:

- Điều kiện hình thành và những thành tựu chính của văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà, A Rập.
- Biết trân trọng những giá trị văn minh của cư dân nơi đây để lại cho nhân loại.
- Rèn luyện kỹ năng khái quát và tổng hợp so sánh.

2. Nội dung

Bài 1: Văn minh Ai cập cổ đại

- 2.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Ai cập
- 2.2. Những thành tựu văn minh chủ yếu

Bài 2: Văn minh Lưỡng hà cổ đại

- 2.1. Tổng quan về Lưỡng hà cổ đại
- 2.2. Những thành tựu văn minh chủ yếu

Bài 3: Văn minh Ả rập

- 2.1. Sơ lược về lịch sử Ả rập
- 2.2. Đạo Hồi
- 2.3. Một số thành tựu văn hoá

CHƯƠNG 2
(Thời gian: 4 giờ)
Bài 4: VĂN MINH ẤN ĐỘ

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được:

- Cơ sở hình thành, thành tựu và đặc điểm chính văn minh Ấn Độ.
- Trân trọng những giá trị văn hoá nhân dân Ấn Độ để lại.
- Rèn kỹ năng cần thiết về bộ môn.

2. Nội dung

- 2.1. Tổng quan về Ấn độ cổ trung đại
- 2.2. Những thành tựu văn minh chính
- 2.3. Tôn giáo

CHƯƠNG 3
(Thời gian: 4 giờ)
Bài 5: VĂN MINH TRUNG QUỐC

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được:

- Sự hình thành, phát triển và những thành tựu chính của văn minh Trung Quốc.

- Biết trân trọng giá trị văn minh mà nhân dân Trung Quốc đóng góp cho nhân loại.

- Rèn luyện kỹ năng cần thiết về bộ môn.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về Trung quốc cổ đại

2.2. Những thành tựu chính của văn minh Trung quốc

CHƯƠNG 4

(Thời gian: 6 giờ)

Bài 6: VĂN MINH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được

- Điều kiện tự nhiên, cư dân và sự phát triển các quốc gia ĐNA trong lịch sử.

- Xây dựng tình cảm, mối quan hệ láng giềng hữu nghị giữa các nước trong khu vực.

- Rèn kỹ năng tổng hợp, phân tích, so sánh...

2. Nội dung

2.1. Điều kiện tự nhiên và cư dân

2.2. Cơ sở hình thành nền văn minh khu vực Đông Nam Á

2.3. Một số thành tựu về văn hoá

CHƯƠNG 5

(Thời gian: 4 giờ)

Bài 7: LỊCH SỬ VĂN MINH HY LẠP - LA MÃ CỔ ĐẠI

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được:

- Những kiến thức tổng quát về Hy Lạp và La Mã cổ đại.

- Những thành tựu văn minh Hy Lạp đóng góp và tạo cơ sở cho phát triển văn minh nhân loại về sau.

- Trân trọng những giá trị văn minh Hy Lạp xưa.

- Rèn kỹ năng so sánh, tổng hợp và quan sát.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về Hy Lạp và La Mã cổ đại

2.2. Những thành tựu chính của văn minh Hy – La cổ đại

CHƯƠNG 6

(Thời gian: 4 giờ)

Bài 8: LỊCH SỬ VĂN MINH PHƯƠNG TÂY TRUNG ĐẠI

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được

- Sự ra đời, phát triển và những đặc trưng của chế độ PK Tây Âu.
- Một số biểu hiện về VH Trung đại, bước tiến về VH thời hậu kỳ Trung đại.
- Rèn luyện kỹ năng bộ môn...

2. Nội dung

2.1. Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu

2.2. Văn hoá Tây Âu

CHƯƠNG 7

(Thời gian: 6 giờ)

Bài 9: SỰ TIẾP XÚC GIỮA CÁC NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THẾ KỶ THỨ XVI

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được

- Nguyên nhân, điều kiện và các cuộc phát triển địa lý lớn do người Châu Âu tiến hành.
- Sự tiếp xúc, ý nghĩa quá trình tiếp xúc của các nền văn minh TG trong thế kỷ XVI.
- Rèn kỹ năng khái quát, tổng hợp...

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân và điều kiện phát kiến địa lý

2.2. Những cuộc phát kiến địa lý lớn

2.3. Hệ quả phát kiến địa lý – sự tiếp xúc giữa các nền văn minh TG

CHƯƠNG 8

(Thời gian: 4 giờ)

Bài 10: SỰ XUẤT HIỆN VĂN MINH CÔNG NGHIỆP

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được:

- Nguồn gốc, nội dung của CM công nghiệp, những thành tựu cơ bản và tác động của cuộc CM này đến KT - XH TG
- Tinh thần “tấn công” vào KH-KT
- Kỹ năng tổng hợp, so sánh, đối chiếu...

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời các quốc gia tư sản đầu tiên ở Châu Âu – Châu Mỹ thế kỷ XVI - XVIII

2.2. Cuộc cách mạng công nghiệp

2.3. Chủ nghĩa thực dân phương tây đối với các nước Á - Phi – Mỹ la tinh.

CHƯƠNG 9

(Thời gian: 4 giờ)

Bài 11: CÁC TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được

- Hoàn cảnh gia đời, xu hướng chủ yếu của các trào lưu tư tưởng, nghệ thuật đương thời.

- Có thái độ, phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các trào lưu tư tưởng này.

- Rèn kỹ năng đánh giá, tổng hợp.

2. Nội dung

2.1. Thành tựu văn học, nghệ thuật

2.2. Những học thuyết về xã hội

CHƯƠNG X

(Thời gian: 5 giờ)

Bài 12: VĂN MINH THẾ GIỚI THẾ KỶ XX

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên nắm được

- Sự xuất hiện văn minh XHCN; những thành tựu chung VMNL, đạt được trong TK XX, một số xu hướng phát triển văn minh TG TK XXI.

- Sự cần thiết đấu tranh ngăn chặn xung đột, chiến tranh, CN khủng bố, bảo vệ những giá trị văn minh nhân loại.

- Rèn kỹ năng bộ môn...

2. Nội dung

2.1. Văn minh thế giới nửa đầu TK XX

2.2. Chiến tranh TG và sự phá hoại nền văn minh nhân loại

2.3. Sự xuất hiện một nền văn minh mới văn minh thông tin

2.4. Dự báo những biến đổi về một XH văn minh mới

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: 0

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

+ Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về Lịch sử văn minh thế giới.

- Kỹ năng: Vận dụng cá giá trị, các giá trị văn minh đó và cuộc sống , trong học tập, cũng như giảng dạy sau khi ra trường.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Việt Nam văn hoá sử cương, Đào Duy Anh, Nxb TP HCM, 1992

- Việt Nam phong tục, Phan Kế Bính, Nxb TP HCM 1990

- Lịch sử văn minh nhân loại, Vũ Dương Ninh, Nxb giáo dục 1997.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đại cương khoa học quản lý

Mã môn học: MH 18

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Đây là môn học tìm hiểu các vấn đề cơ bản trong công tác quản lý.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên biết được khái niệm và đối tượng của khoa học quản lý, những chức năng của quản lý, các phương pháp quản lý.

- Về kỹ năng: Phân tích được những chức năng của quản lý; ưu điểm và hạn chế của các phương pháp quản lý

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Áp dụng những kiến thức môn học trong thực tiễn công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái niệm và chức năng của khoa học quản lý 1. Khái niệm và chức năng quản lý 2. Khái niệm và vai trò của nhà quản lý	4	4		
2	Bài 2: Sự phát triển của tư tưởng quản lý. 1. Bối cảnh lịch sử 2. Các giai đoạn phát triển của tư tưởng quản lý	5	5		
3	Bài 3: Các nguyên tắc và phương pháp quản lý A. Các nguyên tắc quản lý 1. Nguyên tắc thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế. 2. Nguyên tắc tập trung dân chủ 3. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo	28	6	20	2

	<p>ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ</p> <p>4. Nguyên tắc kết hợp các lợi ích kinh tế</p> <p>5. Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả kinh tế cao nhất</p> <p>6. Vận dụng đồng bộ các nguyên tắc theo hướng đổi mới ở mọi cấp quản lý</p> <p>B.Các phương pháp quản lý</p> <p>1. Phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng</p> <p>2. Phương pháp tâm lý, xã hội</p> <p>3. Phương pháp hành chính, luật pháp</p> <p>4. Phương pháp tổ chức điều khiển</p> <p>5. Phương pháp kinh tế</p> <p>6. Vận dụng tổng hợp các phương pháp quản lý</p>				
4	<p>Bài 4: Quyết định quản lý</p> <p>1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định quản lý</p> <p>2. Các chức năng của quyết định quản lý</p> <p>3. Phân loại quyết định quản lý</p> <p>4. Những yêu cầu đối với quyết định quản lý</p>	11	6	5	
5	<p>Bài 5: Thông tin trong quản lý</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Phân loại thông tin quản lý</p>	12	6	5	1
	Cộng	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái niệm và chức năng của khoa học quản lý (Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu về khái niệm và chức năng của môn học khoa học quản lý

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và chức năng của quản lý

2.2. Khái niệm và vai trò của nhà quản lý

Bài 2: Sự phát triển của tư tưởng quản lý

(Thời gian: 5 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên biết được sự phát triển của tư tưởng quản lý qua các thời kỳ

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh lịch sử

2.2. Các giai đoạn phát triển của tư tưởng quản lý

Bài 3: Các nguyên tắc và phương pháp quản lý

(Thời gian: 28 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được các nguyên tắc cơ bản của quản lý: Nguyên tắc thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế; tập trung dân chủ; Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ ...và vận dụng được các nguyên tắc phù hợp với từng đối tượng quản lý.

- Hiểu được ưu điểm và hạn chế của các phương pháp quản lý.

2. Nội dung

A. Các nguyên tắc quản lý

2.1. Nguyên tắc thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế.

2. 2. Nguyên tắc tập trung dân chủ

2.3. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ

2.4. Nguyên tắc kết hợp các lợi ích kinh tế

2.5. Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả kinh tế cao nhất

2. 6. Vận dụng đồng bộ các nguyên tắc theo hướng đổi mới ở mọi cấp quản lý

B. Các phương pháp quản lý

2.1. Phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng

2.2. Phương pháp tâm lý, xã hội

2.3. Phương pháp hành chính, luật pháp

2.4. Phương pháp tổ chức điều khiển

2.5. Phương pháp kinh tế

2.6. Vận dụng tổng hợp các phương pháp quản lý

Bài 4: Quyết định quản lý

(Thời gian: 11 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm, chức năng, phân loại và những yêu cầu đối với quyết định quản lý

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định quản lý
- 2.2. Các chức năng của quyết định quản lý
- 2.3. Phân loại quyết định quản lý
- 2.4. Những yêu cầu đối với quyết định quản lý

Bài 5: Thông tin trong quản lý

(Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm, cách phân loại thông tin quản lý.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân loại thông tin quản lý

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham

khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá qua các bài kiểm tra kiến thức về đối tượng của khoa học quản lý, những chức năng của quản lý, các phương pháp quản lý.

- Về kỹ năng: Đánh giá qua các bài tập thảo luận nhóm phân tích được những chức năng của quản lý pháp; ưu điểm và hạn chế của các phương pháp quản lý.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp: đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Tài liệu tham khảo:

- Phạm Ngọc Thanh (chủ biên) (2019), *Giáo trình khoa học quản lý đại cương*, NXB Đại học QGHN.

- Phan Văn Tú (1999), *Giáo trình Đại cương về khoa học quản lý*, NXB VHTT.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tôn giáo tín ngưỡng

Mã môn học: MH 19

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Môn học giúp sinh viên có những hiểu biết về bản chất của tín ngưỡng, tôn giáo. Đặc điểm của một số tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên biết được những vấn đề cơ bản sau; Thực trạng, nguyên nhân, xu hướng và bản chất của tín ngưỡng, tôn giáo; Đặc điểm một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam; Quan điểm chính sách của Đảng và nhà nước ta về tôn giáo tín ngưỡng hiện nay

- Về kỹ năng: Giúp người học hiểu, nắm vững những kiến thức cơ bản một cách hệ thống.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo trong thực tiễn cuộc sống

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Tôn giáo trên thế giới - Thực trạng, nguyên nhân và xu hướng 1. Tôn giáo trên thế giới - thực trạng, nguyên nhân và xu hướng 2. Những hình thức tôn giáo trong lịch sử	6	3	3	
2	Bài 2: Nguồn gốc, bản chất của tôn giáo và đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam. 1. Nguồn gốc, bản chất của tôn giáo ở VN 2. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam	10	4	5	1
3	Bài 3: Phật giáo 1. Lịch sử hình thành Phật giáo 2. Một số nội dung cơ bản trong giáo lí, luật lệ, lễ nghi và tổ chức của Phật giáo 3. Phật giáo ở Việt Nam	7	3	4	

4	Bài 4: Kitô giáo 1. Sự ra đời của Kitô giáo 2. Những vấn đề cơ bản của giáo lí, giáo luật và tổ chức giáo hội 3. Sự phát triển và phân hóa Kitô giáo 4. Đạo Tin lành 5. Kitô giáo ở Việt Nam	7	3	3	1
5	Bài 5: Đạo Cao Đài 1. Đặc điểm ra đời của đạo Cao Đài 2. Nội dung cơ bản của giáo lí, giáo luật lễ nghi và tổ chức của đạo Cao 3. Quá trình phát triển của đạo Cao Đài và những vấn đề đặt ra hiện nay	7	3	4	
6	Bài 6: Đạo Hòa hảo 1. Quá trình hình thành đạo Hòa hảo 2. Giáo lí, giáo luật lễ nghi và tổ chức của đạo Hòa Hảo 3. Quá trình phát triển của đạo Hòa Hảo	6	3	3	
7	Bài 7: Đạo Hồi 1. Nguồn gốc lịch sử của Đạo Hồi 2. Nội dung cơ bản về giáo lí, giáo luật lễ nghi và tổ chức của đạo Hồi 3. Một số đặc điểm của Đạo Hồi ở Việt Nam	6	3	3	
8	Bài 8: Các chính sách và việc thực hiện chính sách về tôn giáo của Đảng và nhà nước ta 1. Một số văn kiện của Đảng và nhà nước về vấn đề tôn giáo 2. Quan điểm, nhiệm vụ và chính sách đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay 3. Tình hình thực hiện chính sách đối với tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và nhà nước	11	5	5	1
Cộng		60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Tôn giáo trên thế giới.

Thực trạng, nguyên nhân và xu hướng

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được thực trạng, nguyên nhân và xu hướng tôn giáo trên thế giới.

2. Nội dung

- 2.1. Tôn giáo trên thế giới - thực trạng, nguyên nhân và xu hướng
- 2.2. Những hình thức tôn giáo trong lịch sử

**Bài 2: Nguồn gốc, bản chất của tôn giáo
và đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam**
(Thời gian: 10 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Nguồn gốc, bản chất của tôn giáo ở Việt Nam
- 2.2. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

Bài 3: Phật giáo
(Thời gian: 7 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được lịch sử hình thành và nội dung cơ bản của Phật giáo, lịch sử hình thành Phật giáo ở Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Lịch sử hình thành Phật giáo
- 2.2. Một số nội dung cơ bản trong giáo lí, luật lệ, lễ nghi và tổ chức của Phật giáo
- 2.3. Phật giáo ở Việt Nam

Bài 4: Kitô giáo
(Thời gian: 7 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được lịch sử hình thành và nội dung cơ bản của Kitô giáo; Kitô giáo ở Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Sự ra đời của Kitô giáo
- 2.2. Những vấn đề cơ bản của giáo lí, giáo luật và tổ chức giáo hội
- 2.3. Sự phát triển và phân hóa Kitô giáo
- 2.4. Đạo Tin lành
- 2.5. Kitô giáo ở Việt Nam

Bài 5: Đạo Cao Đài
(Thời gian: 7 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được lịch sử hình thành và nội dung cơ bản của đạo Cao đài, quá trình phát triển đạo Cao Đài ở Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm ra đời của đạo Cao Đài

2.2. Nội dung cơ bản của giáo lí, giáo luật lễ nghi và tổ chức của đạo Cao

2.3. Quá trình phát triển của đạo Cao Đài và những vấn đề đặt ra hiện nay

Bài 6: Đạo Hòa Hảo

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được lịch sử hình thành và nội dung cơ bản của đạo Hòa Hảo, quá trình phát triển đạo Hòa Hảo ở Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Quá trình hình thành đạo Hòa hảo

2.2. Giáo lí, giáo luật lễ nghi và tổ chức của đạo Hòa Hảo

2.3. Quá trình phát triển của đạo Hòa Hảo

Bài 7: Đạo Hồi

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được lịch sử hình thành và nội dung cơ bản của Đạo Hồi, nội dung cơ bản của Đạo Hồi, đặc điểm của Đạo Hồi ở Việt Nam

2. Nội dung

2.1. Nguồn gốc lịch sử của Đạo Hồi

2.2. Nội dung cơ bản về giáo lí, giáo luật lễ nghi và tổ chức của Đạo Hồi

2.3. Một số đặc điểm của Đạo Hồi ở Việt Nam

Bài 8: Các chính sách và việc thực hiện chính sách về tôn giáo của Đảng và nhà nước ta

(Thời gian: 11 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được các chính sách về vấn đề tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số văn kiện của Đảng và nhà nước về vấn đề tôn giáo

2.2. Quan điểm, nhiệm vụ và chính sách đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

2.3. Tình hình thực hiện chính sách đối với tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và nhà nước

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá về thực trạng, nguyên nhân, xu hướng và bản chất của tín ngưỡng, tôn giáo; Đặc điểm một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
- Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện qua các bài kiểm tra kết thúc môn học, nắm vững những kiến thức cơ bản một cách hệ thống.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức về tầm quan trọng của môn học, thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.
- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- *Tập bài giảng khoa học về tín ngưỡng và tôn giáo* - Trung tâm khoa học về tín ngưỡng và tôn giáo
- *Tôn giáo và đời sống hiện đại* - Viên Thông tin khoa học xã hội, nxb KHXH, 1997
- *Một số tôn giáo ở Việt Nam* - Ban tôn giáo chính phủ

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dàn dựng chương trình nghệ thuật

Mã môn học: MH 20

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 25 giờ; thực hành, bài tập, thảo luận: 30 giờ; Kiểm tra: 5 giờ; THHD: 60 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Dàn dựng chương trình nghệ thuật là môn học chuyên ngành bắt buộc, được bố trí học vào năm III.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sinh viên biết được Các bước tiến hành dàn dựng một tác phẩm ca nhạc; Các hình thức biểu diễn ca hát; Tổ chức biểu diễn chương trình ca múa nhạc; Kỹ thuật chỉ huy.

- Về kỹ năng: môn học cung cấp cho sinh viên phương pháp và các bước dàn dựng một chương trình nghệ thuật tổng hợp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức đã học để dàn dựng, tổ chức chương trình nghệ thuật tổng hợp tiến tới phục vụ công việc sau khi ra trường.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Thời lượng kiến thức được chia đều cho 2 kỳ học (mỗi kỳ học 60 giờ)

Stt	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về chương trình nghệ thuật, phương pháp viết kịch bản chương trình nghệ thuật tổng hợp. A. Chương trình nghệ thuật B. Phương pháp viết kịch bản chương trình nghệ thuật tổng hợp.	12	5	7	

2	Bài 2: Công tác của người dàn dựng chương trình ca nhạc - Nhiệm vụ và điều kiện của người dàn dựng - Phương pháp lựa chọn tác phẩm để dàn dựng	4	4		
3	Bài 3: Các bước tiến hành dàn dựng một tác phẩm ca nhạc - Chuẩn bị luyện tập - Các quy định chuyên môn - Phương pháp luyện tập ca hát	10	6	4	
4	Bài 4: Các hình thức biểu diễn ca hát - Hát chung mang tính cộng đồng - Ca hát biểu diễn	12	2	10	
5	Bài 5: Tổ chức biểu diễn chương trình ca múa nhạc - Hệ thống âm thanh trong biểu diễn ca, múa, nhạc - Hệ thống chiếu sáng trong biểu diễn ca, múa, nhạc - Trang phục, đạo cụ, hoá trang trong biểu diễn ca, múa, nhạc - Chuẩn bị biểu diễn	12	6	6	
6	Bài 6: Kỹ thuật chỉ huy - Hoạt động của hai tay - Đường nét chỉ huy các loại nhịp - Cách lấy đà - Sắc thái tình cảm người chỉ huy * Kiểm tra lấy điểm	14	2	10	2
7	Bài 7: Thực hành dàn dựng - Giáo viên dựng mẫu - Sinh viên thực hành dàn dựng * Ôn tập, kiểm tra kết thúc môn học	56		53	3
Cộng		120	25	90	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái quát về chương trình nghệ thuật, phương pháp viết kịch bản chương trình nghệ thuật tổng hợp (Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm được những khái niệm, đặc tính cơ bản của một chương trình

nghệ thuật tổng hợp. Các thành tố cấu thành một chương trình nghệ thuật tổng hợp để từ đó người học nắm được những yếu tố, kỹ năng cơ bản để thực hiện xây dựng một chương trình nghệ thuật tổng hợp theo yêu cầu của môn học, của thực tế đặt ra.

Sinh viên nắm được phương pháp viết đề cương kịch bản đến kịch bản văn học, kịch bản phân cảnh (kịch bản chi tiết)... biết cách viết kịch bản cho chương trình nghệ thuật tổng hợp.

2. Nội dung

A. Chương trình nghệ thuật

2.1. Chương trình Nghệ thuật

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc tính cơ bản của chương trình nghệ thuật tổng hợp

2.1.2.1. Tính Nghệ thuật:

2.1.2.2. Tính Logic khoa học, tính hợp lý, tính hấp dẫn

2.1.3. Các yếu tố kết cấu chương trình nghệ thuật

2.1.3.1. Âm nhạc

2.1.3.2. Thanh nhạc

2.1.3.3. Vũ đạo

2.1.3.4. Kịch

2.1.3.5. Mỹ thuật

2.1.3.6. Văn học

2.1.3.7. Thời trang

2.1.3.8. Xiếc, ảo thuật

2.2. Phân loại chương trình nghệ thuật tổng hợp

2.2.1. Chương trình nghệ thuật không cố định chủ đề

2.2.2. Chương trình nghệ thuật có chủ đề

2.2.3. Chương trình nghệ thuật chuyên đề - loại hình

2.2.4. Chương trình sân khấu hóa lễ hội

B. Phương pháp viết kịch bản chương trình nghệ thuật tổng hợp

2.1. Tìm hiểu đề cương kịch bản, kịch bản văn học, kịch bản phân cảnh

2.1.1. Viết đề cương kịch bản

2.1.2. Viết kịch bản văn học

2.1.3. Viết kịch bản phân cảnh

2.2. Đề tài, chủ đề

- 2.2.1. Đề tài
- 2.2.2. Chủ đề
- 2.3. Phương pháp tư duy
 - 2.3.1. Chu trình củ tư duy
 - 2.3.2. Tư duy hình tượng
 - 2.3.3. Tư duy kết cấu không gian
- 2.4. Phương pháp kết cấu chương trình
 - 2.4.1. Bố cục nội dung kịch bản
 - 2.4.2. Kết cấu tuyến chương trình
- 2.5. Phương pháp kết cấu chương (phần) chương trình.
- 2.6. Phương pháp mở, cao trào, kết thúc chương trình.
- 2.7. Tiết tấu, “màu sắc” chương trình.
 - 2.7.1. Tiết tấu chương trình
 - 2.7.2. Màu sắc chương trình (phần của giảng viên biên soạn).
- 2.8. Viết lời giới thiệu chương trình (sinh viên tự nghiên cứu thực hiện, có thể tham khảo ý kiến của giảng viên hướng dẫn).

Bài 2: Công tác của người dàn dựng chương trình ca nhạc

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên biết được nhiệm vụ và điều kiện của người dàn dựng chương trình nghệ thuật, có phương pháp lựa chọn tác phẩm để dàn dựng.

2. Nội dung

- 2.1. Nhiệm vụ và điều kiện của người dàn dựng
 - 2.1.1. Nhiệm vụ của người dàn dựng
 - 2.1.2. Điều kiện cần có của người dàn dựng
- 2.2. Phương pháp lựa chọn tác phẩm để dàn dựng
 - 2.2.1. Phân loại giọng hát theo cỡ giọng (âm vực)
 - 2.2.2. Phân loại giọng hát theo chất giọng
 - 2.2.3. Dịch giọng
 - 2.2.4. Các căn cứ để chọn tác phẩm dàn dựng

Bài 3: Các bước tiến hành dàn dựng một tác phẩm ca nhạc

(Thời gian: 10 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên biết được các bước tiến hành dàn dựng một tác phẩm ca nhạc: chuẩn bị luyện tập, các quy định chuyên môn, phương pháp luyện tập ca hát.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị luyện tập

2.1.1. Tuyển chọn diễn viên

2.1.2. Luyện thanh theo kỹ thuật thanh nhạc

2.1.3. Luyện thanh vào tác phẩm cụ thể

2.2. Các quy định chuyên môn

2.2.1. Chọn hình thức biểu diễn

2.2.2. Xác định cường độ

2.2.3. Xác định tốc độ (Tempo)

2.2.4. Chọn diễn viên Solo hoặc Duo

2.2.5. Dự kiến diễn viên hát bè

2.2.6. Dự kiến hát canon

2.2.7. Xác định đội hình biểu diễn

2.2.8. Nghệ thuật biểu diễn trên sân khấu

2.2.9. Nghệ thuật chào

2.3. Phương pháp luyện tập ca hát

2.3.1. Phương pháp gây men

2.3.2. Các bước kỹ thuật trong luyện tập một tác phẩm.

Bài 4: Các hình thức biểu diễn ca hát

(Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu: Sinh viên biết các hình thức biểu diễn ca hát.

2. Nội dung

2.1. Hát chung mang tính cộng đồng

2.1.1. Hát chung trong sinh hoạt

2.1.2. Hát chung trong nghi lễ

2.1.3. Hát chung trong hành tiến

2.2. Ca hát biểu diễn

2.2.1. Đơn ca

2.2.2. Song ca

2.2.3. Tốp ca

2.2.4. Đồng ca

2.2.5. Hợp xướng (cantata)

2.2.6. Màn hát múa

2.2.7. Sử thi

2.3. Nhạc đệm trong biểu diễn ca hát

- 2.3.1. Nhạc đạo đầu và nhạc nổi
- 2.3.2. Nhạc đệm tùy hứng
- 2.3.3. Nhạc đệm có soạn trước
- 2.4. Múa trong biểu diễn ca hát (Múa phụ họa)
 - 2.4.1. Múa làm nền cho hát
 - 2.4.2. Múa minh họa cho hát
- 2.5. Đội hình sân khấu
 - 2.5.1. Đội hình một phía
 - 2.5.2. Đội hình ba, bốn phía
 - 2.5.3. Đội hình ca hát trong tiến hành
- 2.6. Hát lại khi được yêu cầu
 - 2.6.1. Hát lại một đoạn
 - 2.6.2. Thay đổi phong cách hát
 - 2.6.3. Có thể hát bài khác
 - 2.6.4. Những trường hợp không nên hát lại.

Bài 5: Tổ chức biểu diễn chương trình ca múa nhạc
(Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được những yếu tố có liên quan đến việc tổ chức biểu diễn chương trình ca múa nhạc.

2. Nội dung

- 2.1. Hệ thống âm thanh trong biểu diễn ca, múa, nhạc
 - 2.1.1. Hệ thống trang âm
 - 2.1.2. Hệ thống loa phóng thanh
 - 2.1.3. Kỹ thuật sử dụng Mi - Crô
- 2.2. Hệ thống chiếu sáng trong biểu diễn ca, múa nhạc
 - 2.2.1. Ánh sáng trắng
 - 2.2.2. Ánh sáng trang trí
 - 2.2.3. Ánh sáng phong hậu
 - 2.2.4. Đèn chiếu dọi
- 2.3. Trang phục, đạo cụ, hoá trang trong biểu diễn ca, múa, nhạc
 - 2.3.1. Trang phục
 - 2.3.2. Đạo cụ
 - 2.3.3. Hoá trang
- 2.4. Chuẩn bị biểu diễn

- 2.4.1. Chuẩn bị sân khấu - dựng sân khấu lưu động
- 2.4.2. Sắp xếp chương trình
- 2.4.3. Người giới thiệu và lời giới thiệu
- 2.4.4. Hậu trường và khán giả

Bài 6: Kỹ thuật chỉ huy

(Thời gian: 14 giờ)

1. Mục tiêu: Sinh viên biết các kỹ thuật chỉ huy

2. Nội dung

2.1. Hoạt động của hai tay

2.1.1. Chiều lên xuống

2.1.2. Phạm vi hoạt động của hai tay

2.1.3. Xử lý kỹ thuật

2.2. Đường nét chỉ huy các loại nhịp

2.2.1. Nhịp 2/4 2.2. Nhịp 3/4 2.3. Nhịp 4/4 2.4. Nhịp 3/8; 6/8

2.3. Cách lấy đà

2.3.1. Lấy đà mở đầu

2.3.2. Lấy đà từng đoạn, từng âm

2.4. Sắc thái tình cảm người chỉ huy

2.4.1. Sắc thái tình cảm của đôi tay

2.4.2. Sắc thái tình cảm thể hiện ở gương mặt.

Phần 7: Thực hành dàn dựng

(Thời gian: 56 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên có khả năng thực hành dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp

2. Nội dung

2.1. Giáo viên dựng mẫu

2.1.1. Dựng một tác phẩm hợp xướng

2.1.2. Dựng một tác phẩm hát múa (màn hát múa)

2.1.3. Dựng một tập ca nam + nữ

2.1.4. Dựng một tập ca nam

2.1.5. Dựng một tập ca nữ

2.1.6. Dựng một song ca (Duo)

2.2. Học sinh thực hành dàn dựng

2.2.1. Lựa chọn tác phẩm, trình bày ý đồ dàn dựng với giáo viên

2.2.2. Thực hành dàn dựng tác phẩm theo hai bước

2.2.3. Chuẩn bị trang phục, đạo cụ cho tiết mục

2.2.4. Thực hành biểu diễn báo cáo tiết mục dàn dựng

* Ôn tập, kiểm tra lấy điểm kết thúc môn học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01 phòng học lý thuyết có thực hành biểu diễn, sàn tập

2. Trang thiết bị máy móc: đàn Piano, bảng có dòng kẻ khuông nhạc, máy trình chiếu, máy tính, tăng âm, loa đài (nếu có)

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu học tập và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra, sinh viên nắm được các bước tiến hành dàn dựng một tác phẩm ca nhạc; các hình thức biểu diễn ca hát; biết cách xây dựng và tổ chức biểu diễn chương trình ca, múa, nhạc tổng hợp, cơ bản nắm được kỹ thuật chỉ huy.

- Kỹ năng: Đánh giá sinh viên thông qua các bài tập thực hành, thảo luận trên lớp, bài tập về nhà. Có kỹ năng hoạt động độc lập, năng lực hoạt động nhóm.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

+ Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp đánh giá:

- Theo quy chế của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

- Đánh giá Sinh viên bằng phương pháp cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình đào tạo dành cho ngành Cao đẳng Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Hướng dẫn theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: tăng cường học nhóm, thảo luận, làm bài tập trực tiếp trên lớp nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học. Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý: Nội dung trong cả 7 bài đều là những kiến thức cơ bản quan trọng với đối tượng người học.

4. Tài liệu tham khảo:

- Lê Ngọc Canh “Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp”, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội (2003).

- Dương Viết Á, Đức Trịnh “Tổ chức và dàn dựng chương trình biểu diễn ở cơ sở”, Nxb Giáo dục (2000).

- Lê Tuấn Anh “Dàn dựng chương trình tổng hợp”, Nxb Giáo dục (2007).

- Lê Ngọc Canh “100 điệu múa truyền thống Việt Nam”, Nxb Văn hóa Thông tin – TT Nghệ thuật múa UNESCO Hà Nội (2001).

- Đào Ngọc Dung “Những bài hát tập thể đồng ca, hợp xướng I - II - III, Nxb Trường CĐSP Nhạc họa TW (1997).

- Lê Thế Hào, Nguyễn Thiết “Chỉ huy và dàn dựng các tác phẩm âm nhạc”, Nxb giáo dục (1985).

- Lê Ngọc Khanh hay Vũ Tự Lân, Lê Thế Hào "Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể" (2007).

- Đoàn Phi “Chỉ huy dàn dựng hát tập thể”, Nxb ĐH Sư phạm (1999).

- Ca khúc Việt Nam qua các thời kỳ.

5. Ghi chú và giải tích (nếu có):

6. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học:

- Hình thức thi: Thi thực hành dàn dựng chương trình ca nhạc hoặc biểu diễn

- Thời gian thi: 15 phút/sinh viên

- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Văn hóa gia đình

Mã môn học: MH 21

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Văn hóa gia đình trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về gia đình và văn hóa gia đình.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về gia đình và văn hóa gia đình. Những biến đổi của văn hóa gia đình và những yếu tố tác động đến văn hóa gia đình hiện nay.

- Về kỹ năng: Giúp người học hiểu, nắm vững những kiến thức cơ bản một cách hệ thống.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn Văn hóa gia đình trong thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên chương	Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1. Gia đình và vai trò của văn hóa gia đình trong đời sống xã hội	8	4	4	0
2	Chương 2. Gia đình văn hóa Việt Nam từ cổ đại đến trước thời kỳ đổi mới (1986)	20	7	12	1
3	Chương 3 . Những biến đổi về gia đình và văn hóa gia đình từ sau đổi mới đến nay	32	16	14	2
	Cộng	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết

Chương 1

Gia đình và vai trò của văn hóa gia đình trong đời sống xã hội

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên nắm được khái niệm gia đình, văn hóa gia đình và vai trò của gia đình trong đời sống xã hội.

2. Nội dung

2.1. Gia đình

2.1.1. Khái niệm gia đình

2.1.2. Các chức năng của gia đình

2.2. Văn hóa gia đình

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Vai trò của văn hóa gia đình trong đời sống xã hội

Chương 2

Gia đình văn hóa Việt Nam từ cổ đại đến trước thời kỳ đổi mới (1986) *(Thời gian: 20 giờ)*

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên tìm hiểu văn hóa gia đình Việt Nam từ cổ đại đến trước thời kỳ đổi mới

2. Nội dung

2.1. Khái quát chung

2.1.1. Gia đình và văn hóa gia đình Người Việt thời cổ

2.1.2. Gia đình và văn hóa gia đình Việt Nam từ trung đại đến trước thời kỳ đổi mới (1986)

2.2. Các loại hình gia đình và văn hoá gia đình

2.2.1. Những yếu tố tác động đến gia đình và văn hóa gia đình

2.2.2. Các loại hình gia đình và văn hoá gia đình

Chương 3

Những biến đổi về gia đình và văn hóa gia đình từ sau đổi mới đến nay *(Thời gian: 32 giờ)*

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên tìm hiểu sự biến đổi của gia đình và văn hóa gia đình từ sau đổi mới đến nay

2. Nội dung

2.1. Những yếu tố tác động đến gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa

2.1.1. Yếu tố chính trị

2.1.2. Yếu tố kinh tế

2.1.3. Yếu tố văn hóa

2.2. Những biến đổi của gia đình

- 2.2.1. Quy mô gia đình
- 2.2.2. Loại hình gia đình
- 2.2.3. Quan hệ hôn nhân
- 2.2.4. Các quan hệ gia đình
- 2.2.5. Điều kiện sống

2.3. Những biến đổi về văn hóa gia đình

- 2.3.1. Những biến đổi trong đời sống văn hóa tinh thần
- 2.3.2. Biến đổi giá trị văn hóa gia đình
- 2.3.3. Một số kiểu loại văn hóa gia đình hiện nay

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: 0
- 2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo
- 4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về gia đình, văn hóa gia đình. Những biến đổi của văn hóa gia đình và những yếu tố tác động đến gia đình hiện nay.

- Kỹ năng:

+ Sinh viên biết vận dụng những cơ sở lý luận vào việc phát huy, gìn giữ những giá trị văn hóa gia đình truyền thống Việt Nam trong đời sống xã hội đương đại.

+ Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Bùi Đình Châu, Văn hóa gia đình -Nxb VH TT, 2002

- Lê Đức Quý, Vũ Thị Huệ, Người phụ nữ trong văn hóa gia đình đô thị, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003

- Trần Ngọc Thêm, Tìm hiểu về bản sắc văn hóa gia đình Việt Nam, Nxb TP. HCM, 1997

- Nguyễn Khắc Viện, Tâm lý gia đình, NXB trẻ, TP. HCM, 1996

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Soạn thảo văn bản hành chính

Mã môn học: MH 22

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Đây là học phần mang tính chất bắt buộc, cung cấp những kiến thức cơ bản và những kỹ năng cần thiết về văn bản quản lý nhà nước

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên biết được những kiến thức cơ bản và những kỹ năng cần thiết về văn bản quản lý nhà nước : Khái quát chung về văn bản, thể thức yêu cầu, cách xây dựng, quy cách tạo lập văn bản, quản lý văn bản trong cơ quan nhà nước

- Về kỹ năng : có kỹ năng dùng từ, tạo câu; kỹ năng xây dựng và tạo lập các văn bản hành chính thông thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng những kiến thức về văn bản để nâng cao kỹ năng tạo lập và sử dụng văn bản quản lý nhà nước - nhất là văn bản hành chính thông thường cho sinh viên.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, Bài tập	Kiểm tra
1	CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ VĂN BẢN QLHCNN Bài 1: Kiến thức chung về văn bản 1. Vài nét về tình hình soạn thảo văn bản ở các cơ quan của nước ta hiện nay 2. Những khái niệm cơ bản về văn bản 3. Chức năng của văn bản 4. Vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý nhà nước	4	4		

2	Bài 2: Hệ thống văn bản QLNN 1. Hệ thống văn bản quản lý nhà nước 2. Phân loại văn bản 3. Hiệu lực của văn bản	4	4		
3	CHƯƠNG 2: NHỮNG YÊU CẦU CHUNG VỀ NỘI DUNG VÀ THỂ THỨC VĂN BẢN 1. Yêu cầu chung 2. Những yêu cầu về nội dung 3. Những yêu cầu về thể thức	16	7	8	1
4	CHƯƠNG 3: VĂN PHONG VÀ NGÔN NGỮ VĂN BẢN 1. Văn phong hành chính - công vụ 2. Ngôn ngữ văn bản	8	4	4	
5	CHƯƠNG 4: QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN 1. Khái niệm về quy trình xây dựng và ban hành văn bản 2. Trình tự chung xây dựng và ban hành văn bản 3. Yêu cầu về việc soạn thảo VB 4. Trách nhiệm và quyền hạn của người soạn thảo VB	5	4		1
6	CHƯƠNG 5: SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG 1. Tổng quan về văn bản hành chính cá biệt 2. Soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường	23	4	18	1
	CỘNG	60	27	30	03

2. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1 ĐẠI CƯƠNG VỀ VĂN BẢN QLHCNN (Thời gian: 8 giờ)

Bài 1: Kiến thức chung về văn bản

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được những kiến thức chung về văn bản: Khái niệm, vai trò, chức năng của văn bản.

- Sinh viên biết được tình hình soạn thảo văn bản ở các cơ quan của nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về tình hình soạn thảo văn bản ở các cơ quan của nước ta hiện nay

2.1.1. Một số ưu điểm

2.1.2. Một số tồn tại cần khắc phục

2.1.3. Nguyên nhân của các tồn tại

2.2. Vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý nhà nước

2.2.1. Văn bản QLNN đảm bảo thông tin cho hoạt động quản lý nhà nước

2.2.2. Trên bình diện quốc tế, VB giữ vai trò tiêu biểu cho sự hiện diện của chính quyền, do đó tiêu biểu cho sự hiện diện quốc gia

2.2.3. VB quản lý giữ vai trò chứng tỏ tính liên tục của quốc gia

2.2.4. VB quản lý hành chính là yếu tố hợp thức hóa hành vi của chính quyền

2.2.5. Văn bản QLNN đảm bảo thông tin cho hoạt động quản lý nhà nước

2.2.6. Văn bản là phương tiện truyền đạt các quyết định quản lý

2.2.7. Văn bản là phương tiện kiểm tra, theo dõi hoạt động của bộ máy lãnh đạo và quản lý

2.2.8. Văn bản là công cụ xây dựng hệ thống pháp luật

2.3. Chức năng của văn bản

2.3.1. Chức năng thông tin

2.3.2. Chức năng quản lý

2.3.3. Chức năng pháp lý

2.3.4. Chức năng văn hóa

2.3.5. Chức năng xã hội

2.3.6. Chức năng liên nhân (chức năng giao tiếp)

2.3.7. Chức năng sử liệu

2.3.8. Chức năng thống kê

2.4. Những khái niệm cơ bản về văn bản

2.4.1. Khái niệm về văn bản

2.4.2. Khái niệm về văn bản quản lý nhà nước

2.4.3. Khái niệm về văn bản quản lý hành chính nhà nước

2.4.4. Khái niệm về văn bản pháp luật và văn bản quản lý thông thường

Bài 2: Hệ thống văn bản QLNN

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được cách phân loại văn bản, hiệu lực của văn bản.

2. Nội dung

- 2.1. Hệ thống văn bản quản lý nhà nước
 - 2.1.1. Khái niệm về hệ thống
 - 2.1.2. Các tiêu chí phân loại văn bản
- 2.2. Phân loại văn bản
 - 2.2.1. Văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.2. Văn bản hành chính cá biệt
 - 2.2.3. Văn bản hành chính thông thường
 - 2.2.4. Văn bản chuyên môn-kỹ thuật
- 2.3. Hiệu lực của văn bản
 - 2.3.1. Hiệu lực về thời gian
 - 2.3.2. Hiệu lực về không gian và đối tượng
 - 2.3.3. Giám sát, kiểm tra văn bản
 - 2.3.4. Xử lý văn bản trái pháp luật

CHƯƠNG 2

NHỮNG YÊU CẦU CHUNG VỀ NỘI DUNG VÀ THỂ THỨC VĂN BẢN *(Thời gian: 16 giờ)*

1. Mục tiêu

Sinh viên biết được các yêu cầu chung về nội dung và thể thức của văn bản.

2. Nội dung

- 2.1 Yêu cầu chung
 - 2.1.1. Tính Đảng
 - 2.1.2. Có tính hợp pháp
 - 2.1.3. Có tính hợp lý
 - 2.1.4. Tính thực tiễn
- 2.2. Những yêu cầu về nội dung
 - 2.2.1. Tính mục đích
 - 2.2.2. Tính khoa học
 - 2.2.3. Tính đại chúng
 - 2.2.4. Tính công quyền
 - 2.2.5. Tính khả thi

2.3. Những yêu cầu về thể thức

2.3.1. Khái niệm và ý nghĩa

2.3.2. Các yếu tố thể thức văn bản

CHƯƠNG 3

VĂN PHONG VÀ NGÔN NGỮ VĂN BẢN

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm về văn phong và ngôn ngữ văn bản.

2. Nội dung

2.1. Văn phong hành chính - công vụ

2.1.1. Khái niệm về văn phong văn phong hành chính - công vụ

2.2.2. Tính phổ thông, đại chúng

2.2. Đặc điểm của văn phong hành chính-công vụ

2.2.1. Tính chính xác, rõ ràng

2.2.2. Tính phổ thông, đại chúng

2.2.3. Tính khách quan, phi cá tính

2.2.4. Tính trang trọng

2.2.5. Tính lịch sự, lễ độ

2.2.6. Tính khuôn mẫu

2.2. Ngôn ngữ văn bản

2.2.1. Sử dụng từ ngữ

2.2.2. Đoạn văn

CHƯƠNG 4

QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

(Thời gian: 5 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được những yêu cầu về việc soạn thảo văn bản.

- Trình tự xây dựng và ban hành văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về quy trình xây dựng và ban hành văn bản

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Hình thức thể chế hóa quy trình

2.2. Trình tự chung xây dựng và ban hành văn bản

2.2.1. Bước 1: Sáng kiến và soạn thảo văn bản

2.2.2. Bước 2: Lấy ý kiến tham gia xây dựng dự thảo

- 2.2.3. Bước 3: Thẩm định dự thảo
- 2.2.4. Bước 4: Xem xét, thông qua
- 2.2.5. Bước 5: Công bố
- 2.2.6. Bước 6: Gửi và lưu trữ văn bản
- 2.3. Yêu cầu về việc soạn thảo VB
 - 2.3.1. Yêu cầu về thẩm quyền
 - 2.3.2. Yêu cầu về mục đích
 - 2.3.3. Yêu cầu chính xác
 - 2.3.4. Yêu cầu trình bày rõ ràng, dễ hiểu và ngắn gọn
- 2.4. Trách nhiệm và quyền hạn của người soạn thảo VB
 - 2.4.1. Phân công trách nhiệm soạn thảo văn bản QPPL
 - 2.4.2. Phân công trách nhiệm soạn thảo văn bản hành chính

CHƯƠNG 5

SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG

(Thời gian: 23 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên biết soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường: Quyết định, công văn, thông báo, báo cáo, biên bản, tờ trình...

2. Nội dung

- 2.1. Tổng quan về văn bản hành chính cá biệt
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm
 - 2.1.3. Phân loại
- 2.2. Soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường
 - * **SOẠN THẢO QUYẾT ĐỊNH**
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Phương pháp soạn thảo
 - * **SOẠN THẢO CÔNG VĂN**
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Yêu cầu
 - 2.2.3. Phương pháp soạn thảo
 - * **SOẠN THẢO THÔNG BÁO**
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Phương pháp soạn thảo
 - * **SOẠN THẢO BÁO CÁO**

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Yêu cầu
- 2.2.3. Phương pháp soạn thảo

*** SOẠN THẢO BIÊN BẢN**

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Đặc điểm
- 2.2.3. Phương pháp soạn thảo

*** SOẠN THẢO TỜ TRÌNH**

- 2.2.1. Nội dung
- 2.2.2. Yêu cầu
- 2.2.3. Phương pháp soạn thảo

*** SOẠN THẢO MỘT SỐ LOẠI GIẤY TỜ**

- 2.2.1. Giấy giới thiệu (GT)
- 2.2.2. Giấy mời (GM)
- 2.2.3. Giấy ủy nhiệm, ủy quyền (UQ)
- 2.2.4. Giấy đi đường (ĐĐ)

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01
2. Trang thiết bị máy móc: phòng học tin học
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu học tập
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Những kiến thức cơ bản và những kỹ năng cần thiết về văn bản quản lý nhà nước : Khái quát chung về văn bản, thể thức yêu cầu, cách xây dựng, quy cách tạo lập văn bản, quản lý văn bản trong cơ quan nhà nước

- Về kỹ năng : khả năng dùng từ, tạo câu; kỹ năng xây dựng và tạo lập các văn bản hành chính thông thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng những kiến thức về văn bản để nâng cao kỹ năng tạo lập và sử dụng văn bản quản lý nhà nước – nhất là văn bản hành chính thông thường cho sinh viên ; có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản – Học viện Hành chính.

- Văn bản quản lý nhà nước những vấn đề lý luận và kỹ thuật soạn thảo của TS. Triệu Văn Cường, Nguyễn Cảnh Đương.

- Luật ban hành Văn bản QPPL của Quốc hội khóa XIII, số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định 03/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 07/2003/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2003 về việc ban hành Quy định tạm thời về viết hoa tên riêng trong sách giáo khoa.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã môn học: MH 23

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, bài tập, thảo luận: 60 giờ, kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Đây là môn học rèn luyện kỹ năng ban đầu tìm hiểu và xây dựng các bước nghiên cứu khoa học.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên nắm được các khái niệm, phương pháp nghiên cứu khoa học

- Về kỹ năng: vận dụng được các phương pháp trong quá trình nghiên cứu khoa học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: biết lựa chọn nội dung nghiên cứu và triển khai các bước nghiên cứu.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái niệm, đặc trưng và vụ của phương pháp nghiên cứu khoa học 1. Khái niệm phương pháp 2. Khái niệm khoa học 3. Nội dung của phương pháp NCKH	4	4		
2	Bài 2: Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học 1. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm 2. Phương pháp quan sát khách quan 3. Phương pháp đàm thoại 4. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi 5. Phương pháp đọc sách và tài liệu	19	8	10	1

3	Bài 3: Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học 1. Lí do chọn đề tài 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài 3. Nhiệm vụ nghiên cứu 4. Đối tượng nghiên cứu 5. Cơ sở nghiên cứu 6. Phạm vi nghiên cứu 7. Phương pháp nghiên cứu 8. Dàn ý chi tiết của công trình nghiên cứu	67	14	50	3
	Cộng	90	26	60	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái niệm, đặc trưng và vụ của phương pháp nghiên cứu khoa học (Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được khái niệm và nội dung của phương pháp nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm phương pháp

2.2. Khái niệm khoa học

2.3. Nội dung của phương pháp nghiên cứu khoa học

Bài 2: Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học (Thời gian: 19 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết áp dụng một số phương pháp trong nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung

2.1. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

2.2. Phương pháp quan sát khách quan

2.3. Phương pháp đàm thoại

2.4. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

2.5. Phương pháp đọc sách và tài liệu

Bài 3: Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học (Thời gian: 67 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên lựa chọn được đề tài nghiên cứu và tiến hành xây dựng đề cương nghiên cứu.

2. Nội dung

- 2.1. Lí do chọn đề tài
- 2.2. Mục đích nghiên cứu của đề tài
- 2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu
- 2.4. Đối tượng nghiên cứu
- 2.5. Cơ sở nghiên cứu
- 2.6. Phạm vi nghiên cứu
- 2.7. Phương pháp nghiên cứu
- 2.8. Dàn ý chi tiết của công trình nghiên cứu

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: 01
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu tham khảo
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá qua các bài kiểm tra kiến thức về các khái niệm, phương pháp nghiên cứu khoa học

- Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện công việc qua các bài tập thảo luận nhóm, các bài viết, thuyết trình của SV vận dụng được các phương pháp trong quá trình nghiên cứu khoa học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: biết lựa chọn nội dung nghiên cứu và triển khai các bước nghiên cứu.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Tài liệu tham khảo:

- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Vũ Cao Đàm, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2005

- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Trung Nguyên, Nxb Giao thông vận tải, 2008

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mã môn học: MH 24

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; thảo luận: 30 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: là môn học chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa, nắm vững tiến trình văn hóa Việt Nam và các thành tố văn hóa Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

- Nội dung kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và các khái niệm liên quan; nắm vững tiến trình văn hóa Việt Nam, các thành tố văn hóa Việt Nam.

- Về kỹ năng: Biết nhận diện, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn học giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1. Văn hóa học và văn hóa Việt Nam	5	3	2	
2	Chương 2. Văn hóa nhận thức	11	6	4	1
3	Chương 3. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân	14	6	8	
4	Chương 4. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên	15	6	8	1
5	Chương 5. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội	15	6	8	1
Cộng		60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Văn hóa và Văn hóa Việt Nam

(Thời gian: 5 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được một số vấn đề lý luận về văn hóa, tiến trình văn hóa VN.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.1.1. Văn hoá là gì?

2.1.2. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật

2.2. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa

2.2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội

2.2.2. Tính giá trị và chức năng điều chỉnh, thúc đẩy xã hội

2.2.3. Tính nhân sinh và chức năng giao tiếp

2.2.4. Tính lịch sử-truyền thống và chức năng giáo dục

2.3. Định vị văn hóa Việt Nam

2.3.1. Tổng quan về Việt Nam

2.3.2. Chủ thể và thời gian văn hoá Việt Nam

2.3.3. Không gian văn hóa Việt Nam

2.4. Tiến trình văn hóa Việt Nam

2.4.1. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử

2.4.2. Văn hóa Việt Nam thời Bắc thuộc

2.4.3. Văn hóa Việt Nam thời độc lập tự chủ

2.4.4. Văn hóa Việt Nam thời Pháp xâm lược

2.4.5. Văn hóa Việt Nam từ sau năm 1945 đến nay

Chương 2: Văn hoá nhận thức

(Thời gian: 11 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức: Quan niệm về bản chất cấu trúc và vận hành của vũ trụ; Nhận thức về con người

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về bản chất cấu trúc và vận hành của vũ trụ

2.1.1. Triết lí âm dương

2.1.2. Triết lí về cấu trúc không gian của vũ trụ

2.1.3. Triết lí về cấu trúc thời gian - lịch âm dương và hệ can chi

2.2. Nhận thức về con người

2.2.1. Nhận thức về con người tự nhiên

2.2.2. Nhận thức về con người xã hội

Chương 3: Văn hoá tổ chức đời sống tập thể

(Thời gian: 14 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được về văn hóa tổ chức đời sống tập thể: tổ chức nông thôn, tổ chức quốc gia, tổ chức đô thị.

2. Nội dung

2.1. Tổ chức nông thôn

2.1.1. Gia đình và dòng tộc

2.1.2. Làng, xã

2.1.3. Phường, hội

2.2. Tổ chức quốc gia

2.2.1. Quản lí xã hội

2.2.2. Truyền thống dân chủ

2.3. Tổ chức đô thị

2.3.1. Các đặc điểm của đô thị Việt Nam

2.3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn

Chương IV: Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân

(Thời gian: 15 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được về văn hóa tổ chức đời sống cá nhân: Văn hóa tín ngưỡng; Văn hóa phong tục; Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ; Nghệ thuật.

2. Nội dung

2.1. Văn hóa tín ngưỡng

2.1.1. Tín ngưỡng phồn thực

2.1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên

2.1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người

2.2. Văn hóa phong tục

2.2.1. Phong tục hôn nhân

2.2.2. Phong tục tang ma

2.2.3. Phong tục lễ tết, lễ hội

2.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ

2.3.1. Các đặc trưng giao tiếp của người Việt

2.3.2. Các đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ

2.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối

2.4.1. Vài nét về nghệ thuật thanh sắc Việt Nam

2.4.2. Vài nét về nghệ thuật hình khối Việt Nam

Chương V: Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên

(Thời gian: 15 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên: Ẩm thực; trang phục; cư trú và đi lại.

2. Nội dung

2.1. Ẩm thực

2.1.1. Quan niệm về ăn uống

2.2.2. Nghệ thuật ẩm thực

2.2. Trang phục

2.2.1. Quan niệm về mặc

2.2.2. Trang phục qua các thời đại

2.3. Cư trú và đi lại

2.3.1. Nhà cửa, kiến trúc

2.3.2. Giao thông

Chương VI: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

(Thời gian: 15 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về văn hóa ứng xử với môi trường xã hội: Giao lưu với Ấn độ; Phật giáo và văn hóa Việt Nam; Nho giáo và văn hóa Việt Nam; Đạo giáo và văn hóa Việt Nam; Ki tô giáo và văn hóa phương Tây ở Việt Nam

2. Nội dung

2.1. Giao lưu với Ấn độ: Văn hoá Chăm

2.1.1. Nguồn gốc văn hoá Chăm

2.1.2. Đặc điểm văn hoá Chăm

2.2. Phật giáo và văn hóa Việt Nam

2.2.1. Nguồn gốc Phật giáo

2.2.2. Nội dung cơ bản học thuyết Phật Giáo

2.2.3. Quá trình thâm nhập và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam

2.3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam

2.3.1. Sự hình thành và phát triển của Nho giáo

2.3.2. Nội dung cơ bản của Nho giáo

2.3.3. Đặc điểm Nho giáo Việt Nam

2.4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam

2.4.1. Vài nét về Đạo giáo

2.4.2. Sự thâm nhập và phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam

2.5. Kỵ giáo và văn hóa phương Tây ở Việt Nam

2.5.1. Kỵ giáo và sự thâm nhập, phát triển Kỵ giáo ở Việt Nam

2.5.2. Ảnh hưởng của văn hoá phương Tây đối với văn hoá Việt Nam

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: 01

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Nội dung kiến thức: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và các khái niệm liên quan; nắm vững tiến trình văn hóa Việt Nam, các thành tố văn hóa Việt Nam.

- Về kỹ năng: Biết nhận diện, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn học giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc.

+ Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam của tác giả Trần Ngọc Thêm*

- Giáo trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam của tác giả Trần Quốc Vượng*
- Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hoá và đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Nguyễn Khoa Điềm (Chủ biên) (2001), *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chính sách văn hóa

Mã môn học: MH 25

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về chính sách văn hóa, mô hình chính sách văn hóa của một số quốc gia trên thế giới và mô hình chính sách văn hóa của Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên có những kiến thức căn bản về chính sách văn hóa như: khái niệm, vai trò, đặc tính và cấu trúc của chính sách văn hóa, chính sách văn hóa của một số nước trên thế giới và các vấn đề cốt yếu trong chính sách văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là thời kỳ đổi mới.

- Về kỹ năng: môn học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc phân tích chính sách văn hóa và quá trình vận hành của chính sách văn hóa trong thực tiễn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn chính sách văn hóa để phân tích, đánh giá các vấn đề về văn hóa hiện nay.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về chính sách văn hóa 1. Lịch sử hình thành 2. Định nghĩa chính sách văn hóa 3. Vai trò của chính sách văn hóa 4. Đặc tính của chính sách văn hóa 5. Các loại chính sách văn hóa	18	8	9	1

2	Bài 2: Mô hình chính sách văn hóa của một số quốc gia trên thế giới 1. Phân loại mô hình chính sách văn hóa trên thế giới 2. Một số mô hình chính sách văn hóa trên thế giới	18	8	9	1
3	Bài 3: Chính sách văn hóa ở Việt Nam 1. Chính sách văn hóa Việt Nam thời phong kiến tự chủ 2. Chính sách văn hóa thời kỳ 1858 - 1945 3. Chính sách văn hóa thời kỳ 1945 - 1985 4. Chính sách văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến nay)	24	11	12	1
Cộng		60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan về chính sách văn hóa

(Thời gian: 18 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được một số vấn đề tổng quan về chính sách văn hóa: lịch sử hình thành, định nghĩa, vai trò, đặc tính và các loại chính sách văn hóa.

2. Nội dung

2.1. Lịch sử hình thành

2.1.1. Quá trình hình thành chính sách văn hóa qua các thời kỳ

2.1.2. Quá trình hình thành chính sách văn hóa thời kỳ hiện đại

2.1.3. Quá trình hoàn thiện chính sách văn hóa ở các nước châu Âu

2.2. Định nghĩa chính sách văn hóa

2.3. Vai trò của chính sách văn hóa

2.4. Đặc tính của chính sách văn hóa

2.5. Các loại chính sách văn hóa

Bài 2: Mô hình chính sách văn hóa của một số quốc gia trên thế giới

(Thời gian: 18 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được khái niệm mô hình chính sách văn hóa, cơ sở hình thành chính sách văn hóa và phân loại được các mô hình chính sách văn hóa trên thế giới.

2. Nội dung

2.1. Phân loại mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

2.1.1. Khái niệm mô hình chính sách văn hóa

2.1.2. Cơ sở hình thành mô hình chính sách văn hóa

2.1.3. Tiêu chí phân loại mô hình chính sách văn hóa

2.1.4. Một số cách phân loại mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

2.2. Một số mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

2.2.1. Mô hình "Người tạo điều kiện"

2.2.2. Mô hình "Nhà bảo trợ"

2.2.3. Mô hình "Kiến trúc sư"

2.2.4. Mô hình "Kỹ sư"

2.2.5. Mô hình chính sách văn hóa Trung Quốc

2.2.6. Mô hình chính sách văn hóa Hàn Quốc

Bài 3: Chính sách văn hóa ở Việt Nam

(Thời gian: 24 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được sự phát triển của các chính sách văn hóa ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, chính sách văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới.

2. Nội dung

2.1. Chính sách văn hóa Việt Nam thời phong kiến tự chủ

2.1.1. Chính sách văn hóa Việt Nam qua các bộ luật chủ yếu và các văn bản luật pháp khác của nhà nước phong kiến Việt Nam

2.1.2. Chính sách văn hóa qua thể chế tục lệ

2.2. Chính sách văn hóa thời kỳ 1858 – 1945

2.2.1. Bối cảnh

2.2.2. Chính sách văn hóa của thực dân Pháp ở Việt Nam

2.2.3. Đề cương văn hóa năm 1943

2.3. Chính sách văn hóa thời kỳ 1945 – 1985

2.3.1. Thời kỳ 1945 đến 1954

2.3.2. Thời kỳ 1954 đến 1975

2.3.3. Thời kỳ 1975 đến 1985

2.4. Chính sách văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến nay)

2.4.1. Bối cảnh Việt Nam thời kỳ đổi mới

2.4.2. Cơ sở chính sách văn hóa thời kỳ đổi mới

2.4.3. Chính sách văn hóa trong một số lĩnh vực cụ thể

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: 01
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá về những kiến thức cơ bản vai trò, đặc tính và cấu trúc của chính sách văn hóa. Mô hình chính sách văn hóa một số nước trên thế giới, mô hình chính sách văn hóa Việt Nam

- Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện công việc qua các bài kiểm tra kết thúc môn học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học, thái độ học tập, tinh thần trách, tham gia đủ số tiết học.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Bùi Xuân Đính (2005), *Nhà nước và pháp luật thời phong kiến Việt nam, những suy ngẫm*, Nxb Tư pháp.

- Giáo trình *Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng cộng sản Việt Nam*. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2002).

- TS. Lê Thị Hiền, Th.S. Phạm Bích Huyền, PGS.TS. Lương Hồng Quang, Th.S. Nguyễn Lâm Tuấn Anh (2012), *Giáo trình chính sách văn hóa*, ĐH VHHN.

- Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hoá và đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Nguyễn Khoa Điềm (Chủ biên) (2001), *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Văn hoá và phát triển (2004), *Văn hoá và phát triển ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Văn hóa các dân tộc Việt Nam

Mã số môn học: MH 26

Thời gian môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thảo luận, bài tập, thực hành: 30 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Môn học môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm khái quát và phân loại văn hóa tộc người, lịch sử hình thành tộc người ở Việt Nam, phân bố dân cư các tộc người ở Việt Nam, đặc điểm kinh tế - xã hội. Đặc trưng văn hóa của từng vùng miền và những vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Môn học này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cộng đồng các tộc người ở Việt Nam, qua đó giúp cho người học hiểu được tính thống nhất và đa dạng của văn hoá dân tộc Việt Nam.

- Về kỹ năng: Môn học này cho người học cần nắm được đặc trưng văn hoá của các tộc người thông qua trang phục, kiến trúc nhà ở,...Đồng thời phải biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sau khi học xong môn học này, người học hiểu được các nét văn hóa của dân tộc Việt Nam, thêm yêu quê hương con người Việt Nam

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Stt	Tên chương mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, Bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát chung 1. Khái niệm và phân loại văn hoá tộc người. 2. Lịch sử hình thành các tộc người ở Việt Nam. 3. Phân bố dân cư các tộc người ở Việt Nam. 4. Đặc điểm kinh tế, xã hội các tộc người Việt Nam.	5	3	2	

2	Bài 2: Đặc trưng văn hóa vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ 1. Khái quát chung về vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ. 2. Đặc trưng văn hoá vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ	6	3	3	
3	BÀI 3: Đặc trưng văn hóa vùng Việt Bắc 1. Khái quát chung về vùng Việt Bắc. 2. Đặc trưng văn hoá tộc	7	3	3	1
4	Bài 4: Đặc trưng văn hóa vùng Đồng bằng Bắc Bộ 1. Khái quát vùng đồng bằng Bắc Bộ 2. Đặc trưng văn hoá:	7	3	4	
5	Bài 5 Đặc trưng văn hóa vùng Bắc Trung Bộ 1. Khái quát vùng Bắc Trung Bộ. 2. Đặc trưng văn hoá:	8	3	4	1
6	Bài 6: Vùng văn hóa Duyên Hải và Nam Trung Bộ 1. Khái quát vùng duyên hải và Nam Trung Bộ. 2. Đặc trưng văn hoá vùng Duyên Hải và Nam Trung Bộ	6	3	3	
7	Bài 7: Vùng văn hóa Tây Nguyên 1. Khái quát chung về vùng văn hoá Tây Nguyên 2. Đặc trưng văn hoá: 3. Đặc trưng văn hoá của một số tộc người:	8	3	4	1
8	Bài 8: Vùng văn hóa Nam Bộ 1. Khái quát chung về vùng văn hoá Nam Bộ. 2. Đặc trưng văn hoá: 3. Đặc trưng văn hoá tộc người Khme:	6	3	3	

9	Bài 9: Vấn đề bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa tộc người và mối quan hệ giữa văn hóa tộc người với hoạt động du lịch 1. Vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá tộc người. 2. Văn hoá tộc người và hoạt động du lịch.	7	3	4	
	Cộng	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái quát chung

(Thời gian: 5 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm được khái niệm, ý nghĩa, về văn hóa tộc người, các thành tố của văn hóa tộc người. Nắm được lịch sử hình thành, đặc điểm kinh tế - xã hội của tộc người ở Việt Nam.

2. Nội dung

1. Khái niệm và phân loại văn hoá tộc người.
 - 1.1. Khái niệm Văn hoá tộc người.
 - 1.2. Các thành tố của văn hoá tộc người.
 - 1.3. Phân loại và ý nghĩa của việc phân loại văn hoá tộc người.
2. Lịch sử hình thành các tộc người ở Việt Nam.
 - 2.1. Bảng danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam.
3. Phân bố dân cư các tộc người ở Việt Nam.
 - 3.1. Các tộc người ở Việt Nam cư trú xen kẽ nhau, phân tán trên nhiều vùng lãnh thổ, hình thành các vùng tộc người.
 - 3.2. Các tộc người ở Việt Nam có sự chênh lệch lớn về số lượng dân cư.
 - 3.3. Các tộc người thiểu số sống tại những địa bàn có tầm quan trọng chiến lược về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái.
4. Đặc điểm kinh tế - xã hội các tộc người Việt Nam.

Bài 2: Đặc trưng văn hóa vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được những đặc trưng văn hóa của tộc người vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ qua trang phục, ẩm thực, văn hóa phi vật thể...

2. Nội dung

1. Khái quát chung về vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ.

2. Đặc trưng văn hoá vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ

2.1. Tiểu vùng Thái Tây Bắc: Sơn La, Lai Châu, Điện Biên.

2.2. Tiểu vùng Mường(phần lớn tỉnh Hoà Bình, huyện Thanh Sơn, Yên Lập tỉnh Phú Thọ).

2.3. Tiểu vùng của các tộc người Hmông- Dao

Bài 3: Đặc trưng văn hóa vùng Việt Bắc

(Thời gian: 7 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được lịch sử hình thành, đặc trưng văn hóa của tộc người vùng Việt Bắc.

2. Nội dung

1. Khái quát chung về vùng Việt Bắc.

2. Đặc trưng văn hoá tộc người Tày, Nùng:

2.1. Lịch sử hình thành:

2.2. Đặc trưng văn hoá:

Bài 4: Đặc trưng văn hóa vùng đồng bằng Bắc Bộ

(Thời gian: 7 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về vùng đồng bằng bắc bộ, hiểu được những đặc trưng văn hóa của vùng này

2. Nội dung

1. Khái quát vùng đồng bằng Bắc Bộ

2. Đặc trưng văn hoá:

2.1. Văn hoá vật thể

2.2. Văn hoá phi vật thể

Bài 5: Đặc trưng văn hóa vùng Bắc Trung Bộ

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được khái quát vùng Bắc trung Bộ, nắm được đặc trưng văn hóa tiểu vùng Thanh – Nghệ - Tĩnh và tiểu vùng Bình – Trị - Thiên.

2. Nội dung

1. Khái quát vùng Bắc Trung Bộ.

2. Đặc trưng văn hoá:

2.1. Tiểu vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh.

2.2. Tiểu vùng Bình – Trị – Thiên.

Bài 6: Vùng văn hóa Duyên Hải và Nam Trung Bộ

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được khái quát vùng Duyên Hải và Nam Trung Bộ, đặc trưng văn hóa tiểu vùng xứ Quảng, tiểu vùng Phú Yên – Khánh Hòa – Ninh Thuận – Bình Thuận. Đặc trưng văn hóa dân tộc Chăm.

2. Nội dung

1. Khái quát vùng duyên hải và Nam Trung Bộ.

2. Đặc trưng văn hoá:

2.1. Tiểu vùng xứ Quảng(Quảng Nam, Quảng Ngãi, và Bình Định) trong lưu vực sông Thu Bồn và Trà Khúc.

2.2. Tiểu vùng Phú Yên – Khánh Hoà - Ninh Thuận – Bình Thuận.

2.3. Đặc trưng văn hoá dân tộc Chăm.

Bài 7: Vùng văn hóa Tây Nguyên

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được khái quát chung về vùng văn hóa Tây Nguyên, đặc trưng văn hóa vùng Tây Nguyên và đặc trưng văn hóa của một số tộc người Bana; Ê đê; Gia rai.

2. Nội dung

1. Khái quát chung về vùng văn hoá Tây Nguyên

2. Đặc trưng văn hoá:

3. Đặc trưng văn hoá của một số tộc người:

3.1. Người Bana:

3.2. Dân tộc Êđê:

3.3. Dân tộc Gia rai:

Bài 8: Văn hóa vùng Nam Bộ

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được khái quát chung về vùng văn hóa Nam Bộ, đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ, đặc trưng văn hóa tộc người Khơ me.

2. Nội dung

1. Khái quát chung về vùng văn hóa Nam Bộ.

2. Đặc trưng văn hoá:
3. Đặc trưng văn hoá tộc người Khome:

**Bài 9: Vấn đề bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa tộc người
và mối quan hệ giữa văn hóa tộc người với hoạt động du lịch
(Thời gian: 7 giờ)**

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được bản chất vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc của tộc người, văn hóa tộc người qua đó phát huy các hoạt động du lịch và phát triển du lịch.

2. Nội dung

1. Vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá tộc người.
2. Văn hoá tộc người và hoạt động du lịch.
 - 2.1. Mở đầu.
 - 2.2. Văn hoá tộc người với phát triển du lịch.
 - 2.3. Vai trò của dân tộc học với khách du lịch:

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sách giáo trình và tài liệu tham khảo

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá về những kiến thức cơ bản về cộng đồng các tộc người ở Việt Nam, các đặc trưng văn hóa của tộc người ở Việt Nam.

- Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện công việc qua các bài tiểu luận, các bài kiểm tra kết thúc môn học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học, thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm và tự học hỏi.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến, đi Bảo tàng dân tộc học học thực tế

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Ngô Đức Thịnh, *Văn hoá, văn hoá tộc người và văn hoá Việt Nam*, NXB KHXH, H. 2006.

- Ngô Đức Thịnh(Cb), *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá Việt Nam*, NXB KHXH, H.1993.

- Viện dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, NXB KHXH, H.1984.

- *Các dân tộc người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, NXB KHXH, H.1974.

- Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB GD, H. 1998.

- Trần Quốc Vượng (cb), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB GD, H. 2000.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Quản lý nhà nước về văn hoá

Mã môn học: MH 27

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thảo luận, bài tập: 30 giờ, kiểm tra 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực văn hoá hiện nay.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về như: Những quan điểm chỉ đạo của Nhà nước về văn hoá, hình thức, nội dung, phương pháp quản lý,.. Phương hướng và giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hóa.

- Về Kỹ năng: Sinh viên không những phải nắm vững những kiến thức về lý thuyết mà nội dung học phần quy định mà còn phải biết rút ra những bài học cơ bản cho bản thân sau này khi làm công tác quản lý tại một đơn vị hoặc một tổ chức văn hoá nào đó. Mặt khác trên cơ sở hiểu biết về khoa học quản lý văn hoá, quản lý nhà nước về văn hoá giúp sinh viên khi ra trường có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách của một cán bộ làm công tác văn hoá; một nhà quản lý văn hoá.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học chủ động sáng tạo trong thực hành nghề nghiệp trên cơ sở vận dụng các kỹ năng đã học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số khái niệm cơ bản	4	4		
2	Bài 2: Những nguyên tắc quản lý nhà nước về văn hóa	4	4		
3	Bài 3: Nội dung quản lý nhà nước về văn hóa	17	6	10	1
4	Bài 4: Phương pháp quản lý nhà nước về văn hóa	15	4	10	1
5	Bài 5: Thực trạng quản lý nhà nước về văn hóa ở Việt nam từ năm 1986 đến nay	7	5	2	

6	Bài 6: phương hướng và giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hóa	13	4	8	1
		60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1 **Một số khái niệm cơ bản** *(Thời gian: 4 giờ)*

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm được đặc điểm của quản lý nhà nước về văn hóa cùng những khái niệm cơ bản: khái niệm quản lý, quản lý nhà nước, văn hóa, quản lý nhà nước về văn hóa.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm quản lý, quản lý nhà nước
- 2.2. Khái niệm quản lý nhà nước về văn hóa
- 2.3. Đặc điểm của quản lý nhà nước về văn hóa

Bài 2 **Những nguyên tắc của quản lý nhà nước về văn hóa** *(Thời gian: 4 giờ)*

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm được 06 nguyên tắc cơ bản của quản lý nhà nước về văn hóa: Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; Nguyên tắc tập trung dân chủ; Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo địa phương và vùng lãnh thổ; Nguyên tắc phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước về văn hoá và chức năng quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực văn hoá; Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa; Nguyên tắc công khai.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.
- 2.2. Nguyên tắc tập trung dân chủ.
- 2.3. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo địa phương và vùng lãnh thổ
- 2.4. Nguyên tắc phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước về văn hoá và chức năng quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực văn hoá
- 2.5. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 2.6. Nguyên tắc công khai

Bài 3

Nội dung quản lý nhà nước về văn hóa

(Thời gian: 17 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được nội dung quản của quản lý nhà nước về văn hóa bao gồm: Lập kế hoạch xây dựng và phát triển văn hoá; Xây dựng thể chế, chính sách văn hoá; Hướng dẫn việc triển khai kế hoạch và các hoạt động văn hoá, tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động văn hoá; Xây dựng và sử dụng nguồn lực, kinh phí cho các hoạt động văn hoá; Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về văn hoá.

2. Nội dung

- 2.1. Lập kế hoạch xây dựng và phát triển văn hoá
- 2.2. Xây dựng thể chế, chính sách văn hoá
- 2.3. Hướng dẫn việc triển khai kế hoạch và các hoạt động văn hoá, tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động văn hoá
- 2.4. Xây dựng và sử dụng nguồn lực, kinh phí cho các hoạt động văn hoá
- 2.5. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về văn hoá

Bài 4: Phương pháp quản lý nhà nước về văn hóa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

Sinh viên vận dụng các phương pháp quản lý nhà nước về văn hóa trong thực tiễn như: Phương pháp kinh tế, phương pháp giáo dục, phương pháp hành chính.

2. Nội dung

- 2.1. Phương pháp hành chính
- 2.2. Phương pháp kinh tế
- 2.3. Phương pháp giáo dục
- 2.4. Vận dụng phương pháp quản lý văn hóa của Nhà nước trong thực tiễn:

Bài 5: Thực trạng quản lý nhà nước về văn hóa

ở Việt nam từ năm 1986 đến nay

(Thời gian: 7 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm được quan điểm của Đảng và chủ trương của Nhà nước về đổi mới quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa; Thành tựu và hạn chế cùng những bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa từ năm 1986 đến nay.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của Đảng và chủ trương của Nhà nước về đổi mới quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa từ năm 1986 đến nay.

2.2. Thành tựu và hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa trong thời kỳ đổi mới (1986 đến nay)

2.3. Những bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa trong những năm đổi mới

**Bài 6: Phương hướng
và giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hóa
(Thời gian: 13 giờ)**

1. Mục tiêu

Sinh viên biết được những tác động đến công tác quản lý nhà nước về văn hóa ở nước ta hiện nay; Một số vấn đề quản lý nhà nước về văn hóa trong thời kỳ đổi mới; Phương hướng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hóa.

2. Nội dung

2.1. Những tác động đến công tác quản lý nhà nước về văn hóa ở nước ta hiện nay.

2.2. Một số vấn đề quản lý nhà nước về văn hóa trong thời kỳ đổi mới

2.3. Phương hướng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hóa

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

2. Học liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá qua các bài kiểm tra kiến thức về: Điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, mỹ thuật triển lãm, xuất bản, báo chí, quảng cáo, di sản văn hóa, quyền tác giả, quyền của người biểu diễn, tổ chức ghi âm ghi hình, tổ chức phát sóng; hoạt động thanh tra chuyên ngành văn hóa; Mục tiêu, phương hướng,

- Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện công việc qua các bài tập thảo luận, cụ thể như:

+ Đề xuất các giải pháp đổi mới quản lý nhà nước về văn hóa ở nước ta.

+ Lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành văn hóa

+ Xử lý linh hoạt được các tình huống trong hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định. Biết vận dụng những kiến thức cơ bản vào trong bài tập.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý Văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến.

3. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Duy Bắc (2001), *Về lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật trong công cuộc đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia.

2. Trần Văn Bính (chủ biên) (1997), *Văn hóa xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị Quốc gia.

3. Hoàng Sơn Cường (1998), *Lược sử Quản lý văn hoá ở VN*, Nxb VHNT

4. Trần Thị Diên (2013), *Quản lý nhà nước về văn hóa*, (Tập bài giảng), Đại học Văn hóa Hà Nội.

5. Đảng cộng sản Việt Nam (1998), Nghị quyết 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, Nxb Chính trị Quốc gia.

6. Vũ Phương Hậu (2008), *Quản lý nhà nước về văn hóa - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, (Đề tài khoa học cấp Học viện), Học Viện Chính trị Quốc gia HCM.

7. Nguyễn Văn Hy (1998), *Quản lý hoạt động văn hoá*, Nxb VHNT.

8. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 3*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.431.

9. *Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa – xã hội cấp xã, phường, thị trấn* (2008), trường Bồi dưỡng cán bộ quản lý, văn hóa, thể thao và du lịch.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Quan hệ công chúng

Mã môn học: MH 28

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; Thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về quan hệ công chúng, tổ chức sự kiện và các loại hình sự kiện.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên có những kiến thức căn bản về quan hệ công chúng, hoạch định chiến lược PR (Public Relations), vai trò và nguyên tắc tổ chức sự kiện.

- Về kỹ năng: Giúp người học hiểu, nắm vững những kiến thức cơ bản một cách hệ thống.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn quan hệ công chúng trong thực tế.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Những hiểu biết căn bản về quan hệ công chúng 1. Sự ra đời và phát triển của quan hệ công chúng 2. Nội dung và vai trò của PR 3. PR và Marketing 4. Đạo đức nghề nghiệp PR	5	2	3	
2	Bài 2: Hoạch định chiến lược PR của tổ chức 1. Vai trò của hoạch định chiến lược PR 2. Nội dung và quy trình hoạch định chiến lược PR	6	2	4	
3	Bài 3: Quan hệ PR nội bộ 1. PR nội bộ là gì? 2. Vai trò của PR nội bộ 3. Các kỹ thuật chủ yếu của hoạt động PR nội bộ	6	2	4	

4	Bài 4: Quan hệ báo chí 1. Tổng quan về báo chí 2. Báo chí với quan hệ công chúng 3. Xây dựng kế hoạch quan hệ báo chí 4. Các kỹ thuật chủ yếu để xây dựng quan hệ công chúng	10	3	6	1
5	Bài 5: Tổ chức sự kiện 1. Vai trò và nguyên tắc tổ chức sự kiện 2. Hoạch định kế hoạch tổ chức sự kiện 3. Các loại hình sự kiện cơ bản	9	2	7	
6	Bài 6: Quan hệ công chúng 1. Cộng đồng và vai trò của quan hệ cộng đồng 2. Các hoạt động PR cộng đồng chủ yếu	9	2	6	1
	Cộng	45	13	30	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Những hiểu biết căn bản về quan hệ công chúng (Thời gian: 5 giờ)

1. Mục tiêu

- Giúp cho sinh viên biết được sự ra đời và phát triển của quan hệ công chúng, các định nghĩa về quan hệ công chúng, vai trò của quan hệ công chúng.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và phát triển của quan hệ công chúng

2.1.1. Lịch sử ra đời

2.1.2. Các định nghĩa về quan hệ công chúng (PR)

2.2. Nội dung và vai trò của PR

2.2.1. Nội dung của hoạt động PR

2.2.2. Vai trò của quan hệ công chúng

2.3. PR và Marketing

2.3.1. Vai trò của PR trong hoạt động Marketing

2.3.2. Phân biệt PR và quảng cáo

2.4. Đạo đức nghề nghiệp PR

Bài 2: Hoạch định chiến lược PR của tổ chức (Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được vai trò của hoạch định chiến lược PR; nội dung, tổng quát về quy trình hoạch định chiến lược PR, các bước của quy trình chiến lược PR.

2. Nội dung

- 2.1. Vai trò của hoạch định chiến lược PR
- 2.2. Nội dung và quy trình hoạch định chiến lược PR
 - 2.2.1. Tổng quát về quy trình hoạch định chiến lược PR
 - 2.2.2. Các bước của quá trình hoạch định chiến lược PR

Bài 3: PR nội bộ

(Thời gian: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên phân biệt được PR nội bộ, vai trò của PR nội bộ, các kỹ thuật chủ yếu của hoạt động PR nội bộ.

2. Nội dung

- 2.1. PR nội bộ là gì?
- 2.2. Vai trò của PR nội bộ
- 2.3. Các kỹ thuật chủ yếu của hoạt động PR nội bộ
 - 2.3.1. Truyền thông nội bộ
 - 2.3.2. Xây dựng nền nếp văn hóa giao tiếp nội bộ

Bài 4: Quan hệ báo chí

(Thời gian: 10 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được khái niệm, vai trò, nguyên tắc hoạt động của báo chí đối với quan hệ công chúng; các bước xây dựng kế hoạch quan hệ báo chí.

2. Nội dung

- 2.1. Tổng quan về báo chí
 - 2.1.1. Khái niệm và vai trò báo chí
 - 2.1.2. Nguyên tắc hoạt động của báo chí
 - 2.1.3. Báo chí cách mạng Việt Nam
- 2.2. Báo chí với quan hệ công chúng
 - 2.2.1. Báo chí với chức năng truyền thông đại chúng
 - 2.2.2. Báo chí với dư luận xã hội
 - 2.2.3. Báo chí với tư cách của người đưa tin khách quan, công tâm
- 2.3. Xây dựng kế hoạch quan hệ báo chí
 - 2.3.1. Xác định mục tiêu và nhóm công chúng mục tiêu
 - 2.3.2. Xác định thông điệp
 - 2.3.3. Xác định ngân sách
- 2.4. Các kỹ thuật chủ yếu để xây dựng quan hệ công chúng

2.4.1. Kỹ năng thuyết trình

2.4.2. Kỹ năng viết bài

Bài 5: Tổ chức sự kiện

(Thời gian: 9 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được vai trò, nguyên tắc tổ chức sự kiện; hoạch định kế hoạch tổ chức sự kiện; Các loại hình sự kiện cơ bản.

2. Nội dung

2.1. Vai trò và nguyên tắc tổ chức sự kiện

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Vai trò của tổ chức sự kiện

2.1.3. Nguyên tắc cơ bản trong tổ chức sự kiện

2.2. Hoạch định kế hoạch tổ chức sự kiện

2.2.1. Xây dựng kế hoạch nhân sự cho sự kiện

2.2.2. Xây dựng kế hoạch tài chính cho sự kiện

2.2.3. Triển khai các bước trong tổ chức sự kiện

2.3. Các loại hình sự kiện cơ bản

2.3.1. Giới thiệu sản phẩm mới

2.3.2. Tổ chức ngày nghỉ, ngày lễ

2.3.3. Kỷ niệm ngày thành lập

2.3.4. Tổ chức hội thảo, hội nghị

Bài 6: Quan hệ cộng đồng

(Thời gian: 9 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được vai trò của cộng đồng trong quan hệ công chúng; các hoạt động PR cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Cộng đồng và vai trò của quan hệ cộng đồng

2.2. Các hoạt động PR cộng đồng chủ yếu

2.2.1. Quan hệ khách hàng

2.2.2. Quan hệ với giới công quyền

2.2.3. Quan hệ với các tổ chức hoạt động xã hội và cộng đồng dân cư

2.2.4. Các hoạt động quan hệ cộng đồng khác

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: 01

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá những kiến thức khái niệm, vai trò, nguyên tắc của quan hệ công chúng, tổ chức sự kiện, quan hệ cộng đồng.

- Kỹ năng: Đánh giá thực hiện qua các bài tiểu luận, các bài kiểm tra kết thúc môn học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, cầu tiến, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Anne Gregory, *Sáng tạo chiến dịch PR*, NXB trẻ, 2012.

- Trần Ngọc Nam - Trần Huy Khang, *Marketing Du lịch*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 2001

- "*Câu chuyện PR*" - công thức bí mật cho thành công trong giao tiếp, Tuyết Mai dịch (truy cập theo <http://www.bwportal.com.vn>, ngày 10 tháng 8 năm 2007

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tổ chức sự kiện

Mã môn học: MH 29

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 26 giờ; Thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về sự kiện văn hóa, quy trình biên kịch của cuộc trình diễn sân khấu hóa.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức sự kiện văn hoá; Dàn dựng một sự kiện văn hoá.

- Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng tổ chức một sự kiện văn hóa

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức đã học để áp dụng trong thực tiễn công việc sau khi ra trường.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Những vấn đề chung về quản lý sự kiện văn hóa 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Cấu trúc, đặc trưng, tính chất, chức năng của cuộc trình diễn sân khấu hoá sự kiện văn hoá	24	8	15	1
2	Bài 2: Biên kịch sân khấu hóa một cuộc trình diễn sự kiện văn hóa 2.1. Bản chất kịch bản cuộc trình diễn sân khấu hoá 2.2. Quy trình biên kịch một cuộc trình diễn sân khấu hóa 2.3. Thao tác viết kịch bản cuộc trình diễn sân khấu hóa	32	9	22	1

3	Bài 3: Dàn dựng một cuộc trình diễn sân khấu hóa sự kiện văn hóa 3.1. Hoàn thiện kịch bản phân cảnh 3.2. Tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch 3.3. Dàn dựng từng bước cuộc trình diễn 3.4. Duyệt, trình diễn và đánh giá chương trình	34	9	23	2
	Cộng	90	26	60	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1

Những vấn đề chung về quản lý sự kiện văn hóa

(Thời gian: 24 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản và quan niệm về sự kiện văn hóa về quản lý sự kiện văn hóa, chức năng của cuộc trình diễn sân khấu hóa sự kiện văn hóa về quản lý sự kiện văn hóa.

2. Nội dung

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Quan niệm sự kiện văn hoá

2.1.2. Quan niệm về quản lý sự kiện văn hoá

2.2. Cấu trúc, đặc trưng, tính chất, chức năng của cuộc trình diễn sân khấu hoá sự kiện văn hoá

2.2.1. Các yếu tố cơ bản cấu thành cuộc trình diễn sân khấu hoá sự kiện văn hoá

2.2.2. Đặc trưng, tính chất cuộc trình diễn sân khấu hoá

2.2.3. Chức năng của cuộc trình diễn sân khấu hoá sự kiện văn hóa

Bài 2

Biên kịch sân khấu hóa một cuộc trình diễn sự kiện văn hóa

(Thời gian: 32 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được bản chất kịch bản cuộc trình diễn sân khấu hóa; quy trình biên kịch một cuộc trình diễn. Thao tác viết kịch bản cuộc trình diễn sân khấu hóa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất kịch bản cuộc trình diễn sân khấu hoá

- 2.1.1. Khái niệm nghệ thuật biên kịch sân khấu hoá
- 2.1.2. Bản chất, đặc điểm kịch bản sân khấu hóa
- 2.2. Quy trình biên kịch một cuộc trình diễn sân khấu hóa
 - 2.2.1. Hình thành ý đồ
 - 2.2.2. Hình thành nội dung cuộc trình diễn
- 2.3. Thao tác viết kịch bản cuộc trình diễn sân khấu hóa
 - 2.3.1. Viết đề cương kịch bản
 - 2.3.2. Viết kịch bản văn học
 - 2.3.3. Viết kịch bản phân cảnh

Bài 3

Dàn dựng một cuộc trình diễn sân khấu hóa sự kiện văn hóa (Thời gian: 34 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên biết được các bước dàn dựng một cuộc trình diễn dân khấu hóa sự kiện văn hóa. Hoàn thiện chương trình cuộc trình diễn sân khấu hóa.

2. Nội dung

- 2.1. Hoàn thiện kịch bản phân cảnh
 - 2.1.1. Nghiên cứu kịch bản
 - 2.1.2. Đề án đạo diễn phân cảnh
 - 2.1.3. Kết cấu kịch bản phân cảnh cuộc trình diễn
 - 2.1.4. Phương pháp mở, kết và tạo nên cao trào
 - 2.1.5. Thiết kế sân khấu, trang phục
- 2.2. Tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch
 - 2.2.1. Tổ chức điều hành
 - 2.2.2. Tổ chức nhóm đạo diễn
- 2.3. Dàn dựng từng bước cuộc trình diễn
 - 2.3.1. Tập từng tiết mục đơn lẻ
 - 2.3.2. Hướng dẫn luyện tập
 - 2.3.3. Tập bộ phận
 - 2.3.4. Tập tổng thể
 - 2.3.5. Hoàn thiện chương trình cuộc trình diễn
 - 2.3.6. Rèn luyện kỹ thuật
- 2.4. Duyệt, trình diễn và đánh giá chương trình
 - 2.4.1. Duyệt chương trình cuộc trình diễn
 - 2.4.2. Trình diễn chính thức

2.4.3. Đánh giá chương trình cuộc trình diễn

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: 01
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu tham khảo

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá những kiến thức cơ bản về khả năng dàn dựng sự kiện văn hóa sân khấu hóa.

- Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện công việc qua các bài kiểm tra kết thúc môn học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học, thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá bằng điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- *Marketing Văn hóa Nghệ thuật*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

- *Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Trường Đại học văn hóa Hà Nội, NXB Quốc gia Hà nội, 2009.

- *Quản lý lễ hội và sự kiện*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, NXB Quốc gia Hà Nội, 2010.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Quản lý di sản văn hóa

Mã môn học: MH 30

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thảo luận; Thực tế: 30 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Sinh viên cần nắm vững những kiến thức cơ bản hệ thống di sản văn hóa. Có quan điểm đúng đắn trong công tác quản lý văn hóa, quản lý di sản văn hóa, hiểu sâu hơn giá trị của hệ thống di sản văn hóa trong nền văn hóa dân tộc.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Nắm vững hệ thống văn bản pháp lý của nhà nước về di sản văn hóa và công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Về kỹ năng: Kỹ năng xác định nhận dạng, đánh giá, giá trị của hệ thống di sản văn hóa, Những nguyên tắc, qui trình và phương pháp trong công tác bảo tồn, tôn tạo, phục hồi di sản văn hóa; Kỹ năng trong quản lý phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm sau khi ra trường.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên chương bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
Chương 1. Di sản văn hóa nhìn từ góc độ chung					
1	Bài 1: Những vấn đề chung về di sản văn hóa	8	4	4	
2	Bài 2. Vai trò, chức năng của di sản văn hóa	12	5	6	1
3	Bài 3. Phân loại di sản văn hóa	12	6	6	
Chương 2: Vấn đề về quản lý di sản văn hóa					
4	Bài 4. Nguyên tắc và nội dung quản lý di sản văn hóa	13	6	6	1
5	Bài 5. Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch	15	6	8	1
	Cộng:	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Di sản văn hóa nhìn từ góc độ chung

1. Mục tiêu

Giúp sinh viên có hệ thống kiến thức, phương pháp và các kỹ năng cũng như có thái độ ứng xử đúng đắn khoa học về hệ thống di sản văn hóa. Biết cách sử dụng kiến thức đã học, hỗ trợ cho công tác bảo tồn khai thác phát huy giá trị di sản văn hóa trong công tác quản lý văn hóa, quản lý di sản văn hóa và hiểu sâu hơn giá trị của hệ thống di sản văn hóa trong nền văn hóa dân tộc.

2. Nội dung

Bài 1. Những vấn đề chung về di sản văn hóa

(Thời gian: 8 giờ)

2.1. Khái niệm về di sản văn hóa

2.2. Đặc trưng của di sản văn hóa

Bài 2. Vai trò, chức năng của di sản văn hóa

(Thời gian: 12 giờ)

2.1. Vai trò của di sản văn hóa

2.2. Chức năng của di sản văn hóa

Bài 3. Phân loại di sản văn hóa

(Thời gian: 12 giờ)

2.1. Các cơ sở khoa học trong phân loại các loại hình di sản văn hóa

2.2. Phân loại theo loại hình

2.3. Phân loại theo xếp hạng

2.4. Phân loại của UNESCO

Chương 2: Vấn đề về quản lý di sản văn hóa

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên thấy được: Quản lý di sản văn hóa là quá trình theo dõi, định hướng và điều tiết quá trình tồn tại và phát triển của các di sản văn hóa trên một địa bàn cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy tốt nhất giá trị của chúng. Di sản văn hóa còn góp phần tích cực cho hoạt động du lịch khai thác phát triển thành sản phẩm du lịch độc đáo hấp dẫn du khách và tạo nên sắc thái du lịch của mỗi quốc gia.

2. Nội dung

Bài 4. Nguyên tắc và nội dung quản lý di sản văn hóa

(Thời gian: 13 giờ)

2.1. Những vấn đề chung

- 2.2. Nguyên tắc của quản lý di sản văn hóa
- 2.3. Nội dung cơ bản của công tác quản lý di sản văn hóa

Bài 5. Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch

(Thời gian: 15 giờ)

- 2.1. Những vấn đề chung về du lịch
- 2.2. Mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch
- 2.3. Tác động tương hỗ giữa hoạt động du lịch và hệ thống di sản văn hóa
- 2.4. Quy trình tổ chức và quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Phòng tập thể
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu
3. Giáo trình, tài liệu:
 - Giáo trình Quản lý Di sản văn hóa với phát triển du lịch, Lê Hồng Lý (chủ biên) - Dương Văn Sáu – Đặng Hoài Thu, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2010.
 - Bảo tồn di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh, Nguyễn Đăng Duy - Trịnh Minh Đức., Nxb VH TT, Hà nội
 - Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, Phan Thu Hương - Trịnh Minh Đức
 - Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, Dương Văn Sáu.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
 - Kiến thức: Nắm được các khái niệm, đặc trưng, vai trò, chức năng, nguyên tắc và nội dung của công tác quản lý di sản văn hóa, mối quan hệ giữa quản lý văn hóa và phát triển du lịch.
 - Kỹ năng: Với những kiến thức cơ bản được trang bị của môn học này, sinh viên nắm vững hệ thống văn bản pháp lý của nhà nước và nội dung, phương pháp, các nguyên tắc trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; Kỹ năng xác định nhận dạng, đánh giá, giá trị của hệ thống di sản văn hóa; Những nguyên tắc, qui trình và phương pháp trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phục hồi di sản văn hóa
 - Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm sau khi ra trường

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành Quản lý văn hóa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy

- Đối với giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các giờ học, chú ý nghe giảng, tích cực tự học hỏi, đưa ra các sáng kiến.

3. Trọng tâm cần chú ý: Chương trình chi tiết môn học theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục dạy nghề.

4. Tài liệu tham khảo:

- Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thực thi, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội (2003).

- Luật Du lịch Việt Nam (2005) Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

- Đình Việt nam, Hà Văn Tấn - Nguyễn Khắc Cự, Nxb TP HCM, 1998

- Chùa Việt nam, Hà Văn Tấn, Nxb KHXH, 1993

- Thành cổ Việt nam, Đỗ Văn Ninh, Nxb KHXH, 1993

5. Ghi chú và giải thích nếu có:

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tổ chức hoạt động văn hóa thông tin cơ sở

Mã môn học: MH 31

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động văn hóa thông tin tại cơ sở, giúp người học có một số kỹ năng cơ bản trong tổ chức các hoạt động nghiệp vụ văn hóa tại địa phương.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức: Cung cấp kiến thức cơ bản về các hoạt động văn hóa thông tin ở cơ sở từ đó giúp cho sinh viên nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của các hoạt động văn hóa thông tin ở địa phương để thực hiện tốt công tác quản lý văn hóa thông tin cơ sở.

2. Về kỹ năng: Người học thực hành được các kỹ năng cơ bản trong tổ chức các hoạt động VHTTCS tại địa phương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn Tổ chức hoạt động VHTTCS trong thực tế.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên bài	Thời lượng			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát đời sống văn hóa ở cơ sở	10	8	2	
2	Bài 2: Nội dung tổ chức hoạt động VHTTCS	63	10	50	3
3	Bài 3: Xây dựng cơ sở hạ tầng cho sự nghiệp VHTTCS	17	8	8	1
	Cộng	90	26	60	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái quát đời sống văn hóa ở cơ sở (*thời gian: 10 giờ*)

1. Mục tiêu

- Giúp cho sinh viên nắm được những vấn đề lý luận chung khái quát về đời sống văn hóa ở cơ sở

2. Nội dung

2.1. Khái niệm Đời sống văn hóa ở cơ sở

2.2. Các dạng hoạt động văn hóa thông tin ở cơ sở

Bài 2: Nội dung tổ chức hoạt động VHTTCS

(*thời gian: 63 giờ*)

1. Mục tiêu

- Giúp cho sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của hoạt động văn hóa thông tin ở cơ sở

2. Nội dung

2.1. Tổ chức hoạt động đội thông tin lưu động

2.2. Tổ chức hoạt động văn nghệ quần chúng ở cơ sở

2.3. Tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền cổ động

2.4. Tổ chức các hoạt động khuyến học và khuyến đọc

2.5. Tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống

2.6. Phối hợp với thể thao, đoàn thanh niên cộng sản tổ chức các hoạt động thể dục thể thao

2.7. Phối hợp với mặt trận tổ quốc, đoàn thể, ban ngành, tổ chức các hoạt động xây dựng thôn, làng, bản, ấp, khu phố,...văn hóa, gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa.

Bài 3: Xây dựng cơ sở hạ tầng cho sự nghiệp VHTTCS

(*thời gian: 17 giờ*)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được về vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng cho sự nghiệp VHTTCS: xây dựng nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng nguồn tài chính.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng nguồn nhân lực cho công tác văn hóa thông tin cơ sở

2.2. Xây dựng cơ sở vật chất cho công tác văn hóa thông tin ở cơ sở

2.3. Xây dựng nguồn tài chính cho công tác văn hóa thông tin ở cơ sở

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: 01
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá qua các bài kiểm tra kiến thức về vai trò, tầm quan trọng của các hoạt động văn hóa thông tin ở địa phương.

- Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện công việc qua các bài tập thảo luận nhóm, các bài viết, thuyết trình của SV, cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động văn hóa TTCS theo tháng, theo quý và theo năm.

+ Xây dựng và tổ chức các hoạt động VHTTCS tại địa phương.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: : Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Ánh, Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Văn Hy (2002), *Công tác nhà văn hoá*, Nxb VHNT.

- Trần Văn Ánh, Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Văn Hy (2002), *Công tác xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở*, Nxb VHNT.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hoá và đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Nguyễn Khoa Điềm (Chủ biên) (2001), *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Văn hoá và phát triển (2004), *Văn hoá và phát triển ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

- Hoàng Vinh (1999), *Một số vấn đề lý luận văn hoá thời kỳ đổi mới*, Nxb CTQG.

- Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hoá ở nước ta*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lễ hội dân gian Việt Nam

Mã môn học: MH 32

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; thảo luận, thực tế: 30 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Lễ hội dân gian Việt Nam trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các lễ hội dân gian Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm lễ hội dân gian truyền thống, nguồn gốc ra đời của lễ hội dân gian, mục đích, tính chất của lễ hội.

- Về kỹ năng: Giúp người học hiểu, nắm vững những kiến thức cơ bản một cách hệ thống.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học áp dụng kiến thức môn Lễ hội dân gian Việt Nam trong thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời lượng			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về lễ hội dân gian Việt Nam	8	4	4	
2	Bài 2. Phân loại lễ hội dân gian	12	5	6	1
3	Bài 3. Các thành tố cơ bản của lễ hội dân gian	12	6	6	
4	Bài 4. Lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	13	6	6	1
5	Bài 5. Lễ hội dân gian Việt Nam trong sự phát triển du lịch	15	6	8	1
	Cộng	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái quát về lễ hội dân gian Việt Nam

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên nắm được khái niệm lễ hội dân gian, cơ sở ra đời của lễ hội và bản chất của lễ hội dân gian Việt Nam

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm lễ hội dân gian
- 2.2. Cơ sở ra đời lễ hội dân gian truyền thống
- 2.3. Mục đích và tính chất của lễ hội dân gian
- 2.4. bản chất của lễ hội dân gian

Bài 2. Phân loại lễ hội dân gian

(Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên biết cách phân loại được lễ hội dân gian.

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại lễ hội theo không gian lãnh thổ
- 2.2. Phân loại lễ hội theo thời gian, mùa vụ sản xuất
- 2.3. Phân loại lễ hội theo tôn giáo
- 2.4. Phân loại lễ hội theo tín ngưỡng
- 2.5. Phân loại lễ hội theo tính chất của lễ hội
- 2.6. Phân loại lễ hội theo loại hình thiết chế tôn giáo tín ngưỡng

Bài 3. Các thành tố cơ bản của lễ hội dân gian

(Thời gian: 12 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên tìm hiểu hệ thống các nghi lễ, nghi thức, các trò chơi dân gian, văn hóa ẩm thực...

2. Nội dung

- 2.1. Hệ thống nghi lễ, nghi thức thờ cúng – tế lễ.
- 2.2. Tục hèm và trò diễn dân gian
- 2.3. Trò chơi dân gian
- 2.4. Văn hóa ẩm thực

Bài 4: Lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

(Thời gian: 13 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên tìm hiểu một số lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm tổ chức lễ hội của đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam

2.2. Một số lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Bài 5: Lễ hội dân gian Việt Nam trong sự phát triển du lịch

(Thời gian: 15 giờ)

1. Mục tiêu

Giúp cho sinh viên tìm hiểu sự tác động giữa lễ hội và du lịch

2. Nội dung

2.1. Tác động giữa lễ hội và du lịch

2.2. Những vấn đề đặt ra khi tổ chức lễ hội du lịch và kinh doanh du lịch lễ hội.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: 0

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

+ Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về Lễ hội dân gian Việt Nam.

- Kỹ năng:

+ Sinh viên biết cách phân loại lễ hội dân gian và các thành tố cơ bản của lễ hội dân gian.

+ Nắm được đặc điểm một số lễ hội của đồng bào dân tộc thiểu số

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch, Dương Văn Sáu, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2004

- Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt nam, Ngô Đức Thịnh, Nxb Trẻ, 2004

- Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người, Nguyễn Từ Chi, Nxb Văn hoá - Thông tin, 1996

- Văn hoá Việt Nam và cách tiếp cận mới, Phan Ngọc, Văn hoá - Thông tin, 1994

- Tìm hiểu bản sắc văn hoá Việt Nam, Trần Ngọc Thêm, Nxb TP HCM, 1997

- Cơ sở văn hoá Việt Nam, Trần Quốc Vượng, Nxb Giáo Dục, 1997

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Truyền thông đại chúng

Mã môn học: MH 33

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; Thảo luận: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

* **Vị trí:** Môn học môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

* **Tính chất:** là môn học chuyên ngành trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí, chức năng, nguyên tắc của truyền thông đại chúng trong xã hội; Các loại hình truyền thông; Những vấn đề về truyền thông đại chúng trong thế giới hiện đại; Lãnh đạo, quản lý và giao tiếp với các phương tiện truyền thông đại chúng

II. Mục tiêu môn học:

* Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí, chức năng, nguyên tắc của truyền thông đại chúng trong xã hội.

- Truyền thông và truyền thông đại chúng

- Các loại hình truyền thông

- Những vấn đề về truyền thông đại chúng trong thế giới hiện đại

- Lãnh đạo, quản lý và giao tiếp với các phương tiện truyền thông đại chúng

* Về kỹ năng:

- Sinh viên cần phải nắm vững những kiến thức cơ bản của môn học để vận dụng vào lĩnh vực quản lý văn hóa nói chung và quản lý hoạt động truyền thông đại chúng nói riêng.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên bài	Thời gian			
		Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Truyền thông và truyền thông đại chúng	8	2	6	
2	Bài 2: Sách và xuất bản sách	3	1	2	
3	Bài 3: Báo in	3	1	2	

4	Bài 4: Phát thanh	3	1	2	
5	Bài 5: Truyền hình	4	1	2	1
6	Bài 6: Quảng cáo	3	1	2	
7	Bài 7: Các loại hình truyền thông đại chúng	3	1	2	
8	Bài 8: Những vấn đề về truyền thông đại chúng trong thế giới hiện đại	6	2	4	
9	Bài 9: Lãnh đạo - Quản lý và giao tiếp với các phương tiện truyền thông đại chúng	12	3	8	1
	Tổng	45	13	30	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Truyền thông và truyền thông đại chúng

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về truyền thông đại chúng: khái niệm, lịch sử hình thành, chức năng xã hội của truyền thông đại chúng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm cơ bản

2.2. Sơ lược lịch sử phát triển truyền thông đại chúng

2.3. Mô hình và Cơ chế tác động của truyền thông đại chúng

2.4. Các chức năng xã hội của truyền thông đại chúng

Bài 2: Sách và xuất bản sách

(Thời gian: 3 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm và đặc điểm của loại hình sách; lịch sử xuất bản sách và tổ chức hoạt động xuất bản sách.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và đặc điểm loại hình của sách

2.2. Sơ lược lịch sử xuất bản sách

2.3. Tổ chức hoạt động xuất bản sách

Bài 3: Báo in

(Thời gian: 3 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm, lịch sử phát triển và quy trình sản xuất sản phẩm báo in.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và đặc điểm loại hình của Báo in

- 2.2. Sơ lược lịch sử báo in
- 2.3. Quy trình sản xuất sản phẩm báo in

Bài 4: Phát thanh

(Thời gian: 3 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm, lịch sử phát triển và quy trình sản xuất chương trình phát thanh.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm loại hình của phát thanh
- 2.2. Sơ lược lịch sử phát thanh
- 2.3. Sản xuất các chương trình phát thanh

Bài 5: Truyền hình

(Thời gian: 4 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm, lịch sử phát triển và quy trình sản xuất chương trình truyền hình.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm loại hình của Truyền hình
- 2.2. Sơ lược lịch sử của Truyền hình
- 2.3. Kỹ thuật sản xuất các chương trình Truyền hình

Bài 6: Quảng cáo

(Thời gian: 3 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm, phân loại, đặc trưng và vai trò xã hội của quảng cáo.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm và phân loại quảng cáo
- 2.2. Sơ lược lịch sử phát triển của quảng cáo
- 2.3. Đặc trưng và vai trò xã hội của quảng cáo

Bài 7: Các loại hình truyền thông đại chúng

(Thời gian: 3 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên biết được các loại hình truyền thông đại chúng.

2. Nội dung

- 2.1. Điện ảnh

- 2.2. Hăng tin tức
- 2.3. Internet mạng truyền thông toàn cầu

Bài 8: Những vấn đề về truyền thông đại chúng trong thế giới hiện đại *(Thời gian: 6 giờ)*

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về truyền thông đại chúng trong thế giới hiện đại.

2. Nội dung

- 2.1. Toàn cầu hoá truyền thông đại chúng
- 2.2. Mâu thuẫn chức năng của hệ thống truyền thông đại chúng

Bài 9

Lãnh đạo - quản lý và giao tiếp với các phương tiện truyền thông đại chúng *(Thời gian: 12 giờ)*

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được những vấn đề có tính nguyên tắc trong lãnh đạo, quản lý hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng; vấn đề quản lý nhà nước đối với hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề có tính nguyên tắc trong lãnh đạo, quản lý hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng.
- 2.2. Quản lý nhà nước đối với hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học: Phòng tập thể
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu
- 3. Giáo trình, học liệu:
 - Báo chí những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhiều tác giả, Nxb Giáo dục, 1994.
 - Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang, Nxb Đại học Quốc gia, 2004.
 - Trần Hữu Quang, Xã hội học Truyền Thông Đại Chúng, NXB Đại Học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh, 1997
 - Cơ sở lý luận báo chí, Tạ Ngọc Tấn, Nxb Văn hóa - Thông tin, 1999
- 4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

*** Kiến thức:**

- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về các phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại, các nguyên tắc, phương pháp chính nhằm quản lý, điều hành, phát huy tốt vai trò, sức mạnh của các loại hình phương tiện truyền thông đại chúng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

*** Kỹ năng:**

- Sinh viên cần phải nắm vững những kiến thức cơ bản của môn học để vận dụng vào lĩnh vực quản lý văn hóa.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Sinh viên có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình đào tạo dành cho ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tham gia đầy đủ các giờ học, chú ý nghe giảng, tích cực tự học hỏi và đưa ra các sáng kiến.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bùng nổ truyền thông, Philippe Breton và Serge Proulx, Nxb Văn hóa - Thông tin, 1996.

- Ký giả chuyên nghiệp, John Hohenberg, Nxb 1974.

- Từ điển Xã hội học, Nguyễn Khắc Viện, NXB HN.1995.

- Tạp chí Nghiên cứu văn hóa.

- Tạp chí Xã hội học.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Quản lý các thiết chế văn hóa

Mã môn học: MH 34

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, bài tập, thảo luận: 60 giờ, kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Môn học Quản lý các thiết chế văn hóa giúp SV nắm được hoạt động của hệ thống các thiết chế văn hóa ở Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên xác định được hệ thống các thiết chế văn hóa ở Việt Nam và những chức năng của nó.

- Phân tích được thực trạng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở nước ta.

- Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa.

- Về kỹ năng: Giúp người học hiểu, nắm vững những kiến thức về các thiết chế văn hóa, biết xây dựng kế hoạch hoạt động của thiết chế văn hóa.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp người học có khả năng áp dụng kiến thức về thiết chế văn hóa trong cuộc sống và công việc sau này.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Hệ thống các thiết chế văn hóa ở Việt Nam 1. Khái niệm hệ thống các thiết chế văn hóa 2. Hệ thống các cơ quan văn hóa 3. Những nguyên tắc xây dựng hệ thống các thiết chế văn hóa	2	2		
2	Bài 2: Thiết chế Thư viện 1. Khái niệm 2. Chức năng 3. Những đặc trưng của thư viện xã, phường 4. Quản lý thư viện cơ sở	10	2	8	

3	Bài 3: Thiết chế Nhà văn hóa 1. Sự hình thành và phát triển nhà văn hóa 2. Hệ thống nhà văn hóa cơ sở 3. Chức năng, vai trò của nhà văn hóa 4. Nội dung, hoạt động chủ yếu trong nhà văn hóa 5. Trang thiết bị chuyên dùng trong nhà văn hóa 6. Phương pháp tổ chức, quản lý hoạt động trong nhà văn hóa	13	4	8	1
4	Bài 4: Thiết chế Câu lạc bộ 1. Định nghĩa 2. Chức năng, vai trò của câu lạc bộ 3. Các loại hình câu lạc bộ 4. Quy trình thành lập câu lạc bộ 5. Phương pháp tổ chức hoạt động CLB	13	4	8	1
5	Bài 4: Thiết chế bảo tàng - Phòng truyền thống A. Bảo tàng 1. Định nghĩa 2. Chức năng của bảo tàng 3. nhiệm vụ của bảo tàng 4. Công tác nghiệp vụ của bảo tàng B. Phòng truyền thống 1. Khái niệm 2. Nội dung phòng truyền thống 3. Khái quát các công đoạn xây dựng phòng truyền thống 4. Cách thức xây dựng đề cương 5. Phương pháp xây dựng trưng bày	15	4	10	1
6	Bài 5: Quản lý thiết chế đài truyền thanh 1. Vài nét về phát thanh và hệ thống đài truyền thanh cơ sở 2. Một số đặc điểm của phát thanh 3. Chức năng đài truyền thanh cơ sở 4. Vai trò của hệ thống đài truyền thanh 5. Mô hình tổ chức đài truyền thanh	10	2	8	
7	Bài 6: QL thiết chế nghệ thuật biểu diễn 1. Khái niệm 2. Mô hình tổ chức các HĐ nghệ thuật 3. Phương thức hoạt động 4. Vấn đề quản lý nghệ thuật biểu diễn 5. Nguyên tắc, nội dung quản lý nghệ thuật biểu diễn 6. Phân cấp quản lý	12	4	8	

8	Bài 7: Quản lý các trung tâm triển lãm quảng cáo A. Quảng cáo 1. Khái niệm 2. Các hình thức quảng cáo 3. Các phương tiện thông tin quảng cáo 4. Các yếu tố cơ bản của một chương trình quảng cáo hiệu quả 5. Một số nội dung cần quan tâm khi xây dựng chương trình thông tin- quảng cáo: 6. Mô hình thiết kế một chương trình quảng cáo-tuyên truyền: B. TRIỂN LÃM 1. Khái niệm 2. Phân loại triển lãm 3. Phương pháp tổ chức triển lãm:	15	4	10	1
	Cộng	90	26	60	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Hệ thống các thiết chế văn hóa ở Việt Nam (Thời gian: 2 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được khái niệm hệ thống thiết chế văn hóa, những nguyên tắc và cơ sở xây dựng thiết chế văn hóa.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm hệ thống các thiết chế văn hóa

2.2. Hệ thống các cơ quan văn hóa

2.3. Những nguyên tắc xây dựng hệ thống các thiết chế văn hóa

Bài 2: Thiết chế Thư viện (Thời gian: 10 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm được khái niệm, chức năng, những đặc trưng của thư viện xã phường cũng như cách quản lý chúng.

2. Nội dung

2. 1. Khái niệm

2.2. Chức năng

2. 3. Những đặc trưng của thư viện xã, phường

2. 4. Quản lý thư viện cơ sở

Bài 3: Thiết chế Nhà văn hóa (Thời gian: 13 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm được sự hình thành và phát triển của nhà văn hóa, chức năng vai trò, nội dung hoạt động, trang thiết bị chuyên dùng cho nhà văn hóa. Đặc biệt là cách thức tổ chức, quản lý hoạt động trong nhà văn hóa.

2. Nội dung

- 2.1. Sự hình thành và phát triển nhà văn hóa
- 2.2. Hệ thống nhà văn hóa cơ sở
- 2.3. Chức năng, vai trò của nhà văn hóa
- 2.4. Nội dung, hoạt động chủ yếu trong nhà văn hóa
- 2.5. Trang thiết bị chuyên dùng trong nhà văn hóa
2. 6. Phương pháp tổ chức, quản lý hoạt động trong nhà văn hóa

Bài 4: Thiết chế Câu lạc bộ (Thời gian: 13 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được câu lạc bộ là gì?, chức năng vai trò, các loại hình cũng như quy trình thành lập câu lạc bộ. Đặc biệt là phương pháp tổ chức hoạt động trong nhà văn hóa.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Chức năng, vai trò của câu lạc bộ
2. 3. Các loại hình câu lạc bộ
- 2.4. Quy trình thành lập câu lạc bộ
2. 5. Phương pháp tổ chức hoạt động câu lạc bộ

Bài 5: Thiết chế bảo tàng - Phòng truyền thống (Thời gian: 15 giờ)

1. Mục tiêu

Sinh viên hiểu được các chức năng, nhiệm vụ cũng như công tác nghiệp vụ của thiết chế bảo tàng. Khái niệm, nội dung và phương pháp trưng bày phòng truyền thống tại cơ sở.

2. Nội dung

A. Bảo tàng

1. Định nghĩa
2. Chức năng của bảo tàng

3. nhiệm vụ của bảo tàng
4. Công tác nghiệp vụ của bảo tàng

B. Phòng truyền thống

1. Khái niệm
2. Nội dung phòng truyền thống
3. Khái quát các công đoạn xây dựng phòng truyền thống
4. Cách thức xây dựng đề cương
5. Phương pháp xây dựng trưng bày

Bài 5: Quản lý thiết chế đài truyền thanh *(Thời gian: 10 giờ)*

1. Mục tiêu

Sinh viên nắm được vài nét về phát thanh và hệ thống đài truyền thanh cơ sở cũng như đặc điểm, chức năng, vai trò và mô hình tổ chức đài truyền thanh ở địa phương.

2. Nội dung

- 2.1. Vài nét về phát thanh và hệ thống đài truyền thanh cơ sở
- 2.2. Một số đặc điểm của phát thanh
- 2.3. Chức năng đài truyền thanh cơ sở
- 2.4. Vai trò của hệ thống đài truyền thanh cơ sở
- 2.5. Mô hình tổ chức đài truyền thanh.

Bài 6: Quản lý thiết chế nghệ thuật biểu diễn *(Thời gian: 12 giờ)*

1. Mục tiêu

Sinh viên biết được khái niệm, mô hình, phương thức hoạt động và vấn đề quản lý nghệ thuật biểu diễn cùng nguyên tắc nội dung và phân cấp quản lý trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Mô hình tổ chức các hoạt động nghệ thuật
- 2.3. Phương thức hoạt động
- 2.4. Vấn đề quản lý nghệ thuật biểu diễn
- 2.5. Nguyên tắc, nội dung quản lý nghệ thuật biểu diễn
- 2.6. Phân cấp quản lý

Bài 7: Quản lý các trung tâm triển lãm quảng cáo (Thời gian: 15 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu được khái niệm, các hình thức, phương tiện và các yếu tố cơ bản của một chương trình quảng cáo. Đặc biệt là cách thiết kế một chương trình quảng cáo hiệu quả.

- Biết được triển lãm là gì và các phân loại cùng phương pháp tổ chức một buổi triển lãm

A. Quảng cáo

1. Khái niệm
2. Các hình thức quảng cáo
3. Các phương tiện thông tin quảng cáo
4. Các yếu tố cơ bản của một chương trình quảng cáo hiệu quả
5. Một số nội dung cần quan tâm khi xây dựng chương trình thông tin - quảng cáo
6. Mô hình thiết kế một chương trình quảng cáo-tuyên truyền:

B. TRIỂN LÃM:

1. Khái niệm
2. Phân loại triển lãm
3. Phương pháp tổ chức triển lãm:

2. Nội dung

- 2.1. Khái lược cơ sở khoa học quản lý
- 2.2. Quản lý thiết chế văn hóa
- 2.3. Quy trình quản lý thiết chế văn hóa quản lý và
- 2.4. Những nguyên tắc cơ bản trong quản lý thiết chế văn hóa
- 2.5. Phương pháp quản lý thiết chế văn hóa

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu tham khảo
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá qua các bài kiểm tra kiến thức về xác định được hệ thống các thiết chế văn hóa ở Việt Nam và những chức năng của nó; Phân tích được thực trạng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở nước ta.

- Kỹ năng: Đánh giá qua các bài tập thảo luận nhóm, các bài viết, thuyết trình của SV, xây dựng chương trình hoạt động của thiết chế văn hóa.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học có khả năng áp dụng kiến thức về thiết chế văn hóa trong cuộc sống và công việc sau này.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình cao đẳng ngành Quản lý văn hóa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo và đưa ra các sáng kiến

3. Tài liệu tham khảo:

- Những bài giảng về Quản lý văn hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - PGS, TS Nguyễn Tri Nguyên, Nxb VHNT, 2004

- Tập bài giảng môn Kinh tế văn hóa - PGS, TS Lê Ngọc Tông

- Quản lý hoạt động văn hóa - Nguyễn Văn Hy, Nxb VHNT, 1998

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập nghề nghiệp

Mã môn học: MH 35

Thời gian thực hiện môn học: 720 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực tập có hướng dẫn: 716 giờ, kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa, trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Môn Thực hành, thực tập nghề nghiệp là môn học thực tế, kết hợp kiến thức đã học trải nghiệm thực tế trong công tác văn hóa.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Giúp sinh viên nâng cao nhận thức về vai trò của ngành văn hoá trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trên cơ sở đó phấn đấu trở thành người cán bộ văn hoá giỏi.

- Về kỹ năng: sinh viên chủ động, sáng tạo trong vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng trong thực tế, hình thành năng lực quản lý văn hoá.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được những vấn đề thực tiễn trong quá trình làm việc tại các cơ quan văn hóa. Biết chủ động, sáng tạo, trong công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực tập có hướng dẫn	Kiểm tra
1	1- Tìm hiểu thực tế hoạt động văn hoá.	11		10	1
2	Thực tập làm cán bộ viên chức ngành văn hoá.	301		300	1
3	Thực tập tham gia trực tiếp vào các hoạt động văn hoá	387		386	1
4	Viết báo cáo thu hoạch.	21		20	1
	Cộng:	720		716	4

2. Nội dung chi tiết

1- Tìm hiểu thực tế hoạt động văn hoá.

Thời gian: 10 giờ

2. Thực tập làm cán bộ viên chức ngành văn hoá.

Thời gian: 300 giờ

a- Lập kế hoạch hoạt động văn hoá cả đợt và từng tuần. Theo dõi, nắm vững tình hình hoạt động văn hoá, cũng như các hoạt động khác của địa phương trong suốt thời gian thực tập, có ghi chép, nhận xét, đánh giá.

b- Hướng dẫn các buổi sinh hoạt tại các CLB do trung tâm VH, NVH tổ chức, tổ chức các hoạt động vui chơi, văn nghệ, thể dục, thể thao, đèn on đáp nghĩa...và kỷ niệm các ngày lễ truyền thống...

3. Thực tập tham gia trực tiếp vào các hoạt động văn hoá

Thời gian: 386 giờ

a- Lập kế hoạch hoạt động văn hoá cả đợt và từng tuần.

b- Tham gia ít nhất 1 lần các hoạt động văn hoá kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm tại cơ sở thực tập (Hoạt động văn nghệ QC, Thông tin cổ động, phong trào TD ĐKXD ĐSVHCS, Khuyến học, khuyến đọc, TDTT...)

c- Xây dựng chương trình, luyện tập và tham gia biểu diễn nếu là hoạt động văn hoá văn nghệ, tham gia cắt kẻ vẽ khẩu hiệu nếu là hoạt động TT cổ động... Sau mỗi chương trình có rút kinh nghiệm, đề xuất để làm chương trình sau được tốt hơn.

4. Viết báo cáo thu hoạch.

Thời gian: 20 giờ

Cuối đợt thực tập mỗi sinh viên sẽ phải viết báo cáo thực tập dưới dạng bài nghiên cứu về các nội dung liên quan đến các hoạt động mà sinh viên thực tập.

Kiểm tra: 04 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Tuỳ vào điều kiện thực tế tại cơ sở thực tập
2. Trang thiết bị máy móc: máy tính
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tuỳ vào điều kiện thực tế tại cơ sở thực tập
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá qua bài báo cáo thu hoạch và nhật ký thực tập của SV.
 - Kỹ năng: Đánh giá việc thực hiện công việc qua nhận xét của đơn vị thực tập về SV trong quá trình tham gia trực tiếp vào các hoạt động văn hóa tại nơi SV đến thực tập.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học có khả năng áp dụng kiến thức vào vấn đề thực tiễn trong quá trình thực tập tại các đơn vị cơ sở.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: thực hành, thực tập nghề nghiệp là môn học chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên/giảng viên: Hướng dẫn, phân tích, đánh giá quá trình thực tập của sinh viên

- Đối với người học: Rèn luyện và tích hợp kiến thức theo hướng người học chủ động và sáng tạo trong công việc.

3. Tài liệu tham khảo:

Tham khảo một số tài liệu, các sách, báo, tạp chí về các vấn đề có liên quan đến nội dung báo cáo thực tập.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nghệ thuật tạo hình một số dân tộc vùng Tây Bắc

Mã môn học: MH 36

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thảo luận, bài tập: 14 giờ và kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa trình độ Cao đẳng.

- Tính chất: Là môn học lý luận mang tính khoa học về đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa và quan niệm về thẩm mỹ qua Kiến trúc và Trang trí ứng dụng một số dân tộc vùng Tây Bắc.

II. Mục tiêu môn học:

- Về Kiến thức: Sinh viên nắm được khái quát về đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa và quan niệm về thẩm mỹ qua Kiến trúc và Trang trí ứng dụng một số dân tộc vùng Tây Bắc.

- Về Kỹ năng: Sinh viên biết đánh giá, phân tích các điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa nhằm hình thành quan niệm về tạo hình trong kiến trúc, trang trí ứng dụng và vận dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học chủ động sáng tạo trong thực hành nghề nghiệp trên cơ sở nhận biết về nghệ thuật tạo hình một số dân tộc vùng Tây Bắc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, Bài tập	Kiểm tra
1	Khái lược chung vùng Tây Bắc	14	7	7	
2	Nghệ thuật kiến trúc một số dân tộc vùng Tây Bắc	8	4	3	1
3	Nghệ thuật trang trí ứng dụng một số dân tộc vùng Tây Bắc	8	3	4	1
	Cộng	30	14	14	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Khái lược chung vùng Tây Bắc

(Thời gian: 14 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên hiểu khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa
- Nguồn gốc phát triển, địa bàn cư trú tộc người vùng Tây Bắc

2. Nội dung

- 2.1. Điều kiện tự nhiên và môi trường
- 2.2. Điều kiện về kinh tế - xã hội - văn hóa
- 2.3. Nguồn gốc và quá trình phát triển một số dân tộc vùng Tây Bắc

Chương 2: Nghệ thuật kiến trúc một số dân tộc vùng Tây Bắc

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nhận biết được đặc điểm kiến trúc
- Nhận biết về kỹ thuật, vật liệu xây dựng và những kiểu thức kiến trúc phổ biến vùng Tây Bắc.

2. Nội dung

- 2.1. Nhà sàn
- 2.2. Nhà nửa sàn nửa đất
- 2.3. Nhà đất

Chương 3: Nghệ thuật trang trí ứng dụng một số dân tộc vùng Tây Bắc

(Thời gian: 8 giờ)

1. Mục tiêu

- Sinh viên nhận biết được đặc điểm họa tiết trang trí, tạo dáng một số đồ dùng vật của người dân tộc vùng Tây Bắc;
- Giá trị nghệ thuật các họa tiết, mô típ trang trí trên đồ dùng vật dụng và đặc trưng tộc người.

2. Nội dung

- 2.1. Trang trí trên vải
- 2.2. Trang trí trang phục
- 2.3. Trang trí nội ngoại thất
- 2.4. Trang trí đồ dùng, vật dụng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính + Máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Hình ảnh trực quan, một số đồ dùng, vật dụng có yếu tố trang trí của một số dân tộc vùng Tây Bắc.
4. Các điều kiện khác: Đi thực tế

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Phân biệt được đặc điểm về tự nhiên và môi trường; điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội; đặc điểm kiến trúc và nghệ thuật trang trí ứng dụng của một số dân tộc vùng Tây Bắc.

- Kỹ năng: Phân tích các yếu tố của tự nhiên, kinh tế - văn hóa - xã hội và tạo hình trong kiến trúc, trang trí ứng dụng để vận dụng vào các môn học khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết vận dụng những kiến thức về tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa và nghệ thuật tạo hình trong ứng xử, giao tiếp để hòa nhập với cộng đồng dân tộc vùng Tây Bắc.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Nghệ thuật tạo hình một số dân tộc vùng Tây Bắc thuộc các môn học cơ sở ngành Cao đẳng Quản lý Văn hóa.

- Kết thúc học kỳ giảng viên thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả của từng học phần theo quy định.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình; Vấn đáp; Gọi mở; Đánh giá.

- Đối với người học: Tiếp thu, ghi nhớ kiến thức và vận dụng vào bài tập các môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

1) PGS.TS Hoàng Lương, *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Đại học Văn hóa Hà Nội, 2005

2) Khổng Diễn, *Dân tộc Khơ Mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 1999.

3) Lò Giàng Páo, *Tìm hiểu văn hóa vùng các dân tộc thiểu số*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 1997.

4) Đinh Gia Khánh, *Văn hóa dân gian Việt Nam với sự phát triển của xã hội Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995.

5) Nhiều tác giả, *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, 1972.

6) Thạc sĩ Đỗ Thị Hòa, *Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Ka đai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2005.

- 7) Trương Văn Sơn, Điều Thúy Hoàn, Nguyễn Thị Mai Hương, *Múa dân gian một số dân tộc vùng Tây Bắc*, Nxb VHDT, 2003.
- 8) Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian Việt Nam, *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 1999.
- 9) Phan Ngọc Khuê, *Lễ cấp sắc của người Dao Lô gang ở Lạng Sơn*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2003.
- 10) Ngô Đức Thịnh, *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2000.
- 11) Bùi Chi, *Nét chính về trang phục*, Sở VH TT Hà Sơn Bình, 1988.
- 12) Bế Việt Đăng và các tác giả khác, *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, 1971.
- 13) Trần Bình, *Dân tộc Xinh Mun ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 1999.
- 14) Phan Hữu Dật, Cẩm Trọng, *Văn hóa Thái Việt Nam* - Nxb Văn hóa Dân tộc, 1999.
- 15) Ma Ngọc Dung (chủ biên), *Văn hóa Si La*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2000.
- 16) Ngọc Hải, *Bản sắc văn hóa dân tộc Mảng*, Hội Văn học Nghệ thuật Lai Châu ấn hành, 2002.
- 17) Hoàng Thị Mong, Ma Thị Tiên, *Trang trí dân tộc thiểu số*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 1994.
- 18) Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, *Giữ gìn và phát huy tài sản văn hóa các dân tộc ở Tây Bắc và Tây Nguyên*, Nxb khoa học Xã hội, 1998.
- 19) Vũ Ngọc Khánh, *Sơ lược truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 1998.
- 20) Hoàng Lương, *Những dấu tích của người Thái ở vùng Mường Hòa Bình*, Tạp chí Dân tộc học, số 3, 2001.
- 21) Hoàng Lương, *Lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2002.
- 22) Vương Hoàng Tuyên, *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 1963.
- 23) Viện Dân tộc học, *Người La Hủ ở Việt Nam*, Nxb VHDT, 2000.
- 24) Chuyên trang dân tộc, Trang Thông tin điện tử của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch
- 25) <http://www.baohoabinh.com.vn>

26) <http://www.bienphongvietnam.vn/nguyen-cuu-trao-doi>

27) <http://web.cema.gov.vn>

28) <http://laichau.tourism.vn>

29) <http://mobile.coviet.vn>

30) <http://taybac.vnu.edu.vn>

31) <http://vietlandmarks.com>

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn

- Hình thức thi: Lý thuyết (có thể viết hoặc vấn đáp)

- Thời gian thi: 90 phút

- Điều kiện thi: Thực hiện theo quy chế

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đàn Organ (môn học tự chọn)

Mã môn học: MH 36

Thời gian môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 14 giờ và kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Là một trong những môn học tự chọn nhằm bổ trợ cho sinh viên hệ đào tạo cao đẳng, ngành Quản lý văn hóa, với vai trò hỗ trợ tốt trong việc phát triển năng khiếu âm nhạc cho người học, làm cơ sở cho việc học tập, tiếp thu và cảm thụ các môn học về âm nhạc, và đặc biệt là tạo sự cân bằng, sáng tạo, hướng tới những điều tươi đẹp cho cuộc sống.

- Tính chất: Là môn học đòi hỏi sự rèn luyện nghiêm túc, kiên trì thực hành luyện tập từ đó giúp cho sinh viên phát triển năng khiếu, phát triển toàn diện. Được bố trí học vào kỳ II của năm thứ Ba - kỳ học cuối của khóa học.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức: Hướng dẫn cho sinh viên nắm bắt và thực hiện được các kỹ thuật cơ bản ban đầu của cây đàn Organ, cảm thụ âm nhạc từ đó bổ trợ cho các môn học khác.

- Kỹ năng: người học từng bước vận dụng kỹ thuật vào các bài tập, biết cách sử dụng kỹ năng cơ bản để vỡ bài, tập kỹ năng diễn tấu tiểu phẩm, tác phẩm, đệm hát... phát huy tốt sự cảm thụ âm nhạc, tạo sự nhạy bén, chính xác và tiếp thu được các thuật ngữ âm nhạc, áp dụng cho các môn học khác nhằm nâng cao khả năng tự vận động bổ sung kiến thức cho bản thân.

- Thái độ: sinh viên lên lớp nghiêm túc, luyện tập theo sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn., chuẩn bị tài liệu, tự giác rèn luyện theo yêu cầu môn học.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
Tuần 1	- Giới thiệu về lý thuyết âm nhạc phần cơ bản, làm quen với hàng âm, 7 âm cơ bản, âm chuyển hóa. - Tìm hiểu về Khuông nhạc, khóa nhạc (khóa Xon, khóa Pha); Vị trí nốt nhạc và ký hiệu của chúng; Thảo luận và làm bài tập tại lớp.	4	3	1	

Tuần 2	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa và hình dáng của dấu Thăng, dấu Giáng trong âm nhạc. Các dạng hợp âm 3, hợp âm 7 và ký hiệu của chúng. => ý nghĩa của chúng áp dụng trên đàn Organ điện tử. Thảo luận 	4	3	1	
Tuần 3	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về đàn Organ - Tư thế ngồi và tay đánh đàn, số ngón tay... - Vị trí các nốt trên bàn phím - Giới thiệu Gam C-dur liền bậc 	4	2	2	
Tuần 4	<ul style="list-style-type: none"> - Gam C - dur (gam liền bậc, gam Appe rải) với các kỹ thuật cơ bản Nonlegato, staccato, legato. - Một số bài tập luyện ngón (tập từng tay riêng sau đó ghép hai tay) - Thực hành ứng dụng trên đàn bài kỹ thuật Piano đơn giản * Kiểm tra lấy điểm 	4	1	2,5	0,5
Tuần 5	<ul style="list-style-type: none"> - Gam C - dur với các kỹ thuật cơ bản mở rộng hai quãng tám, kết hợp hai tay hai chiều xuôi ngược. Gam Appe rải (tập từng tay riêng sau đó ghép hai tay). - Tiếp tục thực hành ứng dụng trên đàn bài kỹ thuật Piano đơn giản. - Thực hành ứng dụng tập tiểu phẩm đàn có phần đệm hợp âm. * Kiểm tra lấy điểm 	4	1	2,5	0,5
Tuần 6	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện Gam C - dur (gam liền bậc, gam Appe rải) với các kỹ thuật cơ bản Nonlegato, staccato, legato. - Tiểu phẩm Piano và Tiểu phẩm có phần đệm hợp âm (mức độ đơn giản) - Thực hành ứng dụng 	4	2	2	
Tuần 7	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và Ứng dụng phần đệm bấm ngón đơn (Single Finger) và phần đệm bấm ngón kép (Fingered) đối với các Tiểu phẩm nhỏ, bài hát đơn giản có phần đệm hợp âm - Ứng dụng chọn âm sắc (Voice) , chọn tiết tấu (Style) khi đệm hát - Thực hành ứng dụng, hoàn thiện các bài tập được giao 	4	2	2	

Tuần 8	- Củng cố các kiến thức đã học, ôn tập * Kiểm tra lấy điểm kết thúc môn.	2		1	1
CỘNG		30	14	14	2

2. Nội dung chi tiết

* Tuần 1:

- Giới thiệu về lý thuyết âm nhạc phần cơ bản, làm quen với hàng âm, 7 âm cơ bản, âm chuyển hóa.

- Tìm hiểu về Khuông nhạc, khóa nhạc (khóa Xon, khóa Pha); Vị trí nốt nhạc và ký hiệu của chúng; Thảo luận và làm bài tập tại lớp.

* Tuần 2:

- Ý nghĩa và hình dáng của dấu Thăng, dấu Giáng trong âm nhạc. Các dạng hợp âm 3, hợp âm 7 và ký hiệu của chúng.

=> ý nghĩa của chúng áp dụng trên đàn Organ điện tử. Thảo luận

* Tuần 3:

- Giới thiệu chung về đàn Organ

- Tư thế ngồi đánh đàn, tư thế tay, số ngón tay...

- Vị trí các nốt nhạc trên bàn phím

- Giới thiệu Gam C-dur liền bậc

* Tuần 4:

- Gam C - dur (gam liền bậc, gam Appe rải) với các kỹ thuật cơ bản Nonlegato, staccato, legato.

- Một số bài tập luyện ngón (tập từng tay riêng sau đó ghép hai tay)

- Thực hành ứng dụng trên đàn bài kỹ thuật Piano đơn giản

* Kiểm tra lấy điểm

* Tuần 5:

- Gam C - dur với các kỹ thuật cơ bản mở rộng hai quãng tám, kết hợp hai tay hai chiều xuôi ngược. Gam Appe rải (tập từng tay riêng sau đó ghép hai tay).

- Tiếp tục thực hành ứng dụng trên đàn bài kỹ thuật Piano đơn giản.

- Thực hành ứng dụng tập tiểu phẩm đàn có phần đệm hợp âm.

* Kiểm tra lấy điểm

* Tuần 6:

- Hoàn thiện Gam C - dur (gam liền bậc, gam Appe rải) với các kỹ thuật cơ bản Nonlegato, staccato, legato.

- Tiểu phẩm Piano và Tiểu phẩm có phần đệm hợp âm (mức độ đơn giản)

- Thực hành ứng dụng

*** Tuần 7:**

- Ứng dụng phần đệm bấm ngón đơn (Single Finger) và phần đệm bấm ngón kép (Fingered) đối với các Tiểu phẩm nhỏ, bài hát đơn giản có phần đệm hợp âm

- Ứng dụng chọn âm sắc (Voice) , chọn tiết tấu (Style) khi đệm hát

- Thực hành ứng dụng, hoàn thiện các bài tập được giao

*** Tuần 8:**

- Củng cố các kiến thức đã học, ôn tập.

- Kiểm tra lấy điểm kết thúc môn.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa.

2. Trang thiết bị máy móc: Đàn Organ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đàn Organ để tự rèn luyện.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra, sinh viên trình bày được phần lý thuyết âm nhạc cơ bản nhất; tiếp thu, sáng tạo, hướng tới việc hưởng thụ âm nhạc và thực hành các tiểu phẩm nhỏ, bài hát trên đàn Organ.

- Kỹ năng: Đánh giá sinh viên thông qua các bài tập thực hành, kết quả bài thi., thảo luận trên lớp, bài tập về nhà... có kỹ năng tự học đàn Organ, có khả năng hoạt động nhóm.

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự học hỏi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng viên giao, đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp đánh giá:

- Theo quy chế của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

- Đánh giá Sinh viên bằng phương pháp cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Làm tiền đề cho các môn học âm nhạc, hỗ trợ cho việc học tập một số môn học khác được phát triển tốt hơn.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên/giảng viên: Mỗi sinh viên đều có những ưu, nhược điểm khác nhau vì vậy người Thầy cần giúp trò khắc phục được điểm yếu và phát huy điểm mạnh của mình.

- Đối với người học: Rèn luyện một cách nghiêm túc và tích hợp các kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo theo hướng dẫn của Thầy, đồng thời cần chủ động sáng tạo trong mỗi bài học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Methode Rose.
- Methodesone; etude - czerny.
- Classique 1.
- Piano tác phẩm chọn lọc: Hoàng Hà biên soạn.
- Giáo trình Organ các tác giả: Ngô Ngọc Thắng, Xuân Tứ, Lê Vũ, Quang Đạt
- Sách học đệm Organ: Cù Nhật Minh biên soạn.
- Sách Organ thực hành cho học sinh trung học cơ sở, tài liệu hỗ trợ giảng dạy cho giáo viên: Cù Nhật Minh biên soạn.
- Một số sách tham khảo khác.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

6. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học:

- Hình thức thi: Thi thực hành
- Thời gian thi: 15 phút/sinh viên
- Khối lượng bài thi: Mỗi sinh viên trình bày hoàn chỉnh ít nhất từ 1 tiểu phẩm, bài hát thể hiện bằng 2 tay (kỹ thuật Piano) hoặc tiểu phẩm, bài hát (có phần đệm hợp âm)
- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.